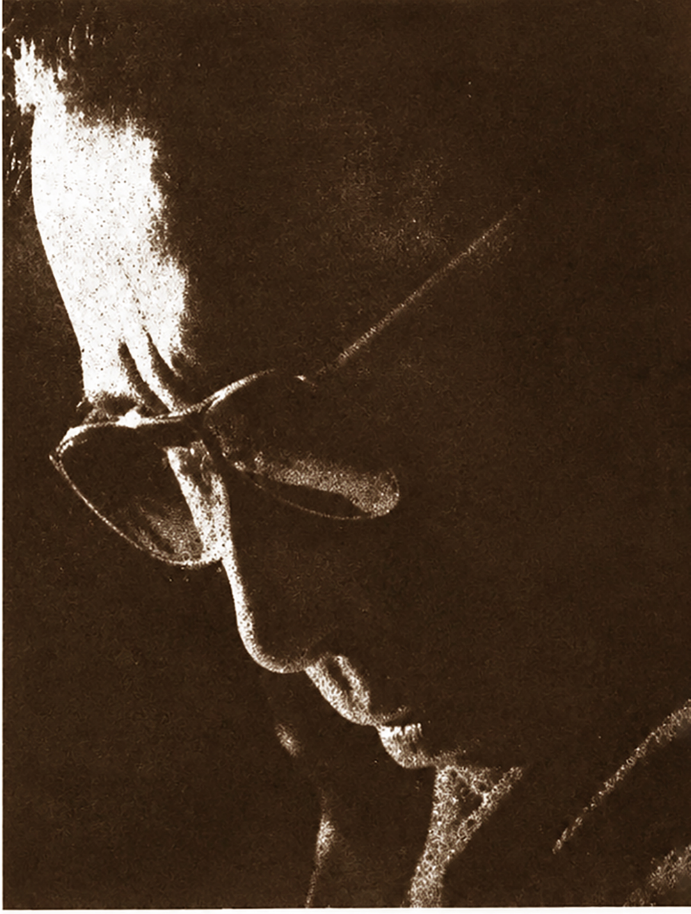

VŨ-HOÀNG-CHƯƠNG

« TA ĐỢI EM TỪ BA MƯƠI NĂM »

VĂN HỌC

PHÊ BÌNH ♦ SÁNG TÁC ♦ NGHỆ THUẬT

8 SỐ 97

MỤC LỤC

1- **Thư Tòa Soạn** (2 trang - không ghi số trang)

2- Ảnh chụp nhà thơ VHC chụp ngày đầu Xuân 1962 (6-2-1966) tại nhà riêng và tấm hình nữ sĩ YSABEL(trang kế) Bản kẽm hình rất mờ.

3- Vũ Hoàng Chương- bản tiểu sử và văn nghiệp VHC, ký tên tạp-chí Văn Học (5 trang kế tiếp)

4- **Vũ Bằng, Đi Xâu Vào Tâm Sự Vũ Hoàng Chương, (**tr- 9- tr. 18) Cung cấp nhiều chi tiết về đời sống, tâm trạng riêng tư, sự sáng tác, mối tình đầu, các bút hiệu hiếm sử dụng.

5- Nguyên Sa, **Một Đoạn Thư Gửi Vũ Hoàng Chương**, (tr. 19- tr. 28) Nhận định văn nghiệp VHC dưới hình thức lá thư

6- Tạ Tỵ, **Vũ Hoàng Chương Tiếng Thở Dài Của Phương Đông Trầm Mặc**, tr. 29-32, tr-99- 115) trích đăng tuần báo *Nghệ Thuật*, số 32, ngày 21-5-1966.

7- Phan Kim Thịnh, **Bệnh Tật và Cái Chết Của Một Số Văn Gia và Thi Gia, phỏng vấn bác sĩ Trần Văn Bảng,** (tr.33- tr.38)

8- Bàng Bá Lân, **Vũ Hoàng Chương**, (tr.39-67) trích " Kỷ Niệm Văn Thi Sĩ Hiện Đại " - cuốn 1 -, Xây Dựng, 1962.

9- Trương Quý Lâm, **Vũ Hoàng Chương Như Một Lửa Dầu,** Suy nghĩ về một nhà thơ của một người thầy thuốc, (tr. 68-tr. 72)

10- Bàng Bá Lân**, Vài Cảm Nghĩ, Về Thơ Tôn Giáo của Vũ Hoàng Chương,** (tr.73-tr.81)

11- Arman Bernier, **Văn Chương Việt Nam Thi Sĩ Vũ Hoàng Chương** (bản dịch) (tr. 82-tr.83)

PHẦN TRÍCH DẪN THƠ VĂN (tr. 84- tr.93) gồm;

12- Bài thơ "Xuân Báo Nửa Đêm" chữ hán và diễn âm (tr. 84)

13- Một bài thơ hai-kai dịch với thủ bút (tr.85)

14- Hình chụp VHC bên tháp Eiffel Paris năm 1967 và bài thơ kỷ niệm đề ngày 8-8-1967 với thủ bút (tr. 86-87)

15- Thơ **55 Tuổi Tự Thọ**, 2 bài (tr. 88)

16- Bài thơ "**Thiên Đường Hồng**" viết Trung Thu 1968 (tr. 89)

17- **Mùi Hương Quái Ảo và lời mào đầu,** truyện ngắn, tr. 90-98)

Thư tòa soạn

Như bạn đọc đã biết trong Văn-Học số 54 phát hành tháng 2-1966 chúng tôi đã loan tin sẽ thực hiện một số đặc biệt : Cảm tạ Vũ Hoàng Chương, nhân dịp thi sĩ họ Vũ đã đóng góp cho thi ca 25 năm. Nhưng rất tiếc tới phút chót hoàn cảnh năm 66 đã làm một số anh em tòa soạn phân tán, nên dự định cho số báo trên phải đình lại.

Nay nhân dịp thi sĩ Vũ Hoàng Chương vừa thọ 55 tuổi nên chúng tôi lại tiếp tục dự định trên. Và nay số báo đã hoàn tất với chủ đề : VŨ HOÀNG CHƯƠNG, «Ta đợi em từ ba mươi năm». Ta đợi em từ ba mươi năm cũng là tên tập thơ mà Vũ Hoàng Chương sắp xuất bản vào cuối năm Kỷ Dậu.

Trước nhất chúng tôi xin gửi lời cảm tạ thi sĩ Vũ Hoàng Chương đã sẵn lòng cung cấp cho chúng tôi những tài liệu và hình ảnh để thực hiện số báo này đầy đủ, và những văn hữu đã đóng góp bài vở giá trị viết về thi sĩ Vũ Hoàng Chương. Cũng trong số báo này có một số bài chúng tôi trích đăng trong các tạp chí, ấn phẩm của một số nhà văn nhưng vì hoàn cảnh khó khăn, thời gian liên lạc nên tòa soạn chưa được diện kiến

h đăng. Vậy mong các văn hữu
mục đích thâu thập những tài
nước nhà, mong quý văn hữu sẽ
đăng tải, chúng tôi thành thật

hủ đề nghiên cứu về : Bệnh tật
ăn gia : Hàn Mặc Tử, Tản Đà,
Tam và Phạm Quỳnh. Văn-Học
tên tuổi : Nguyên Sa : Nhà

PHNT, Văn-Học sẽ thực hiện số
đặc biệt NGUYỄN-TUÂN : Đã đi vào lòng đất.

Chúng tôi ước mong bạn đọc sẽ theo dõi các chủ đề trên và đóng góp bài vở để tờ báo được phong phú hơn.

VĂN-HỌC

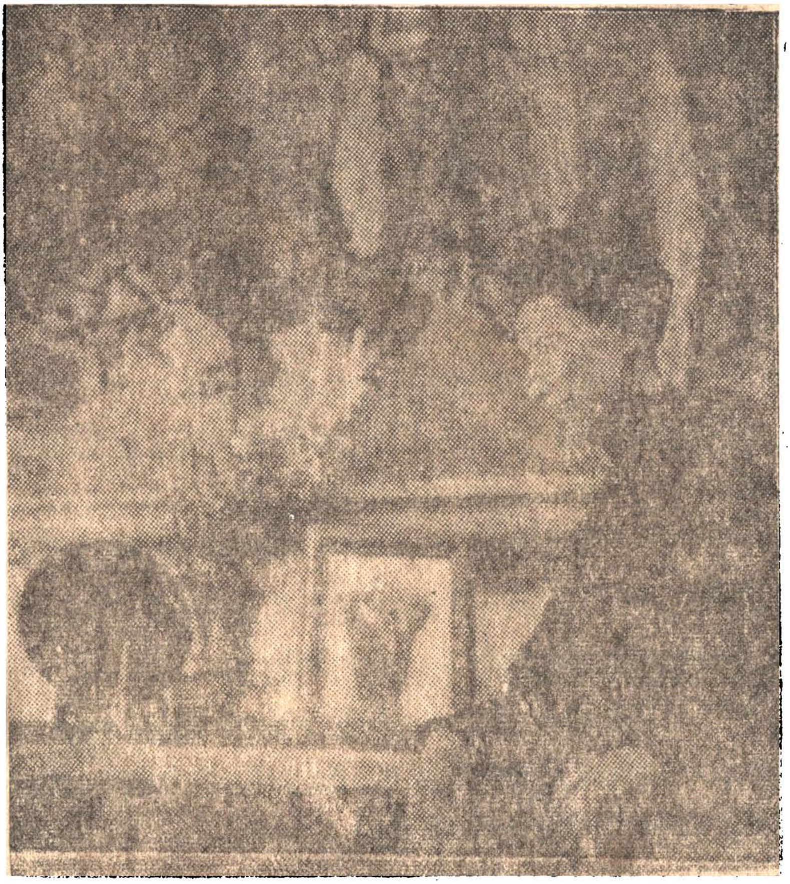

Bức ảnh Thi sĩ Vũ Hoàng Chương chụp ngày đầu Xuân 1962 (6-2-1962) tại nhà Thi sĩ ở Saigon. (Ảnh nhỏ là nữ sĩ YSABEL người bạn thơ của thi sĩ Vũ Hoàng Chương)

vũ hoàng chương

Chính Quán: Làng Phù Ủng, tỉnh Hưng Yên (Bắc Việt)

Sinh Quán : Thành phố Nam Định (B.V.)

Năm Sinh : Năm Ất Mão, tháng Tư, ngày mồng Một ; nhưng trên giấy khai sinh đã ghi :

5-5-1916

1930 : Vào học trường trung học Albert Sarraut, Hà nội.

1937 : Tốt nghiệp (Tú tài Pháp)

1938 : Theo học tại Luật-khoa đại học đường, Hà nội.

1939 : Thôi học, ra làm việc tại sở Hoả Xa

1940 : Xuất bản THƠ SAY, do nhà Cộng-Lực đảm nhận việc ấn loát và phát hành.

1941 : Thôi việc ở Hoả Xa để theo học ban Toán học Đại Cương tại Khoa học đại học đường vừa mới thành lập (Hà-nội).

1942 : Thôi học, xuống Hải Phòng dạy cho một tư thục. Trở về Hà nội lập ban kịch HÀ NỘI cùng với Chu-Ngọc và Nguyễn-Bính. Diễn vở kịch thơ VÂN MUỘI tại Nhà Hát Lớn Hà nội(12-12-1942)

1943 : Xuất bản tập MÂY, do nhà Đời Nay, Hà nội.

1944 : Xuất bản tập kịch thơ, gồm 3 vở : VÂN MUỘI, TRƯƠNG CHI, HỒNG DIỆP ; do nhà Anh Hoa, Hà nội

1945 : Lui về Nam định, cho diễn vở kịch thơ LÊN ĐƯỜNG (sau cuộc Cách mạng tháng 8)

1946 ; Tản cư về vùng duyên hải Nam định.

1947 : Xuất bản tập THƠ LỬA cùng với Đoàn văn Cừ ; do cơ quan Kháng chiến Liên khu 3.

1948 : Sang tỉnh Thái bình dạy cho một tư thục.

1950 : Hồi cư về Hà nội

1951 : Cho diễn vở kịch thơ TÂM SỰ KẺ SANG TẦN ; Dạy học cho một tư thục (và tiếp tục mãi công việc này cho đến bây giờ : 1969)

1952 : Diễn vở kịch thơ THẰNG CUỘI

1953 : Cho đăng báo vở kịch thơ CÔ GÁI MA

1954 : Cho xuất bản tập RỪNG PHONG, do nhà Phạm văn Tươi, Saigon, (trước biến cố Điện biên phủ). Di cư vào Nam, khoảng tháng 8 năm đó (và định cư vào Sàigòn cho đến bây giờ : 1969)

1959 : Xuất bản tập HOA ĐĂNG, do nhà Văn Hữu Á Châu (tháng 7). Sang Âu châu tham dự hội nghị Thi Ca Quốc Tế cứ 2 năm họp một lần tại tỉnh Knokke-Le Zoute, nước Belgique (tháng 9)

1960 : Tái bản 2 tập THƠ SAY và MÂY in chung vào 1 tập mang tên MÂY, Xuất bản tập CẢM THÔNG (nhan đề Anh ngữ là COMMUNION); gồm 6 bài thơ mới sáng tác sau cuộc Âu du và 9 bài cũ lựa chọn lấy tính cách tiêu biểu; do Nguyễn Khang phiên dịch và xuất bản. Tái bản VÂN MUỘI TRƯƠNG CHI, HỒNG DIỆP, do nhà Nguyễn đình Vượng.

1961 : Xuất bản kịch thơ TÂM SỰ KẺ SANG TẦN. Xuất bản tập thơ TÂM TÌNH NGƯỜI ĐẸP (nhan đề Pháp ngữ là LES 28 ETOILES); gồm 42 bài thơ Nhị thập bát tú, kèm theo bản dịch của nữ thi sĩ Bỉ quốc Simone Kuhnen de La Cœuillerie; Do nhà xuất bản Nguyễn Khang.

1962 : Xuất bản tập TRỜI MỘT PHƯƠNG

1963 : Xuất bản tập THI TUYỂN (nhan đề Pháp ngữ là POÈMES CHOISIS) kèm theo bản dịch của Simone Kuhnen de La Coeuillerie; Do nhà Nguyễn Khang (tháng 3). Xuất bản tập LỬA TỪ BI; do nhóm Thanh Tăng (tháng 12).

1964 : Tham dự hội nghị Văn Bút Á Châu họp tại Bangkok, thủ đô nước Thailand

1965 : Tham dự hội nghị Văn Bút Quốc Tế họp tại tỉnh Bled, nước Yougoslavie. (Âu Châu)

1966 : Xuất bản tập ÁNH TRĂNG ĐẠO ; do nha Tuyên Úy Phật giáo (tháng 7) xuất bản tập DIE ACHTUND-ZWANZIG STERNE, thơ dịch Đức ngữ, do nhà Hoffmann Und Campe, tỉnh Hamburg Liên bang Đức quốc. Dịch giả là thi sĩ Áo quốc Kosmas Liegler (tháng 10)

1967 : Tham dự hội nghị Văn-Bút Quốc-Tế họp tại Abidjan, thủ đô nước Côte d' Ivoire (Phi châu) Xuất bản tập BÚT NỞ HOA ĐÀM ; do nhà Vạn Hạnh (tháng 12)

1968 : Xuất bản tập CÀNH MAI TRẮNG MỘNG, do nhà Văn Uyển

*

Ghi thêm.— 1) Tập thơ TÂM TÌNH NGƯỜI ĐẸP đã do thi sĩ lão thành Ý quốc LIONELLO FIUMI đề tựa.

Tập THI TUYỂN do thi sĩ Pháp quốc ANDRÉ GUIMBRETIÈRE giáo sư trường Quốc gia Đông phương sinh ngữ (Paris) đề Tựa.

Tập DIE ACHTUNDZWANZIG STERNE do thi sĩ Đức quốc RUDOLF HAGELSTANGE đề Tựa.

Các tập thơ LỬA TỪ BI, ÁNH TRĂNG ĐẠO và BÚT NỞ HOA ĐÀM đã lần lượt do các Thượng tọa TRÍ QUANG, TÂM GIÁC, và ĐỨC NHUẬN đề Tựa.

2) Các tập RỪNG PHONG, HOA ĐĂNG, MÂY (lần tái bản) VÂN MUỘI (cả lần in thứ 1 và lần in thứ 2), TÂM TÌNH NGƯỜI ĐẸP đều do thi sĩ ĐINH HÙNG vẽ bìa, nền hoặc phụ bản.

Tập MÂY (lần in thứ 1) do họa sĩ TÔ NGỌC VÂN vẽ bìa và nền. Tập TRỜI MỘT PHƯƠNG do họa sĩ HOÀNG LẬP NGÔN vẽ bìa. Tập BÚT NỞ HOA ĐÀM do họa sĩ NGUYỄN GIA TRÍ vẽ bìa.

Tạp-chí VĂN-HỌC

Vũ Bằng

Đi xâu vào tâm sự
VŨ HOÀNG CHƯƠNG

Vũ Hoàng Chương và tôi là bạn với nhau từ thuở nhỏ. Cùng sinh trưởng một nơi, (làng Phù Ủng, Hưng Yên), cùng học một trường, đến lúc ra đời lại cũng làm nghề văn bút một thời, chúng tôi lúc nào cũng e là nói đến nhau sẽ không được triết trung.

Vì thế bài này không phải để khen hay chê Vũ Hoàng Chương. Khen thì các nhà văn, nhà báo trong nước và ngoại quốc (trong đó có 2 cuốn UN DEMI SIECLE DE POÉSIE và INTRODUCTION À LA LITTÉRATURE VIETNAMIENNE) nói tới rồi, mà chê thì lúc nào nước ta cũng sẵn sàng có những tay ngự sử trẻ tuổi điểm thơ văn của Chương một cách gắt gao, lẫm liệt, không kỳ thị.

Để góp phần vào số báo đặc biệt này, tôi gặp Vũ Hoàng Chương nói chuyện với tư cách bạn lâu ngày mới gặp nhau. Đọc giả muốn liệt bài này vào loại gì cũng được nhưng nếu cho là phỏng vấn thì tôi thiết nghĩ đây là một bài phỏng vấn tâm tình (interview Sentimentale) chớ không phải là một bài phỏng vấn quảng cáo (interview publicitaire).

TÔI vừa ngồi xuống ghế thì Chương ngạc nhiên nheo mắt lại:

Chương.—Ồ, sao mà anh khác hẳn đi? Trước, « đàng ấy » mặt tròn, sao bây giờ lại dài?

Tôi.— Chúng ta ai chẳng thay đổi. Ngày tháng, bịnh tật chiến tranh... bao nhiêu thứ làn phá và làm mòn mỏi chúng ta.

Chương.— Chết, thế tôi cũng thay đổi rồi ư? Ờ phải đấy nhỉ, ngót sáu mươi rồi... Năm nay tôi năm mươi nhăm, thế mà mình quên đi mất cứ tưởng là còn trẻ. Thôi chẳng nói đến già, với trẻ làm gì. Có khá không?

Tôi.— Anh cứ nhìn anh, xem có thấy khá không thì biết tôi ra thế nào. Chúng ta cùng thuộc một giai cấp : anh là con nhà giầu ở Bến Thóc Nam Định, nhà rộng ngót 800 thước vuông, gạo chất như núi, lên học trường Albert Sarraut Hà nội, tưởng cả đời ăn không hết của. Vì chiến tranh, chạy ra bưng hết sạch, đến lúc về Hà nội, lần thứ nhất trong đời anh phải nghĩ đến chuyện làm ăn sinh sống. Tôi tự phụ hiểu nỗi buồn của anh hơn ai hết. Nhưng tôi hỏi thực trong thâm tâm anh có lúc nào buồn không?

Chương.— Có chứ. Buồn vô cùng về cái chiến tranh này. Nếu không thì đâu cái thân mình phải ra thế này : lo từ cái rất nhỏ lo đi, tính từ cái rất ti tiểu mà tính lại. Bây giờ mỗi ngày phải dậy học ba tiếng đồng hồ để sinh sống. Nói thế thôi, chớ sinh sống cái nỗm gì?

Tôi.—Nhà thơ vẫn giậy toán phải không?

Chương.—Tản cư ở Bắc Việt một năm, hết tiền tôi bắt đầu giậy toán ở Thái Bình trong khi Đinh Hùng giậy quốc văn và Pháp văn. Năm 1949, Mao Trạch Đông thành công ở lục địa. Bảo

Đại và Bollaert ký một hiệp định ở Vịnh Hạ Long, theo đó thì Pháp chịu trả độc lập cho nước Việt Nam. Thay vì trở về quê hương bản quán ở Nam Định, tôi lên Hà nội. Nhà cửa ở Nam Định bị tàn phá, tôi phải tiếp tục giậy học — và vẫn giậy toán lý hóa — một thời gian rồi giậy Quốc văn cho trường Văn Lang của anh Ngô duy Cầu. Hiện giờ, tôi chỉ còn giậy 16 giờ một tuần buổi chiều tôi nghỉ. Tiền thù lao chẳng đi đến đâu hết, so với lúc trước tôi giậy 48 giờ mỗi tuần; nhưng mình cũng chẳng có cách gì làm khác được, vì mỗi tuổi mỗi yếu, giậy cả sáng cả chiều không có cách gì chịu nổi.

Lúc nãy anh có nói « ở bưng về lần thứ nhất trong đời tôi phải nghĩ đến chuyện làm ăn ». Thực ra, không đúng. Trước khi tản cư, tôi có làm phụ tá kiểm soát viên tập sự (contrôleur adjoint à l'essai) cho công ty xe lửa Đông dương. Theo lệ thì sau hai năm, người phụ tá được làm kiểm soát viên chánh thức; nhưng được tin đậu chính thức rồi, tôi xin thôi việc.

Tôi. — Vì cớ gì?

Chương.— Tại vì tôi nhận làm contrôleur-adjoint để có dịp đi « giang hồ vặt ». Tôi không muốn làm một nhân viên chính thức. Những cuộc xê dịch trong hai năm tập sự này ảnh hưởng rất nhiều đến nhãn quan và tâm tình tôi Nhiều bài thơ « say » như *Phương xa, Con tầu say...* được tạo nên trong lúc này.

Tôi sống hoàn toàn theo ý thích của tôi vì lúc đó tôi không phải lo nghĩ gì về tiền nong. Ông thân tôi làm tri huyện nghèo, nhưng mẹ tôi buôn thóc gạo lúc nào cũng có đồng ra đồng vào nên mình chỉ ngao du ngày tháng, viết văn, làm thơ và hưởng lạc. Năm 1941, ông thân tôi mất. Năm 1946, Việt Pháp đánh nhau, bà thân tôi, tôi và vợ tôi vào Nam. Và cũng từ đấy tôi phải trực

tiếp lo cho sự sống của gia đình, thêm một con trai nhỏ là Vũ Hoàng Tuân (tôi đặt tên ấy vì tôi nhớ Nguyễn Tuân). Sao mà lại không buồn, hở anh ? Mình đâu có phải là thứ người lý tưởng trong thơ «If» của Dudyard Kipling « nếu anh trông thấy cơ nghiệp tan tành, nếu anh thấy lâu đài mộng đẹp đổ vỡ... » cho nên mình không thể phớt tỉnh được, mình cứ phải băn khoăn. Băn khoăn cho số kiếp mình rút lại chẳng làm tròn gì hết : không tròn bổn phận làm con, làm bố, làm chồng, làm dân, mà ngay đến cái, nghiệp của mình theo là nghiệp văn bút cũng không ra gì.

Tôi.— Tính ra thì anh theo đuổi nghiệp thơ văn được bao nhiêu lâu rồi ?

Chương.— Từ lúc mười sáu tuổi, lúc tôi còn đi học ở trường Saint Pierre. Bài thơ đầu tiên của tôi đăng trên tờ Ngọ Báo của Bùi Xuân Học mang tên là *Giòng suối*.

Tôi.— Có nhiều người quả quyết với tôi rằng anh không có bút hiệu. Tôi không tin như thế. Nhân bây giờ chúng ta trò truyện với nhau, anh có thể cho tôi biết thực hư không ? Kẻo không, về sau này, anh có « tịch » đi rồi thì không ai dựa vào đâu mà biết.

Chương.— Anh có nói, tôi mới nhớ. Tôi vẫn ký là Vũ Hoàng Chương, nhưng vì anh hỏi, tôi nhớ ra rồi : dưới những bài thơ đầu của tôi, tôi có ký bút hiệu là HC, *Hiền Chi*. Đó là bút hiệu ông thân tôi đặt cho tôi : Chương là văn chương, chương là vẻ sáng, Hiền Chi là vẻ sáng tỏ rõ với đời.

Sau đó, viết thơ trong thời loạn (1950, lúc ở hậu phương cũng như khi trở về Hànội) tôi ký là *Loạn trung bút*. Dưới những bài thơ ngâm vịnh, tôi ký là *Phù giang* (người làng Phù Ủng, quê hương Phạm ngũ Lão).

Bài thơ tràng thiên mà tôi bắc ghế lên trên bàn, đứng ngâm trên gác nhà hàng Anh Mỹ — anh có nói tới trong cuốn « *Bốn mươi năm nói láo* » — đã trước tác lúc tôi ký bút hiệu « *Loạn trung bút* ». Tôi nhớ hôm ấy là ngày 2 tháng 9 dương lịch. Chúng ta chờ đạo quân Việt Nam ở Lạng Sơn kéo về. Anh em uống rượu vui nhộn với nhau trong khi một rừng cờ bay phấp phới ở tám cửa ô Hànội.

Tôi.— Bài thơ anh ngâm lúc ấy có đăng tải đâu không ?

Chương. — Không. Tôi còn nhớ mấy câu, xin đọc anh nghe ;

Hai cuộc tang thương tủi đọa đầy
Núi sông còn có buổi hôm nay.
Kinh kỳ tám mặt reo đoàn kết,
Sóng đỏ gầm quanh ngọn bút này !

Tôi. — Từ đó đến nay, anh em ít gặp nhau. Vào đây, tôi nhớ chỉ có một lần ngồi nói chuyện với anh ở vườn hoa Tao Đàn. Hai thằng cùng buồn, vào ngồi ở Tao Đàn một mình tình cờ gặp nhau. Sau đó lại cách nhau biền biệt. Anh có thể cho biết vào đây anh xuất bản thêm được mấy tập thơ nữa ?

Chương.— Năm 1954, in tập « *Rừng Phong* » — sự thực tập này viết xong từ 1942. Năm 1962, in « *Trời một phương* », cuốn này viết xong từ năm 1952. Gần đây, hồi năm ngoái (1968), một nhà xuất bản ở đây in tập « *Cành Mai trắng mộng* », in kiểu bình dân, bán ba, bốn chục đồng một cuốn.

Tôi.— Rút lại thơ anh có biến đổi với thời cuộc hay không ?

Chương. — Có chứ. Tư tưởng biến đổi, thơ cũng đổi thay theo thời cuộc. Thoạt đầu, thơ tôi chỉ là thơ thương nhớ, đượm chút tình yêu, nghiêng về lục bát, song thất lục bát. Thơ và văn *Tương Phố* ảnh hưởng tới tôi trong thời gian này.

Từ 1936, tôi bắt đầu chuyển hướng. Trong thời gian này có 10 thi tập ra đời, kịch thơ gồm 7 cuốn... Hầu hết là thơ mới.

Tôi.— Trong 10 thi tập, anh thích riêng tập nào ?

Chương.— Thích tập « *Mây* », còn kịch thơ thì thích « *Vân Muội* ». Trong thời kỳ này, Beaudelaire ảnh hưởng đến tôi, nhưng dù sao cũng không xâu xa bằng Mallarmé, Beaudelaire ảnh hưởng đến Đinh Hùng. Là vì thế này : tôi học chữ nho từ 5 tuổi, thơ phú chữ nho ảnh hưởng rất mạnh đến đầu óc tôi. Đến 12 tuổi, tôi mới học chữ Pháp cho nên văn chương, văn hóa Pháp chỉ ảnh hưởng hời hợt ở trên, chớ không xâu xa như chữ nho. Hiện giờ, tôi vẫn đọc và viết chữ nho và tinh thần tiết ra trong những vần thơ vẫn bàng bạc triết học Đông phương nhiều hơn là Tây phương.

Tôi. — Tôi có một nhận xét, không biết đúng hay sai, nhưng anh em với nhau, cứ nói thực. Tôi thấy anh ưa nói về *Mây*. Tập thơ anh thích là *Mây*. Kịch thơ anh ưa là *Vân Muội*. Mây có sức mạnh gì ám ảnh anh như thế ?

Chương.— Hỏi vớ vẩn quá. Đấy là chuyện riêng. Nhưng thôi, cánh mình đã nói thật với nhau thì phải nói cho hết câu nói thật. Đúng là tôi hay nói về mây. Là vì mây là cả một tâm sự của tôi.

Tôi.— Hình như tôi cũng hơi biết về tâm sự ấy, nhưng chưa biết kỹ. Hôm nay, nhân trời mưa gió cầm chân khách ngồi đây, anh có thể nói cho tôi biết điều gì kỹ hơn về « mây » không ?

Chương. — (cười, cúi đầu xuống suy nghĩ một giây) Mây ấy tên là Tố Vân.

Tôi. — Đúng rồi. Đọc thơ anh, có nhiều bài tôi vẫn thấy anh viết : « *Tố của Hoàng ơi, Tố của Anh* », « *Tố của Hoàng, nay Tố của Ai* ». Có phải Tố đây là Tố Vân không !

Chương. — Đúng. Tố Vân, Tố Vân, Tố Vân, tự là Kiều Thu.

Tôi. — Phần nhiều các thi nhân, văn sĩ vẫn có một đối tượng để thương yêu. Đối tượng ấy là nhân loại thu hẹp lại. Tôi không lạ. Nhưng tôi tò mò muốn biết đối tượng thương yêu của anh là, người thế nào ? Nỗi vui buồn của cuộc tình duyên ấy ra sao ?

Chương. — Tôi biết Tố Vân từ lúc nàng còn đi học ở trường Hàng Cót (Brieux). Nàng là con gái một nhà khá giả, đậu bằng Cơ Thủy, hỏng Tú Tài phần nhất. Tình yêu giữa Tố Vân và tôi có ghi trong thơ « *Mười hai tháng sáu* » in trong cuốn « *Mây* ».

Tôi. — Đọc nhan đề thơ, tôi không hay 12 tháng 6 là gì. Anh có thể cho tôi biết rõ hơn không ?

Chương. — 12 tháng sáu âm lịch năm Tân Tỵ (tức là 1941 dương lịch) là ngày Tố Vân lấy chồng. Nói theo Vũ trọng Phụng. đó là « Bởi không duyên kiếp ». Tố Vân lấy chồng. Bài thơ đầu « khóc » nàng như sau :

Trăng của nhà ai, trăng một phương,
Nơi đây rượu đắng mưa đêm trường ;
Ở đêm tháng sáu, mười hai nhỉ,
Tố của Hoàng ơi hỡi nhớ thương.

Là thế, là thôi, là thế đó,
Một năm thôi thế mộng tan tành.
Mười năm trăng cũ ai nguyền ước,
Tố của Hoàng ơi, Tố của Anh.

Men khói đêm nay sầu dựng mộ,
Bia đề tháng sáu ghi mười hai,
Tình ta ta tiếc, cuồng ta khóc,

Tố của Hoàng, nay Tố của Ai?

. . . .

Năm Nhâm Ngọ (1942) tôi lại viết một bài thơ khác, «*Bài ca hoài Tố*», in trong tập «*Rừng Phong*» đến 1954 mới xuất bản:

Tuổi thiêng rụng cánh thiên thần,
Ôi thôi! Còn chi? Em là ai?
Giọt lệ chiều nay đẫm máu,
Gọi hồn em ngày-chưa-tháng-sáu-mười-hai.

Ta đã mất em rồi Kiều Thu ngày xưa,
Hào quang đã phai rồi, tóc mun dòng thơ
Đã hết tìm em dù chỉ tìm trong mơ
Thuở trước tinh anh, mà thể phách bây giờ.

. . . .

Mười năm rụng ước phai thề
Ôi hoa đầu tiên, Mộng đầu tiên,
Lòng ấy sông bồi núi lở,
Tháng sáu, mười hai rồi em nhớ hay quên?

Hình ảnh của Tố Vân đầy rẫy trong thơ tôi. Mười năm sau, tôi vẫn còn nhớ người em gái Kiều diễm ấy và tôi có ghi trong «*Giấc mơ tái tạo*», gồm 20 bài bát cú, trong đó có những câu như:

Đôi lứa uyên ương một thuở nào,
Đi về say đắm biết là bao,
Tóc vương mùi lá soan thơm phức,
Má sánh màu hoa phượng ửng đào
Nhịp gót cuồng si hoa rún rẩy
Ghẹo lòng trinh bạch lá sôn sao.

Cả hai cùng...thẹn ơi là thẹn,
Mong mỏi thư mà chẳng dám trao.
Thư viết nào ai dám viết gì !
Xưng tên còn ngượng chết người đi
Nở theo mỗi nét mùi hương lạ,
Cháy khắp từng trang ngọn lửa si.
Rằng : đã tin xuân vào lớp học
Rằng chưa nắng hạ nhắc mùa thi
Nhớ thương chẳng nói mà thương nhớ
Trời hỡi, cần chi phải nói chi !

Tôi.— Tôi có thể biết hiện giờ Tố Vân ra sao không ?

Chương.— Ở lại Hànội. Trước khi vào Nam, tôi có gặp nàng lần chót. Bà cụ thân ra nàng sang Pháp, còn nàng và gia đình ở lại. Cũng như trong những truyện cổ tích Âu Tây, lúc tôi từ giã nàng, nàng sống sung sướng và có nhiều con. Nhưng mười lăm năm nay rồi, tuyệt mù tin tức, không biết còn sống hay đã mất.

Tôi.— Tôi cảm ơn anh. Nhờ câu chuyện hôm nay, tôi đã giải một điều hiểu lầm của một số người cho rằng « *Mây* » của anh hàm một ý đồ khác để nói lên một thế giới thần tiên khác. Vậy, coi việc này như xong rồi. Bây giờ ta lại quay trở lại chuyện của ta. Anh có cảm thấy mệt mỏi không ?

Chương.— Có chứ ! Mệt lắm. Ăn chẳng buồn ăn, nói cũng không buồn nói, kể gì làm thơ giải khuây cho đời. Vừa đây, tôi có nói với anh thâm tâm tôi buồn. Nói như thế là nói thật đấy, anh. Buồn quá là vì mình thấy cái đời thật và cái đời mình tạo nên đều đổ vỡ. Bây giờ, những đêm không ngủ, tôi băn khoăn nhất một điều là mình cứ như thế này và héo hắt mãi đi, một ngày kia « quy » xuống thì rồi sẽ ra sao ? Tôi cứ tự hỏi có thật có một

ông Trời không và nếu thực có một ông Trời thì có phải cái luật của Trời là đầy ải những văn nhân, thi sĩ lúc sống chưa đủ lại còn đầy ải cả khi chết nữa ?

Tôi. — Hình như thế. Này, có phải anh đã viết mấy vần sau đây trong một vở kịch thơ nào đó :

Đấy, con xem, mọi việc ở trên đời,
Như vậy hết. Có chi là « Tận Mỹ » ?
Đấng Tạo Hóa chẳng bao giờ thiên vị,
Riêng một ai mà cho được hoàn toàn...

Chương. — Đúng. Ông Tể tướng khuyên con trong kịch « Trương Chi »...

Này con ạ, từ xưa nòi nghệ sĩ,
Trời trao cho riêng chỉ cái Tài thôi.
Càng tài cao và Nghệ Thuật tót vời
Càng thua thiệt với đời, thua mọi thứ.
Giầu tài nghệ ắt lợi danh nghèo chứ
Đẹp linh hồn, nên dung mạo xấu xa,
Luật « Thừa Trừ » vẫn thế !

●

Mưa bên ngoài đỡ nặng hột.

Tôi bắt tay Chương, đi trên ngõ hẹp sình lầy.

Chương quay vào căn nhà nhỏ âm u, đóng cửa, cài then lại.

Saigon 10-11-69
VŨ BẰNG

Nguyên Sa

Một đoạn thư gửi VŨ HOÀNG CHƯƠNG

Thưa anh,

Đọc lại toàn bộ tác phẩm của anh tôi bỗng cảm thấy bị thôi thúc bởi niềm khao khát kỳ lạ : tôi muốn trở thành một người làm văn học sử. Ước vọng dại dột này chắc đã làm anh mỉm cười. Bởi lẽ, anh dư biết, người quyết tâm dựng lại lịch sử văn chương, cũng như bất cứ lịch sử nào, vừa phải là một nhà khoa học, vừa phải là một tiểu thuyết gia. Nhà khoa học, với óc thực nghiệm, với tinh thần chính xác với khả năng phê bình bén nhậy, vô tư và sáng suốt, tìm kiếm những sự kiện, những cái thực sự đã xẩy ra. Lịch sử không phải là một thế giới không tưởng, không thể là sản phẩm của trí tưởng tượng thuần túy, mà là toàn thể những sự kiện đã thực sự xẩy ra trong dĩ vãng. Cho nên, người viết sử không thể không mặc lấy chiếc áo khoa học. Nhưng lịch sử, nhất là lịch sử văn chương, không phải là một tổng số sự kiện, không phải chỉ là một tổng số sự kiện. Mượn những từ ngữ của các triết gia hiện đại nói rằng ngôi nhà không phải chỉ là một tổng số gạch ngói, con người không phải chỉ là một tổng số tế bào, bài nhạc không

phải chỉ là một tổng số âm thanh, mà nhà là một tổng số gạch ngói cộng với một kiến trúc, con người là tổng số tế bào có một đời sống tinh thần, bản nhạc là một tổng số âm thanh được xếp đặt trong một cơ cấu tiết điệu nào đó, tôi nói rằng lịch sử là một tổng số sự kiện đã thực sự xảy ra nhưng không phải chỉ là một tổng số sự kiện. Còn cái gọi là hơi thở. Gọi là cuộc đời. Để làm sống lại được cuộc đời xa cũ, làm đập lại trái tim đã nằm im, thắp lại hơi nóng đầy dưỡng khí cho hơi thở đã tắt, nghĩa là để dựng lại được thời đại, dựng lại được con người, dựng lại được cuộc đời, người viết sử, nhà khoa học đó phải là một tiểu thuyết gia, bàn tay cân đo chính xác cần đến sự phối hợp của những ngón bay bướm đến từ trí tưởng. Có cần phải nói thêm rằng đó phải là một phối hợp tế nhị đến mức tuyệt diệu, phối hợp thế nào để cho cái chính xác có được một cuộc đời mà vẫn không mất đi những phân lượng dù nhỏ bé của xác thực, cái sống động có nguyên vẹn hơi nóng của sự sống đến từ trí tưởng mà vẫn là cuộc đời đã thực sự tồn tại, không sai.

Anh mỉm cười vì anh biết rằng tôi chẳng thể làm được công việc khó khăn đó. Chúng ta chẳng thể làm được công việc khó khăn đó. Gốc của khó khăn này để nhìn thấy : chúng ta đang đứng trong đấu trường đó. Những người quan tâm đến sử học sẽ nói quả thực chủ quan tính dễ một trở ngại cho tác phẩm muốn được coi là khoa học. Và vượt khỏi được chủ quan tính đó một cách tuyệt đối là một công việc không thể thực hiện được, bởi, người viết sử chẳng thể không bị giam trong, bị giới hạn trong, bị nằm trong một giòng lịch sử nào đó. Cái gọi là sử tính quả có hại cho sử học. Nhưng ý thức được rằng ý thức về lịch sử là một ý thức *trong* lịch sử đã là những cố gắng giới hạn được chủ quan tính, giới hạn được những nhầm lẫn do cái gọi là « ý thức trong lịch sử » mang lại. Dù vậy, dù chúng ta có thể

nghiên cứu được lịch sử chính trị, lịch sử kinh tế và ngay cả lịch sử triết học mà tôi say mê ngay khi đang bị giam trong một giòng lịch sử nào đó, lịch sử văn chương vẫn là một công việc khác.

Đã chọn lấy văn chương, chơi với âm thanh và hình ảnh, đến tận cùng, mỗi khi nó tới, mỗi khi ngồi trước tờ giấy trắng, tất cả những cái khác đều phù phiếm. Những suy nghĩ thuần lý, những phân tách mạch lạc, những ý thức về chủ quan tính để nhằm giới hạn tính chất chủ quan chẳng còn, khi đám mây đó đã khởi bay, cánh chim đó đã cất cánh. Thôi thì nó muốn đến đâu thì đến. Nó muốn trở về sông Đà, nơi « *thời gian là đáy sông* » thì ta trở về *Đà giang*. Nó muốn rót nốt những giọt không của chiếc « *bình khô* » trong đêm lửa tắt thì ta rót nốt. Nó mặc lấy những cánh bướm của Trang tử thì ta « *thiêu cơ nghiệp* » mà gõ *khúc Cổ bồn*. Trên mặt biển buồn bã của những ngày tháng « *áo vải mộng phong hầu* », cùng nó, ta cũng buông tay cho đè xuống, cho nặng thêm « *tiếng tỳ hư ảo* ». Cũng như ta cùng nó nằm trong những tờ thư « *mang thầm trong túi áo* » cùng nó nói với ngựa hãy đi bằng « *nhịp dằm chớ nhảy* », cùng nó đưa người sang sông lúc hoàng hôn, cùng nó bay trong « *áo lụa Hà đông* » khi trời nắng. Nó muốn đến đâu thì đến. Đến bãi cỏ mùa xuân thì tốt, nhưng đến những thạch động mùa đông một mình buồn tưởng chết cũng quý. Nó muốn đi đâu, muốn về đâu ? Muốn « *Xô về Đông hay giạt tới phương Đoài* » ? Về Đông cũng tốt, giạt tới phương Đoài cũng quý. « Bể vô tận » còn cần gì phương hướng.

Men đã ngấm bọn ta chờ nắng tắt
Treo buồm cao cùng cao tiếng hò khoan
Gió đã nổi nhịp trăng chiều hiu hắt
Thuyền ơi thuyền theo gió hãy cho ngoan.

Anh nhớ không ?

Anh nhớ không những hình thái biến đổi không ngừng của loài chim kỳ lạ đó? Nó là cánh khói. Nó là giòng sông chưa tới mà tưởng như đã tới. Nó là giấc mơ tiền kiếp. Nó là giấc Liêu trai. Nó cũng là tiếng vó ngựa Bình Bắc, là những ngọn vút cao của Thăng Long xưa cũ, là ngọn lửa từ bi hừng hực vô thường.

Tôi muốn tâm sự với anh điều này: chính vì nhìn thấy sắc thái đa dạng của thơ nên tôi chẳng thể ngăn được sự xem thường những anh giáo điều chủ nghĩa, dù biết rằng tình cảm này cũng chẳng biết chắc có xứng đáng hay rút lại, cũng chỉ «*cuồng vọng cả mà thôi*». Anh giáo điều chủ nghĩa nó khôi hài lắm. Nó đặt ra một lô định luật mà chẳng biết rằng định luật với thi sĩ chỉ là những sợi giây tơ buộc chân người khổng lồ mang hia bẩy dặm. Chúng ta chỉ nhích đôi vai, chuyền đôi chân, chúng ta chỉ cựa mình là ta bay, ta nhẩy, có sá gì. Ta làm thơ tình anh giáo điều chủ nghĩa trong sự ghen tuông bất lực của nó cất lên lời thù nghịch kết án thơ tình. Ta làm thơ nói đến cái xã hội tan vỡ, nói đến chết chóc đè nặng trên vai mỗi người, đè lên tâm hồn của chính mình như một định mệnh chẳng muốn chấp nhận, chẳng thể chấp nhận, giáo điều nói thơ phải tách rời khỏi cuộc đời. Đứng trước những bài thơ có vần làm kinh động những tay phù thủy âm thanh trác tuyệt, giáo điều cất tiếng chống tiền chiến, cho đó là tiền chiến. Đứng trước những bài tự do của người này người nọ đổi mới đến tận cùng, giáo điều cho là Tây phương là xa lạ. Chẳng biết rằng dù bao nhiêu giáo điều thi ca, dù viện dẫn ông thần này, ông thánh nọ chỉ có một tác dụng duy nhất là trói chặt anh giáo điều vào những giáo điều, làm khô cạn nốt chút thi hứng của bản thân vốn chỉ là những dòng suối bé mọn chẳng bao giờ là sông là biển. Đứng trên chót vót của núi, thi sĩ vẫn bay, vẫn nhẩy, định luật của giáo điều chủ nghĩa không buộc được

cánh, không trói được chân, thi sĩ vẫn nhìn thấy cảnh tượng thảm hại của anh giáo điều với những định luật đến từ ghen tuông đố kỵ buộc lấy mình làm thành một hình người đau yếu, làm thành thể xác tê liệt.

Thi sĩ, anh Vũ, anh đúng là thi sĩ. Buổi sáng anh bay trên cánh nâu, buổi chiều anh dong buồm ra biển. Mùa xuân đang trôi anh nghe nhạc trên bến Tầm dương, kíp đến khi mùa hạ chưa tới anh đã ngồi gẩy khúc Hồ xang trên giòng sông nơi quê hương của tác giả Giấc mộng lớn. Thơ của anh là thơ tình. Thơ anh là thơ lịch sử. Anh có thơ rung chuyển với những rung chuyển của quê hương. Anh cũng có thơ mang sức nóng của ngọn lửa tôn giáo. Thơ đã manh nha đến xứ tuyết Ba lê, đến sông Seine mà tôi quen thuộc, đã biến anh thành Kinh Kha một bước sang Tần. Thơ anh đã làm sáng rực dù ngõ hẹp, dù đêm hội Hoa đăng.

Người yêu mến thi ca và cuộc đời đa dạng, trôi nổi của nó, trong tương lai sẽ phải làm những công việc gọi đại khái là quy định những khuynh hướng thi ca ẩn tàng hay ý thức của tác giả những *Mây*, những *Thơ Say, Hoa đăng* và *Trời một phương*, *Tâm sự kẻ sang Tần* và *Rừng phong*. Nhà văn học sử này sẽ cho rằng thơ của anh cốt yếu là Tình yêu. Người kia sẽ chủ trương rằng Vũ hoàng Chương là tiếng đàn kỳ lạ đến từ một thế giới khác, của một « *Kiếp nào xưa đã vợ chồng* ». Cũng có thể nói thơ của anh có một khuynh hướng tình ái thì cũng có một khuynh hướng ái quốc, có một khuynh hướng tôn giáo lẫn với một khuynh hướng thoát tục của « *Túy hậu cuồng ngâm* ». Người làm văn học sử sẽ tìm kiếm xem anh đã sống một đời tuổi trẻ như thế nào mà *lạc loài* đến thế. Anh đã sống đầy đọa thế nào trong cuộc sống để phải kêu lên « *đời tàn trong ngõ hẹp* », để phải hát lên :

Ôi lòng ta sao buồn không nguôi
Niềm u uất dâng cao hề tháng ngày trôi xuôi
Há vì cơm áo chẳng no lành
Há vì đời không ai mắt xanh...

Đúng, người làm văn học sử sẽ phải tìm hiểu về cuộc đời anh cô độc đến thế nào mà có khúc cuồng ngâm bi thảm ấy. Cũng như phải tìm hiểu những cuộc phiêu du của anh bên trời Tây để nắm vững được cái tương quan giữa những hình ảnh liên hệ đến người đàn bà Tây phương nào đó, người đàn bà quê hương ở « *phương âu mờ mịt* » của « *Đời vắng em rồi* », người đàn bà mà anh than tiếc từ trước khi phiêu du bên trời Tây đó, và những người đã thực sự gặp gỡ và xuất hiện trong những bài thơ khởi từ quãng thời gian đến sau cuộc hội nghị thi ca nơi Bỉ quốc. Như phải tìm hiểu những nguyên nhân của *Mười hai tháng sáu*, của *Lộng Chương*, của *Nhị thập bát tú*...

Những phân loại đó, tôi nêu lên, tôi chẳng thực hiện. Những thắc mắc đó, tôi bầy ra, tôi chẳng giải quyết. Ước vọng làm nhà văn học sử của tôi chẳng bao giờ thành hình. Chúng ta chẳng bao giờ bàn được về thi ca một cách nghiêm chỉnh và kiên nhẫn. Chót mang lấy cái mà người đời thường gọi là nghiệp đó, vừa thấy đã say mê, cầm lên là phải ngâm ngợi, tôi chỉ có thể ngâm ngợi thơ anh, xin anh hãy để cho tôi cùng *nhổ neo*, xin anh cho tôi nghe một người đánh dương cầm bằng đôi tai của người đánh dương cầm. Để chúng ta cùng nhấp chén và bàn với nhau về những ngón nghề tuyệt kỹ vẫn đợi nhau nghe.

•

Chúng ta hãy bàn nhau, trước hết, về cái *tình cảm lạc loài* cái *tâm sự cô đơn*. Có người thi sĩ nào không vào đời như một

kẻ cô đơn. Nó cất tiếng của kẻ xướng ca, hòng tìm cho được tiếng ca đồng điệu, có lần nào không bắt gặp sự hoang vắng bao la. Anh nhớ không, anh đã cất tiếng. Anh đã cất tiếng xác nhận sự lạc loài ấy căn cứ vào những dữ kiện rõ rệt, anh đã truy tầm được nguyên nhân của nỗi bất hạnh vô cùng và đề ra phương thức giải quyết. Tôi có cần nhắc lại những tiếng nói đó không. Lạc loài là một sự thực không thể nhầm được. Căn cứ vào những dấu hiệu nào chúng ta biết được rằng mình lạc loài. Còn phải hỏi dấu hiệu này, còn phải tìm chứng cớ nọ hay sao ? Sự hiện hữu của một cá nhân nhất định là hiện hữu trong một không gian và một thời gian cố định nào đó. Những nhà tư tưởng hiện đại có thói quen nói tới những cái gọi là *hữu-thể-trong-thời-gian, hữu-thể-trong-xã-hội, hữu-thể-tại-thể, hữu-thể-nhập-thể* gì đó. Nhưng thời gian, mỗi người chỉ có một thời gian. Thời gian của đời ta ta nào có do ta chọn lựa. Sự có mặt của ta trên cuộc đời này nào có do ta chọn lựa. Màu da, nòi giống quê hương mà ta là thành phần là kết quả của tình cờ nào, định mệnh nào ? Điều chắc chắn rõ rệt, hiển hiện là ta có mặt. Và đó là sự có mặt *thừa thãi*. Sự có mặt *nhầm lẫn*. Thế kỷ này không phải là thế kỷ của ta. Quê hương ruồng bỏ, giống nòi khinh bỉ, đó không là những chứng cớ xác thực của sự có mặt thừa thãi hay sao ? Là cái lý do của sự không chấp nhận, cái lý do đẩy đọa ta vào trong cái hòn đảo cô đơn chơ vơ vây bọc bởi biển quê hương, bởi đại dương tập thể là một lý do giản dị : Đời thì kiêu bạc, tâm hồn của chúng ta thì giản dị. Làm thế nào đời có thể chấp nhận được tâm hồn đơn giản đó. Sự khác biệt đã là nguồn gốc của sự loại trừ. Huống hồ khác biệt còn là mầm mống của yếu kém, phát sinh ra những mặc cảm, làm sao tránh được những hành động tàn nhẫn, chẳng buông tha. Ở làm sao được ? Sống làm sao được ? Làm sao tránh được không nhổ neo không treo buồm cao bắt đầu

cuộc khởi hành. Rồi thuyền muốn trôi về đâu, muốn « *xô về Đông hay giạt tới phương Đoài* » có quan hệ gì. Phương hướng chúng ta có xá gì. Những nơi những chốn sẽ giạt trôi tới có xá gì. Men đã ngấm, buổi chiều đã tàn, còn cái gì không đáng phó mặc cho ngọn gió đã khởi lên...

Lũ chúng ta lạc loài dăm bẩy đứa
Bị quê hương ruồng bỏ giống nòi khinh
Bể vô tận xá gì phương hướng nữa
Thuyền ơi thuyền theo gió hãy lênh đênh
Lũ chúng ta đầu thai nhầm thế kỷ
Một đôi người u uất nỗi chơ vơ
Đời kiêu bạc không dung hồn giản dị
Thuyền ơi thuyền xin ghé bến hoang sơ...

Người quan tâm đến cái gọi là tình cảm cô đơn và những biến dạng của nó trong lịch sử tư tưởng sẽ cất tiếng : hãy coi chừng. Tình cảm cô đơn phảng phất trong thi ca của họ Vũ không phải là cái cô đơn muốn sắc thái siêu hình của tư tưởng hiện đại. Anh không nói gì đến niềm cô đơn ghê gớm của con người đột nhiên hoài nghi sự hiện hữu của Thượng đế, đột nhiên khám phá thấy sự có mặt vô lý của mình trong một vũ trụ vô tình, đột nhiên khám phá thấy rằng sự hiện hữu của chính mình chỉ là sự hiện hữu mà tận cùng là cái chết, mình là một *hữu thể để chết* và chỗ tận cùng đó là khởi điểm của cái gì hay chỉ là khởi điểm của hư vô. Đó là nỗi cô đơn của con người khám phá thấy mình *bị kết án tự do,* của con người đột nhiên nhìn thấy mình là *nguồn gốc của giá trị*. Sự cô đơn của anh không phải là sự cô đơn siêu hình đó mà chỉ là niềm cô đơn nhuốm sắc thái lãng mạn, sự cô đơn của con người không tìm được sự cảm thông trong tập thể, của lớp người « *bị quê hương ruồng bỏ giống nòi khinh* », của lớp

người có « *hồn giản dị* » nên không được dung dưỡng trong trong cõi *đời kiêu bạc*. Xuất phát từ sự cô đơn lãng mạn đó, anh cất tiếng gọi những người đồng điệu lên con thuyền lãng mạn để trôi lênh đênh, muốn đến đâu thì đến, với hy vọng là trở về được nơi chốn gọi là « *bến hoang sơ* ».

Phân tách từng chữ, từng câu, những bài thơ của anh đề cập đến sự cô đơn, tôi cũng tìm được những khác biệt đó. Tôi cũng nhìn thấy sự khác biệt sâu xa của cái buồn nhẹ nhàng của những tình cảm lãng mạn và cái buồn vò xé của niềm đau siêu hình. Tôi cũng thấy sự thừa thãi mà anh cảm thấy trong cõi đời kiêu bạc chẳng phải là sự thừa thãi mà các nhà tư tưởng hiện đại cảm thấy khi đứng trước vũ trụ lãnh đạm.

Nhưng thơ với tôi không phải là một hóa chất để có thể tìm thấy được toàn thể những yếu tố cấu tạo. Muốn phân tách anh cứ việc phân tách đi. Và sự phân tách sẽ cho anh tìm thấy điều mà phân tách có thể tìm thấy nghĩa là chẳng thể thấy cái nó không đủ sức cho thấy. Cái khác đó, cái còn lại đó có lẽ có thể tìm thấy được một phần trong sự ngâm ngợi, coi được như một gia nhập một hòa mình vào cuộc chơi thần thánh. Như người quỳ gối cầu nguyện bỗng thấy ánh sáng, kịch sĩ nhập vào vai kịch, đọc to đoạn thơ, chớ không ngồi phân tách lạnh lùng, đọc to với những rung chuyển từ cỗi rễ tâm hồn người đọc bỗng xóa bỏ được cái khoảng cách buồn bã của độc giả và tác giả, bỗng cảm thấy đã là thi sĩ. Tôi bỗng cảm thấy niềm cô đơn này có khác niềm cô đơn kia và cũng là niềm cô đơn kia. Biên giới của cái giống và cái khác bỗng trở thành hư ảo. Như buổi sáng buồn bã nào, ban đêm thức giấc nào chợt nhớ đến « đời đáng chán hay không đáng chán » tôi vẫn thấy phảng phất hơi rượu của thi sĩ đông phương mà cũng thấy bóng dáng của Sisyphe

trong thần thoại Hy lạp, nghe thấy câu hỏi của tác giả Le mythe de Sisyphe « *dời có đáng sống hay không* ? ». Hiện hữu của ta là một hiện hữu thừa thãi. Ta là một hữu thể thừa thãi. Vì không có chỗ dung thân trong tập thể. Vì tha nhân là địa ngục. Vì vũ trụ kia cần gì đến sự có mặt của ta. Có ta hay không có ta hành tinh vẫn di chuyển theo những quỹ đạo cố định, thời tiết vẫn đổi thay theo những chu kỳ rõ rệt. Ta hiện hữu để làm gì. Bởi, rồi cũng chết. Tồn tại bao nhiêu lâu ? Nhiều lắm là một trăm năm Rồi cũng chết. *Nhân sinh tự cổ thùy vô tử.* Hữu thể của ta là *hữu-thể-để-chết*. Mà chết là chẳng còn gì. Làm gì có sự phán xét cuối cùng. Làm gì có kiếp sau mà mơ tưởng. Là sự chấm dứt tuyệt đối. Là sự hư vô lạnh lùng. Vậy sống để làm gì. Cô đơn đến tận cùng trong kiếp người vô nghĩa, sống để làm gì.

Sự ngâm ngợi đưa tôi đi thật xa, cho tôi thấy những chân trời thật kỳ lạ. Anh em ưa thích sự khách quan khoa học sẽ bảo tôi đã *Sartre hóa* đã *Heidegger* hóa một nhà thơ Việt nam. Anh em đúng. Tôi sai. Nhưng có cái trừu tượng nào không khởi từ một thực tại cụ thể.

Làm sao anh em biết được, khi đã loại bỏ sự suy luận thuần lý, loại bỏ kết quả của nó với những phân tách và tổng hợp, tương đồng và dị biệt, khi thả hồn vào một cơn say âm thanh, khi đã nhập vào vai kịch, khi đã cất tiếng ngâm ngợi *như thể* thơ đó là thơ ta, buồn đó là buồn bã của ta, cô đơn đó là cô đơn của ta. nào ai biết được có những chân trời nào sẽ rộng mở (1)

NGUYÊN SA

(1) Một đoạn thư gởi Vũ Hoàng Chương là một phần của « thư ngỏ gửi Vũ hoàng Chương ».

Tạ Ty

VŨ HOÀNG CHƯƠNG
Tiếng thở dài của phương đông trầm mặc

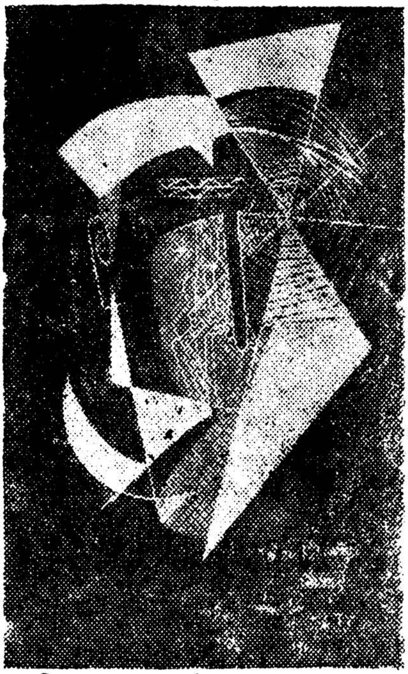

Vũ Hoàng Chương nhìn bởi Tạ Ty

« Ôi Lý Bạch Trang Chu
đường chim nẻo Nguyệt
Đời họa còn ta là theo vết
người xưa... »

VHC.

Nói đến Vũ Hoàng Chương là nói đến dòng thời gian xa thẳm mất hút trước tầm mắt, là nhắc đến vùng bao la dày đặc như lớp khí quyển vây quanh trái đất tạo nên ứ đọng với từng ngón hoài nghi, với niềm dằn vặt khôn nguôi giữa sự bứt rời và níu kéo trong một thể xác nửa mệt lả vì yêu thương, nửa giận hờn nỗi thất bại của tâm linh trước sự chia lìa của Thơ và Thực Tại.

Sinh ra đời dưới một ngôi sao tốt. Từ nhỏ, Vũ được đùm bọc trong nhung lụa, được dậy dỗ ở cả hai phía, Tây học và Hán học. Vũ đã hấp thụ, am hiểu văn học Tây phương đồng thời do sự giáo huấn của bà mẹ, Vũ cũng say mê Đông phương qua giáo lý Thánh Hiền và sớm suy tư với triết thuyết Lão, Trang qua cổ thư Trung Quốc.

Sự ám ảnh của thời đại hoàng kim chìm khuất với vóc dáng chàng Tư Mã áo xanh trên bờ sông Dương Tử, hay khuôn mặt nàng ca kỷ bến Tầm Dương « tay ôm đàn che nửa mặt hoa »... đã làm phải mờ tất cả kích thước các nhà Thơ lớn phương Tây : Hugo, Lamartine, Musset, Baudelaire, Verlaine, Rimbaud đang chiếu sáng trên vòm trời thi ca Việt Nam khoảng 1935-43 với từng người thơ chịu ảnh hưởng sâu đậm kỹ thuật, nhất là tư tưởng vay mượn của nền thi ca miền tóc vàng tuyết trắng.

Vũ là tượng hình đứng cô liêu trong vòm trời quá khứ. Ánh sáng của ngọn hải đăng le lói giữa đêm khuya mịt mùng sóng vỗ ? Vũ lắng nghe hồn mình trải rộng trên mỗi con nước đại dương và thầm ước sẽ tìm được trong sự luân lưu đó, chút hơi thở của người xưa vọng đến. Nhưng ánh sáng của ngọn hải đăng vẫn le lói hằng đêm và đại dương cứ luân lưu theo chu kỳ miên viễn, hơi thở của quá khứ trôi đi biền biệt không để lại vết tích gì trong vũ trụ bao la, có chăng, chỉ còn lại niềm tưởng vọng giữa sự sống hôm nay gửi về cõi chết hôm qua bằng môi trường suy cảm. Vũ đã suy cảm và lựa chọn khổ đau, với đam mê hủy diệt. Vũ khước từ công danh phú quý mà cuộc đời đã trao tặng sau những năm đèn sách để tự dấn thân vào thế giới thi ca, tức là mang lấy nghiệp. Sự « đầu thai lầm Thế kỷ » mà Vũ đã viết ra, hét to lên trong cơn mê loạn của thể xác đọa đầy, trong nỗi vò xé của tâm linh trước cuộc sống khắc nghiệt, nghẽn lối, trước

cơn bi phẫn của con chim bị buông tên rã cánh, nhìn trời cao mà không vút lên được, nhìn trái ngọt cây lành mà không vừa an hưởng, nhìn thân phận trôi đi, trôi đi như ảo ảnh để nuối tiếc giấc mơ thành bướm thủa nào.

Thế đó, dòng sông với ngàn ấy tê liệt, ngàn ấy bị thương, ngàn ấy giận hờn trong một xã hội đốn mạt, trong một quốc gia nô vong, Vũ cảm thấy mình đã nhiễm độc và để giải độc. Vũ tìm quên trong chiều sâu của ảo giác do men khói tạo thành. Ở đó Vũ đón nhận về phần mình tất cả đau thương, qua từng sợi khói lung linh, qua lời hò hẹn chênh vênh, qua tình yêu gục mặt, qua đổ vỡ niềm tin để thoát vào cảm thông với hơi thở mỏi mòn rã băng hy vọng ! Vũ tiếp thu những giá trị bị thương ấy, những nghẹn ngào câm tiếng đó bằng niềm sảng khoái vô bờ. Vũ từ bỏ thực tại như từ bỏ chính bản thân. Vũ lửng thửng đi vào xứ mộng. Trong cõi mông lung của tiềm thức, từng hình ảnh xa lìa, khắc khoải đã bám riết lấy suy tư, xiết chặt thân phận. Vũ vào chiếc nôi bằng tơ có móc đầy gai nhọn. Sự lìa bỏ bản thân, lìa bỏ thực tại phải được coi như chứng tích. Chứng tích ấy, mỗi ngày mỗi nồi hằn như vết roi định mệnh mà Vũ đã tự nguyện mang trong trái tim với ước nguyện không phai lạt.

Hành trình vào thế giới thi ca của Vũ, người ta không thể không xuyên qua bản chất thực thể của Vũ với tấm lòng rộng mở với ý hướng chói lòa chiếu rọi vào mỗi dòng, mỗi chữ để cùng đau, niềm đau tâm sự ! Vũ, mẫu người thơ đặc biệt, không giống với bất cứ thi nhân nào đã và đang có mặt. Vũ làm thơ để cất lên lời chào, tiếng khóc. Vũ làm thơ để giối dăng ý tình, để tiếp nối hơi thở gửi từ kiếp trước. Cái đau, Vũ khóc ngất trong thơ không phải cái đau cuồng loạn vì bệnh tật của Hàn Mặc Tử, càng không phải cái đau của Huy Cận với « *Chàng là con một người mẹ hay*

sầu. Nên trọn kiếp mắt chàng thường đẫm lệ » Không, không, cái đau của Vũ nó cao rộng và siêu thoát. Nó có đây, nhưng nó cũng vô vàn xa vời như chiếc bóng hồ ly, như tiếng nhạc lênh đênh dội từ cung Hằng thăm thẳm. Phong độ trong thơ Vũ là phong độ của cánh chim hồng hộc bay xuốt ngàn dặm dài, qua bao nhiêu không gian ước định. Thơ Vũ hiện diện như loài hoa quý, ngạo nghễ rung rung cánh mỏng cho phấn hương tan vào thinh không gửi đến mọi phương trời, mọi góc cạnh tâm tư đang chới với trong mê muội, trong dục vọng thấp hèn giữa cuộc sống buông trôi.

Hành trình vào thơ Vũ, mỗi con người tự cảm thấy lâng lâng như lạc vào giấc mơ kỳ thú. Thời gian, không gian xáo trộn, quỷ với người là tình nhân, gỗ đá cũng mặc áo linh hồn. Nhưng muốn hiểu thơ Vũ đến kỳ cùng, người ta phải tìm hiểu cả cái dòng sông phức tạp xuyên qua từng khía cạnh ngọt ngào và cay đắng, đã làm Vũ chết điếng sầu đau, tê rời cảm xúc.

TÌNH YÊU VÀ ĐAM MÊ

Đi vào tình yêu là đi vào nguồn vui đau khổ. Từ khung trời hy vọng đổ sang vùng địa ngục tối tăm. Từ ánh mắt sáng ngời do lửa yêu đương thắp sáng đến nấm mộ u uất dựng lên giữa cõi sống như một sỉ nhục. Khuôn mặt người đàn bà mang tên Kiều Thu mà Vũ đã ôm ấp mười năm, mười năm nhen nhúm với ước vọng, với chờ đợi não nề, với dặm dài mệt mỏi. Kiều Thu, Kiều Thu, hỡi ! Người đàn bà may mắn đã được Vũ khóc trong thơ, đã được Vũ vuốt ve với vần điệu gấm nhung, đã được Vũ tôn lên ngai thờ Nữ sắc, nàng có biết chăng, dung nhan ấy đã trở thành bất tử. Người đàn bà ấy giờ đây đang có mặt ở phương nào, đang ẩn mình trong góc cạnh nào của cuộc sống,

(*xem tiếp trang* 102)

Phỏng vấn :
Bác sĩ TRẦN-VĂN-BẢNG
người sưu tầm về :

BỆNH TẬT và CÁI CHẾT của một số Văn gia và Thi gia

Chúng tôi được một số anh em văn nghệ giới thiệu Bác sĩ Trần văn Bảng nguyên Quản đốc chương trình Bài Cùi Toàn Quốc và hiện là giáo sư của Đại học Y Khoa Saigon ộng là vị thầy thuốc có tâm hồn văn nghệ. Bác sĩ Bảng đã săn sóc sức khoẻ và chữa bệnh cho đa số anh em văn nghệ tiền chiến và hiện đại nên ông đã được biết rõ một vài nét đặc biệt những bệnh tật và cái thú riêng của một số văn gia, thi gia. Vì thế chúng tôi đã tìm đến B.s Bảng để nhờ ông viết cho một bài về thi sĩ Vũ Hoàng Chương.

Phòng mạch của Bs Bảng hiện nay đặt ở đường Phan đình-Phùng. Một ngôi nhà trệt thật đơn sơ hay bình dân mới đúng. Phòng khách chỉ sơ sài vài cái ghế gỗ để cho khách ngồi đợi khám bệnh. Một chiếc bàn tròn để mấy tờ nhật báo, mấy cuốn thơ và tiểu thuyết. Trên tường treo một khung kính có lồng mấy hàng chữ nho viết tháu nhưng nét đẹp. Chúng tôi đang đứng ngắm những nét đẹp của mấy chữ nho thì Bs Bảng từ phòng khám bệnh mở cửa ra và mời chúng tôi vào.

Chúng tôi tự giới thiệu là nhà báo anh em văn nghệ nên Bs Bảng vui vẻ tiếp truyện. Khi chúng tôi đề cập đến việc mời Bác

sĩ cộng tác viết bài cho Văn Học thì Bác sĩ đồng ý và xin khất một thời gian để Bác sĩ lại thăm bệnh thi sĩ Vũ hoàng Chương lại rồi mới viết được. Vì sợ trễ số báo dự định phát hành 15-11 nên chúng tôi đã ngỏ ý xin phỏng vấn Bác sĩ. Ý kiến chúng tôi đưa ra được Bác sĩ tán đồng và ông nói : — Anh muốn hỏi gì tôi sẵn sàng trả lời.

Chúng tôi vào đề ngay.

Hỏi : Thưa Bác sĩ chúng tôi nghe nói Bác sĩ đã sưu tầm về bệnh tật và cái chết của những nhà văn nhà thơ nào ?

Đáp : Trước tôi viết về bịnh và cái chết của Hàn Mạc Tử. Hồi ấy tôi làm Quản đốc Chương Trình Bài Cùi toàn quốc (1957-1962) tôi cần phải tuyên truyền cho phong trào cứu trợ người cùi, nên tôi lấy HànMạcTử làm đối tượng. Tôi đã vô phép khai thác cái thanh danh của nhà thi sĩ đau thương để làm công việc xã hội. Bài viết về Hàn Mạc Tử đã được một số độc giả lưu ý, trong y giới và cả trong văn giới.

Gần đây tôi có sưu tầm về bệnh tật và cái chết của Tản Đà, Phạm Quỳnh, Nguyễn Văn Vĩnh, Nguyễn Tường Tam. Tài liệu này đã dùng làm luận án y khoa bác sĩ cho một môn đệ tôi.

Hỏi : Bác sĩ có ý tiếp tục làm công việc này về các nhà văn khác không ?

Đáp : Có chứ. Tôi đang góp nhặt tài liệu về Đinh Hùng, Lê văn Trương, Đái Đức Tuấn, Đông Hồ, những người mới qua đời gần đây.

Hỏi . Còn những nhà thơ, nhà văn hiện còn sống thì sao ?

Đáp : Tôi cũng đã nghĩ đến vấn đề này. Nó rất tế nhị. Tôi sợ chạm đến đức tính khiêm tốn của những vị ấy, ngay cả những vị đã có tên tuổi trong thi đàn. Có khi tôi hỏi mấy ông nhà văn bạn thân cho phép tôi viết về những bệnh tật của các bạn ấy thì các anh ấy chỉ cười xòa. Nhưng gần đây tôi được nhà văn Nguyễn Hiến Lê cho tôi ý kiến đến chất vấn ông Nguyễn Ngu Ý về bệnh trạng của ông này, thì ông Ngu Ý rất sẵn lòng cung cấp cho tôi tất cả các chi tiết và tài liệu về bịnh hoạn của ông. Hồ Sơ bệnh lý của nhà văn này cũng sẽ dùng làm đề tài luận án y khoa cho một bác sĩ sắp ra trường. Ngoài ra tôi cũng cho người đi tiếp xúc với nữ sĩ Tương Phố ở Nha Trang để xin bà kể lại cho những chứng bệnh Bà đã mắc phải từ trước đến nay.

Hỏi : Liệu bà có cho phép phỏng vấn không ?

Đáp : Tôi rất hy vọng hồi ở Hà Nội tôi đã được cái hân hạnh làm y sĩ cho gia đình nữ sĩ và chính cho nữ sĩ nữa. Chắc nữ sĩ còn nhớ tôi, nên mới rồi Bà gửi tặng tôi cuốn thơ « Mưa gió sông tương».Quí vị nhà báo,và chúng tôi trong y giới phải cố thuyết phục mấy nhà văn, nhà thơ, chớ nên quá câu nệ, quá khiêm tốn và cho phép viết về các vị ấy ngay trong lúc còn sinh thời. Về phương diện y học, công việc sưu tầm bệnh tật của những người ấy sẽ được chính xác hơn. Bởi vì đối với những người đã quá cố công việc nghiên cứu thật là khó khăn. Thí dụ về Tản Đà tôi chỉ đặt giả thuyết là ông chết về bệnh đau gan, chớ không biết rõ là bệnh đau gan loại nào, Tôi thiết nghĩ cả về thân thế và sự nghiệp các nhà văn nhà thơ nào có một địa vị vững chắc thì cũng nên viết ngay từ lúc sinh thời, các anh nghĩ sao ?

Hỏi: Đó cũng là quan niệm của báo Văn Học. Chúng tôi sẽ lần

lượt cho xuất bản một loạt tài liệu về thân thế và văn nghiệp của một số người đã có tên tuổi. Khởi sự là nhà thơ Vũ Hoàng Chương. Thưa Bác Sĩ, bác sĩ có biết gì về bệnh tật của thi sĩ họ Vũ không ?

Đáp: *Tôi có hân hạnh được thăm bệnh cho thi sĩ hai lần tại nhà ở Hậu Giám Sinh Từ Hà Nội vào năm 1947 thì phải, tôi không nhớ rõ. Hình như do anh Đoàn Phú Tứ hay anh Đỗ Đức Thu giới thiệu (Hai anh đều là bạn thân và là bệnh nhân của tôi). Tôi không nhớ thi sĩ Vũ Hoàng Chương hồi ấy mắc bệnh gì. Hình như thi sĩ không mắc bệnh gì nặng, tuy người ông mảnh dẻ, dáng học trò. Còn về các tật khác của ông tôi nghe nói ông mắc chứng ghiền. Tôi xin lỗi đã dùng chữ « tật »; đối với y sĩ thì hút á phiện là cái tật; chứ đối với nghệ sĩ thì là cái « thú ». Đa số nhà văn nhà thơ V.N đều có cái thú này. Một số Văn Sĩ nghiện thuốc phiện, một số khác nghiện rượu như Tản Đà. Mỗi tật nghiện có ảnh hưởng khác nhau vào cơ thể.*

Hỏi : Gần đây Bác Sĩ có gặp thi Sĩ Vũ Hoàng Chương không ?

Đáp : Thưa cách đây 2 năm tôi có gặp ông *trong buổi hội thơ Quỳnh Giao. Hồi ấy tôi thấy thi sĩ tuy gầy, nhưng vẫn có vẻ khỏe mạnh, cặp mắt của ông vẫn sáng và lanh. Nhưng cách đây ít tháng tôi có thoáng thấy thi sĩ đi bộ qua phố Phan đình Phùng thì thấy ông lại gầy nhiều. Trông ông quả là người « tiên phong đạo cốt ».*

Hỏi : Bác sĩ có ý muốn biết về các bệnh tật họ Vũ không ?

Đáp : *Tôi rất mong được có những tài liệu y khoa về cơ thể ông. Thi sĩ khác cũng có khi ốm đau, tôi muốn biết ông đã mọc những bệnh gì từ trước đến nay. Vì ông là một thi sĩ có tiếng. Thế nào ông cũng lưu danh trong lịch sử văn học V.N. Các anh viết về thân thế và sự nghiệp của ông đã đành. Chúng tôi là người sưu tầm*

về y khoa cũng muốn được ghi chép về bệnh tật lúc sinh thời của một người như thi sĩ Vũ Hoàng Chương. Muốn viết một cách chính xác, tôi mong được một ngày gần đây được tiếp xúc với thi sĩ để hỏi han ông và coi xét ông để lấy đầy đủ những tài liệu y khoa như là tâm điện ký, não điện ký, ảnh chiếu phổi v.v... Còn về cái chết nếu tôi chết trước thi sĩ thì tôi đã dặn dò học trò tôi họ sẽ theo dõi để ghi chép đầy đủ chi tiết để gửi vào kho tài liệu.

Hỏi : Những tài liệu này để ở đâu ?

Đáp : *Sẽ để ở trường Y Khoa Đại học Saigon. Hiện tôi là giảng viên ở đây và tôi chắc trường Y Khoa VN một ngày kia sẽ dạy môn lịch sử y học. Môn này có cái mục nói về bệnh tật và cái chết của danh nhân. Tôi không biết hậu thế có tò mò đọc những tài liệu này không. Nhưng nếu chúng ta ngày nay mà biết rõ được Nguyễn Du lúc sinh thời đau những bệnh gì, và chết vì bệnh gì thì chắc chúng ta cũng lấy làm thích thú lắm.*

Hỏi : Nghe nói Bác Sĩ có tâm hồn văn nghệ và thích làm thơ.

Đáp : *Vâng có. Có lẽ tôi gần mấy anh nhà văn nhà thơ nên cũng lây và cũng bập bẹ học đòi. Nhất là tôi cố mang văn thơ vào y học.*

Hỏi : Bác sĩ có đọc thơ Vũ Hoàng Chương không ?

Đáp : *Thưa có và tôi thích nhất tập Vân Muội, kịch thơ này là cả một bản nhạc trường thiên. Vũ Hoàng Chương quả là một phù thủy ngôn từ.*

Đến đây chúng tôi thấy Bác sĩ đã dành nhiều câu trả lời quý giá cho Văn Học, chúng tôi xin thay mặt anh chị em tòa soạn chân thành cảm tạ Bác sĩ và mong Bác sĩ còn cống hiến nhiều điều hữu ích cho văn học và y học.

●

Trước khi ra về, Bác sĩ Trần Văn Bảng có tặng cho chúng tôi tập bản thảo mà Bác sĩ đã viết về bệnh tật và cái chết của các thi gia : Hàn Mạc Tử, Tản Đà, Nguyễn văn Vĩnh, Phạm Quỳnh, Nguyễn Tường Tam. Chúng tôi nhận tập bản thảo trên và ngỏ ý xin Bác sĩ cho phép Văn Học ấn hành để gửi đến bạn đọc. Bác sĩ Bảng ngập ngừng và nói :

— *Các anh cứ đem về xem và đọc kỹ rồi nếu thấy được cứ việc phổ biến để gửi đến bạn đọc.*

Saigon 15-10-1969
PHAN-KIM-THỊNH

Bàng Bá Lân
VŨ HOÀNG CHƯƠNG

Đầu năm Tân Tỵ (1941), một buổi sáng tôi vừa đi thăm song thân ở Kép về (2), thì người nhà cho biết có ba «ông khách» ở Hà nội qua thăm, vì tôi đi vắng nên «các ông ấy» ra ga xuôi rồi, vừa đi khỏi chừng mươi phút. Hỏi tên, thì người nhà chỉ nhớ tên một người là Nguyễn Bính.

Tôi nhìn đồng hồ, thấy chưa đến giờ tầu xuôi, liền sai người nhà chạy vội ra mời khách trở lại.

Thì ra ba người ấy là Vũ Hoàng-Chương, Nguyễn-Bính và Tô Hoài. Đó là lần đầu tôi gặp thi sĩ họ Vũ. Nhưng trước đó một tháng tôi đã được đọc tập Thơ Say của anh mới xuất bản, do nhà thơ Đào-tiến-Đạt (sau này lấy bút hiệu là Anh-Đào) tặng.

Trong ba người thì Nguyễn-Bính quần áo lôi-thôi đúng là một gã «giang hồ vặt», Tô-Hoài nét mặt non choẹt có vẻ một bạch diện thư sinh, duy Vũ Hoàng-Chương ăn vận bảnh bao có dáng dấp một

---

(1) Tiểu sử trên đây được ghi đúng như tài liệu Vũ Hoàng Chương đã gửi cho tôi, để — theo lời anh — «tránh những lầm lẫn có thể từ trước».

(2) Hồi ấy tôi ở nhà số 88, phố Tân ninh, Phủ-lạng-thương (tỉnh lỵ Bắc giang).

phong lưu công tử. Nhìn anh, tôi liên tưởng đến anh chàng say trong *Thơ say*, một nghệ sĩ phóng túng và hưởng lạc.

Trong lúc đàm thoại, tôi hỏi Vũ Hoàng Chương :

— Tập « *Thơ Say* » anh cho nhà xuất bản nào ấn hành ?

Họ Vũ chưa kịp trả lời, thì Nguyễn Bính và Tô Hoài đã cười ồ :

— Nhà xuất bản « Mùa đông năm Canh thìn » !

Vì ngoài bìa cuốn « *Thơ Say* », chỗ phía dưới thay vì đề tên nhà xuất bản, chỉ có mấy chữ « Mùa đông Canh thìn, 1940 ».

Tôi lại hỏi :

— Thơ anh bán có khá không ?

Vũ Hoàng Chương trỏ vào Nguyễn Bính và đáp rất thản nhiên :

— Thơ ông này bán chạy, còn thơ tôi không bán được !

Tôi thấy ưa Vũ Hoàng Chương ở chỗ thật thà và có vẻ « bất cần đời » ấy.

Sau này, tôi gặp lại Vũ Hoàng Chương, nhân một lúc tâm sự anh có cho biết về lý do xuất bản tập *Thơ Say*. Anh nói :

— Thơ tôi làm khá nhiều và đã từ lâu, nhưng chưa hề có ý định in. Tại Lưu Trọng Lư có nợ tôi ít tiền, y không trả được liền gán cho tôi số giấy bản mà y đã trữ tính để in thơ. Thế là bỗng tự nhiên tôi có giấy, lại sẵn thơ, vì vậy *Thơ Say* ra đời !

Lần thứ hai tôi gặp Vũ Hoàng Chương ở Kép vào cuối năm 1943 (đầu năm ấy tôi đã dọn nhà lên ở hẳn tại kép). Họ Vũ vừa cho in tập thơ *Mây* do nhà Đời Nay ấn hành.

Gặp anh, tôi ngạc nhiên vì không nhận ra. Chất ma túy đã tàn phá cơ thể anh mau chóng. Chàng thanh niên khá khỏe mạnh,

lanh lợi, có vẻ ăn chơi của *Thơ Say* không còn nữa. Trước mặt tôi, là một người thân hình gầy nhom, nét mặt hốc hác, xúng xính trong bộ nam phục nhầu nát (áo dài kép bằng nhiễu tam giang, quần chúc bâu vàng khè, bít tất nhăn nhúm, giầy gia định trắng bụi). Nhất là cái đầu. tóc dài lõa xõa che kín cả gáy lẫn tai càng làm cho gương mặt thêm choắt choeo ốm yếu. Đúng là một anh chàng nếu không đã nhiều « đi mây về gió » nên dầu dãi phong trần, thì cũng là đồng bọn với « dăm gã thư sinh vừa lạc đệ » từng cùng :

Mươi nàng xuân nữ sớm chìm châu
Cảm thông một phút bừng ân ái,
Miếu nguyệt vườn sương gặp gỡ nhau.

để rồi khi thân hình chỉ còn da bọc xương, đi không vững mới gặp một đạo sĩ ra tay cứu vớt, và anh chàng lúc đó mới như bừng tỉnh mà giật mình sợ hãi vì người đẹp cùng mình bấy nay dan díu chỉ là yêu quái hiện hình !

Với *Mây*, Vũ Hoàng Chương đã chịu ảnh hưởng nặng nề của Liêu trai, và ở ngoài đời anh cũng muốn sống luôn theo kiểu nhân vật của Bồ Tùng Linh nữa !

Tôi vừa khám phá được ở họ Vũ một đặc tính nữa : sự lập dị. Lần này Vũ Hoàng Chương dừng bước giang hồ ở Kép khá lâu (anh ở nhà bạn Đào tiến Đạt, làm sếp ga Kép), nên tôi với anh gặp nhau luôn. Chúng tôi nói chuyện thơ, ngâm thơ chán lại chơi bóng bàn.

Đánh bóng bàn, Vũ Hoàng Chương cầm vợt gỗ rất vụng về, tóc thì xòa cả xuống mắt, áo quần lụng thụng, cứ chỉ chậm chạp, đã thế lại vừa đánh đỡ vừa ư ử ngâm thơ « Hoàng-hạc lâu » của Thôi Hiệu. Ấy vậy mà bao nhiêu cú tiu (drive), cú tạt (revers) ác liệt của tôi, anh đều đón đỡ được gần hết. Trái lại, những cú

đầy, cú gảy chẳng ra lề lối gì của anh lại khó đỡ vô cùng. Kết cục tôi thường thua nhiều mà thắng ít. Mỗi lần đánh bại tôi, Vũ Hoàng Chương lại cả cười khoái trí, lên giọng phê bình : « Anh này coi có vẻ sportman (1) mà chơi ping pong dở quá ! Hà, Hà,»

Vũ Hoàng Chương trình diễn thơ bằng một giọng không ra đọc không ra ngâm mà rất hấp dẫn. Nhiều buổi chiều, tôi thường cùng anh nằm chung trên chiếc võng mắc ở hiên gác nhà ga. Anh đọc thơ cho tôi nghe. Mắt mơ màng nhìn chiều xuống chậm chậm, tai lắng thâu từng âm thanh dìu dịu của lời thơ mà hồn tôi phiêu phiêu như bay vào xứ mộng.

Lần thứ ba gặp Vũ Hoàng Chương là lần tôi đến thăm anh trong một ngõ hẻm phố Sinh từ Hà nội. Bây giờ họ Vũ đã lập gia đình rồi. Theo địa chỉ, tôi đến tìm nhà thì thấy ở cột cổng có ghim một tấm danh thiếp với hai hàng chữ mà mưa nắng đã làm hoen :

VŨ HOÀNG-CHƯƠNG

Làm thơ

Chị Chương vui vẻ chạy ra đón tôi, đưa vào nhà và lại bên giường đánh thức nhà thơ. Hôm ấy là một ngày đông lạnh, họ Vũ còn nằm lười trong chăn. Thấy anh lâu chưa dậy, tôi đến bên giường, vén màn lên... bỗng giật nảy mình, lùi lại : Dưới chân có gì cựa quạy, rồi nhảy vọt ra, chạy vòng quanh giường. Thì ra là một chú chó Nhật bản nhỏ xíu, lông xù. Thấy tôi hoảng hốt, chị Chương phá lên cười. Tôi cũng bật cười. Bây giờ chủ nhân mới thò đầu ra khỏi chăn, ngơ ngác nhìn... Nhận ra tôi anh mới lóp ngóp ngồi dậy. Sau khi đã vận áo ấm, anh ta ngồi xồm trên phản, cùng tôi chuyện gẫu. Rồi anh lôi ra một tập báo «Thế kỷ» và đọc cho tôi nghe những bài thơ mới làm. Anh đọc hoài, đọc mãi, say

(1) Thể tháo gia.

sưa đi vào thế giới của thơ, chẳng cần để ý xem người nghe mình có đi theo mình không.

Sau lần này, bằng một thời gian dài, tôi không gặp lại Vũ Hoàng Chương nữa. Rồi chiến sự bùng nổ. Rồi tản cư, di cư. Mãi đến tối hôm rằm tháng tám năm Giáp ngọ (1954), tôi mới gặp lại anh tại Chợ lớn trong một bữa tiệc do Bộ Thông Tin thết các văn nghệ sĩ di cư. Và từ năm 1957 đến nay thì chúng tôi thường gặp nhau luôn, nhưng là gặp giữa hai giờ dạy học tại các trường ở đô thành, nên nhiều khi chỉ kịp «cười thoáng rồi quay đi» (1) mà ít có thì giờ nói chuyện!

Phê bình Vũ Hoàng Chương, Hoài Thanh — trong cuốn *Thi nhân Việt Nam* (xuất bản năm 1942)— đã viết ; «Người say đủ thứ : say rượu, say đàn, say ca, say tình đong đưa. Người lại còn «hơn» cổ nhân những thứ say mới nhập cảng : say thuốc phiện, say nhẩy đầm. Bấy nhiêu say sưa đều nuôi bằng một say sưa to hơn mọi say sưa khác : say thơ».

Nhận xét ấy đúng thì có đúng, nhưng chưa được sâu. Họ Vũ không phải chỉ «say tình đong đưa» mà là say tình chân thật từ hồi còn nhỏ, anh đã có một mối «u tình» :

Anh biết em từ độ
Em mới tuổi mười hai.
Anh yêu em từ thuở
Em còn tóc xõa vai.
Tháng ngày đi mau quá,
Chốc đã sáu năm trời.
Tình anh vẫn chưa hiểu
«Chưa» là «không» em ơi!

(Thơ Say — U tình)

---

(1) Thơ Vũ Hoàng Chương. Nguyên văn cả câu là : «Gặp nhau cười thoáng rồi quay đi» (Thơ Say).

Anh đã từng được nếm cái hương vị say sưa dịu dàng của tình yêu :

Lâu rồi không nhớ bao nhiêu năm,
Từ độ trông nhau hết lạ lùng,
Từ hôm bên nhau thôi ngượng ngùng,
Từ buổi xa nhau mà nhớ nhung

Em đã nao lòng anh mê man,
Đuôi mắt đầu môi tình chứa chan,
Đêm thường mơ đêm, ngày đợi ngày,
Nhưng không hề nói cho nhau hay !...

Mến kính thương thầm em với anh,
Không hay yêu nhau từ bao giờ.
Chập chờn bến Thực hay nguồn Mơ
Hay chính bâng khuâng là Ái tình ?
(Thơ Say — Yêu mà chẳng biết)

đã từng chơi ú tìm với ái tình :

— Em buồn ? Anh gặng hỏi
Mấy lần, em chẳng nói,
Rồi anh không biết vì sao
Đẩy ghế đứng lên em giận dỗi.

Rũ tung làn tóc, rún đôi vai,
Em vùng vằng
Ôm sách vở
Sang phòng bên
Không học nữa,
Không cho ai vào nữa,
Cũng không thèm nghe nữa
Lời thiết tha anh van gọi mãi ngoài...

Anh vẫn nghe tiếng khóc

Trong vạt áo len hồng.
Anh vẫn nghe tiếng nấc
Dồn dập trên gối nhung.

Sao em khóc ? Vì đâu hờn tủi ?
Em buồn, có phải lỗi anh không ?
Hỏi em, em chẳng nói
Mặc anh xô cửa phòng.

Ngoài hiên vắng gió đưa vàng rụng đến,
Ngọn tường-vi xuống mãi chiếc liềm cong.
Đêm gần khuya sương đổ,
Anh thấy ướt vai áo,
Anh thấy lạnh trong lòng !

(Thơ Say — Hờn dỗi)

Say tình, nhưng anh lại say thơ nữa. Say thơ nên mơ mộng, ít thực tế ; và vì thế để lỡ mất mối tình đầu êm đẹp, « Nàng » đi lấy chồng, để nhà thơ của chúng ta ngẩn ngơ than trách :

Em lấy chồng quan chẳng một lời ! (1)

Về mối tình dang dở này, Vũ Hoàng Chương đã có lần tâm sự với tôi, giọng vô cùng chua chát : « Khi mình định bỏ học ra làm việc sở Hỏa xa thì « người ta » không phản đối. Đến lúc mình đi làm rồi, thì « người ta » lại tuyên bố là không thích người làm ga ! Và « người ta » đi lấy chồng làm ông huyện ! » Rồi anh ngâm câu thơ trên đây bằng một giọng trầm buồn và giảng giải như nói một mình : « Cái chua xót của câu thơ không phải ở « lấy chồng quan » mà là « chẳng một lời » !

Cái ngày nàng đi lấy chồng là ngày *mười hai tháng sáu,*

---

(1) Câu này, khi cho in vào tập Hoa Đăng, tác giả sửa lại là : Có kẻ ra đi chẳng một lời !

ngày mà suốt đời thi sĩ không quên, vì « ấu thơ buổi ấy đầu tiên trọn đời chưa dễ ai quên được nào » ! Nỗi đau đớn về mối tình lỡ dở ấy, Vũ Hoàng Chương đã ôm ấp và đem dàn trải trong hầu hết các thi tập của anh, từ *Thơ Say* qua *Mây*; *Rừng Phong* đến *Hoa Đăng*. Ta hãy đọc :

Hồn đơn lẩng bước chân chiều,
Đâu đây nỗi nhớ niềm yêu bời bời
Mong manh tình đã rụng rời,
Tơ vương còn thắt tim người chia ly.
Áo thêu chăn gấm ngày đi,
Lều không quán bỏ, hồn si chợ tàn !...

(Thơ Say — Chợ chiều)

Giấc uyên ương liền cánh,
Mộng trăm năm lứa đôi
Êm đềm như tiếng hát
Đã tan rồi, em ơi !...

(Thơ Say — Cánh buồm trắng)

Yêu một khắc để mang sầu trọn kiếp,
Tình mười năm còn lại mấy tờ thư.
Mộng bâng quơ hò hẹn cũng là hư,
Niềm son sắt ngậm ngùi duyên mỏng mảnh.

. . . .

Yêu mê thế để mang sầu trọn kiếp,
Tình mười năm còn lại chút này đây !

. , , ...

Yêu say lỡ để mang sầu trọn kiếp,
Tình mười năm còn lại chút này thôi.

Lá thư xưa màu mực úa phai rồi
Duyên hẳn thắm ở phương trời đâu đó!

(Mây — Lá thư ngày trước)

Trăng của nhà ai trăng một phương,
Nơi đây rượu đắng mưa đêm trường.
Ở đêm tháng sáu mười hai nhỉ:
Tố (1) của Hoàng ơi, hỡi nhớ thương!

Là thế là thôi là thế đó,
Mười năm thôi thế mộng tan tành.
Mười năm trăng cũ ai nguyền ước?
Tố của Hoàng ơi! Tố của anh!

Tháng sáu mười hai — từ đấy nhé
Chung đôi — từ đấy nhé lìa đôi!
Em xa lạ quá đâu còn phải
Tố của Hoàng xưa, Tố của tôi!

Men khói đêm nay sầu dựng mộ,
Bia đề tháng sáu ghi mười hai,
Tình ta ta tiếc cuồng ta khóc:
Tố của Hoàng nay Tố của ai!...

(Mây — Mười hai tháng sáu)

Duyên kiếp gì đâu hề Ta có chờ Ai,
Hương một sớm đã tan hề Hoa đã phai.
Đời họ bỏ ta hề riêng gì kẻ ấy,
Tình trót lầm trao hề Ta hỡi Ta ơi!...

(Mây — Bài hát cuồng)

---

(1) Tố là chữ đệm tên nàng, cũng như Hoàng chữ đệm tên tác giả).

Mùa đã sắp thu rồi, trăng ướt sương,
Nến lụi chiêm bao, nằm xa nhớ thơm
Hơi tiếng xưa, còn gió thơm canh trường,
Em Kiều Thu giờ lầu ai phấn hương!

. . . .

Một phen tan vỡ miếu đường.
Ôi, mây mùa thu, nguyệt mùa thu!
Dĩ vãng sầu cao vời vợi,
Tháng sáu mười hai rồi, em hỡi Kiều Thu!

. . . .

Tuổi thiêng rung cánh thiên thần,
Ôi thôi! Còn chi? em là ai?
Giọt lệ chiều nay đẫm máu,
Gọi hồ em ngày-chưa-tháng-sáu-mười-hai!...

(Rừng phong — Bài ca hoài Tố)

Đôi lứa say mê càng gắn bó,
Mẹ cha cũng hẹn sẽ dành nơi.
Trường chung một hướng, nhà chung ngõ,
Hoa gấm cùng mơ dệt cuộc đời.
Thế mà tan tác mười năm mộng.
Có kẻ ra đi chẳng một lời!
Nửa kiếp lênh đênh dừng phố cũ,
Một mình trơ với tuổi ba mươi!...

(Hoa Đăng — Phố cũ)

Tôi phải trích hơi nhiều, vì mối tình đầu thiết tha nhưng lỡ dở này đã ám ảnh Vũ Hoàng Chương suốt đời và là nguồn thơ phong phú nhất của anh. Cũng vì mối thất tình ấy, lại thêm có tâm hồn phóng túng của một nghệ sĩ thích hưởng lạc nên thi nhân

dễ dàng bị lôi cuốn bởi các thú ăn chơi: Anh lao mình vào các thú vui vật chất để tìm say và mượn say để tìm quên lãng,

Cao Bá Quát, ngày xưa, đã tìm quên trong men rượu;

Đoạn tống nhất sinh duy hữu tửu

Vũ Hoàng Chương tuy cũng luôn luôn nhắc đến rượu :

Cạn đi và lại cạn,
Say rồi gắng thêm say !
Rượu rượu nữa và quên, quên hết !

Nhưng tửu lượng anh không được hào, nên rượu chẳng những không làm được cho anh quên buồn mà còn gây kết quả trái lại :

Có ai say để quên sầu,
Lòng ta lảo - đảo càng sâu vết buồn !
(Chén rượu đôi đường)

Vì thế, nhà thơ phải đi tìm các thú sai khác. Anh say giọng hát, tiếng đàn. Anh say khiêu vũ, một thú chơi của tây phương mới nhập cảng. Có một lúc cái thú vui mới này đã quyến rũ, lôi cuốn khiến anh bê trễ cả công việc nhà ga, rồi bỏ việc và đã tưởng quên được mối hận tình. Nhưng không :

Ta quá say rồi !
Sắc ngã màn trôi.
Gian phòng không đứng vững,
Có ai ghì hư ảnh sát kề môi ?
Chân rã rời,
Quay cuồng chi được nữa.
Gối mỏi gần rơi !
Trong men cháy, giác quan vừa bén lửa.
Say không còn biết chi đời.

Nhưng em ơi,
Đất trời nghiêng ngửa
Mà trước mắt thành Sầu chưa sụp đổ,
Đất trời nghiêng ngửa,
Thành Sầu không sụp đổ, em ơi !
(Mời say)

Vì « thành sầu không sụp đổ », thi nhân lại phải đi sâu vào trụy lạc, và anh đã gặp được tri kỷ : nàng Kên nâu !

Khác hẳn mối tình trước, mối tình sau này thật là gắn bó, bền bỉ. Tình nương, lần này, rất mực trung thành với nhà thơ. Và cho đến tận bây giờ đôi lứa vẫn « lửa nồng, duyên đượm» Ta hãy nghe thi sĩ tâm sự với người tình mới.

Đã hẹn với em rồi không tưởng tiếc
Quãng đời xưa, không than khóc gì đâu !
Hãy buông lại gần đây làn tóc biếc,
Sát gần đây, gần nữa, cặp môi nâu.
Đêm nay lạnh, tìm em trên gác tối,
Trong tay em dâng cả tháng năm thừa,
Có lẽ đâu tâm linh còn chọn lối
Để đi về cay đắng những thu xưa...
Không, em ạ, không còn can đảm nữa.
Không ! Nguồn yêu suối lệ cũng khô rồi.
Em hãy đốt giùm anh trong mắt lửa
Chút ưu tư còn sót ở đôi môi.
Hãy buông lại gần đây làn tóc rối,
Sát gần đây, gần nữa, cặp môi điên.
Rồi em sẽ dìu anh trên cánh khói,
Đưa hồn say về tận cuối trời Quên.
(Thơ Say — Quên)

Anh hy vọng được « quên » bên ả phù dung. Nhưng, hỡi ôi, thất vọng vẫn hoàn thất vọng :

Nằm say nhựa tỏa cánh xiêu xiêu,
Giường thấp nghe trời xuống tịch liêu.
Sự nghiệp nào đâu trưa nắng xế,
Hoa phai thề ước lá tàn yêu.
Ngoài ba mươi tuổi duyên còn hết ?
Một ván cờ thua ngả bóng chiều.
Ai khóc đời ai trên bấc lụi,
Đây mùa thu sớm lửa dần thiêu.

(Mây — Ngoài ba mươi tuổi)

Bấc trĩu hoa đèn, nhựa úa nâu,
Phai say, nằm khóc mộng ban đầu.
Bước chân song sóng vòng tay mở,
Dạo ấy, người ơi, xa lắm đâu !
Chớm nụ tiếc cho tình quá ngát,
Mà thương trời bể quá cao sâu.
Tiếc thương lên khói vào tâm trí,
Mưa gió tàn đêm lộng quán sầu !

(Mây — Một phút ngừng say)

Thế là đã không *quên* được chuyện xưa mà còn đèo thêm một nỗi *nhớ* mới : Nhớ nàng tiên nâu !

Có lúc nhà thơ cũng biết mối tình mới này vô cùng nguy hiểm, sẽ làm cho đời anh tàn tạ như kẻ « chết nửa vời » :

Bước đã mỏi mà trông càng đã mỏi,
Ta dừng chân nhắm mắt một đêm nay.
Thả chiếc bách không chèo trên bể khói,
Mặc trôi về đâu đó nước non say.

Kia một cõi trăm hình muôn vạn tiếng,
Đương dần phai dần hiện, tắt rồi vang.
Ta cố gợi những giác quan lười biếng,
Để ghi cho hậu thế phút mơ màng.
Nhưng vũ trụ hư huyền tuy rộng mở,
Ta đê mê cảm được chút gì đâu.
Hồn với xác chỉ còn thoi thóp thở
Trong hai bàn tay sắt bọc nhung nâu !

(Thơ say — Chết nửa vời)

Nhưng vừa xa « nàng », anh đã nhớ đến thắt cả lòng, lả cả hồn phách, bâng khuâng cả thịt da thì còn nói chi đến chuyện ly dị nữa :

Hỡi ôi ! Nguồn máu nghe xao xuyến,
Ai thắt trên lòng những ngón tay.
Lưu, Nguyễn khi xưa từng phụ bạc,
Thiên Thai đòi mãi đứa con vay.
Mênh mông gió bụi về chi được,
Cõi Nát bàn xưa ngủ đắng cay.
Da thịt bâng khuâng, hồn phách lả,
Nhớ quê sầu trắng một đêm nay.

(Thơ Say — Nhớ quê nâu)

Tôi đã có lần hỏi Vũ Hoàng Chương :

— Sao anh không ráng bỏ phứt « nó » đi ?

Thì họ Vũ rầu rầu nét mặt nhỏ nhẹ nói rằng :

— Tôi có một mối buồn khó quên, tính lại thích giang hồ vặt. Nay vì hoàn cảnh và công việc phải bó chân một chỗ,

nếu không làm bạn với « hắn » thì làm sao mà xê dịch được... ở chốn chơi vơi ! (1)

Đó là những lời rất thành thực. Và thơ anh đã nhiều lần chứng minh điều đó. Ta hãy đọc :

Có nàng tiên má hồng nâu
Giúp đôi cánh biếc dâng sầu lên khơi.
(Dâng tình)

Hơn thế nữa, « sương khói phù dung » còn giúp nhà thơ « ngược dòng năm tháng » trở về cảnh vàng son rực rỡ của thời dĩ vãng huy hoàng :

Nhựa chín dần trên ngọn lửa đào,
Ngược dòng năm tháng khói lên cao.
Hương thiêng rẽ lối đôi bờ mộng,
Cung các vàng son một thuở nào.
Gối nệm lênh đênh xác thịt hờ.
Thuyền Say một cánh lướt dòng Thơ.
Trăng hiu hắt ngủ đêm khuya rợn.
Sương khói phù dung ngập bến bờ...
(Thơ Say — Hơi tàn Đông Á)

Kể về thành thực thì *Thơ Say* là tập thơ thành thực nhất của họ Vũ. Trong đó, nguồn thi hứng chính là mối tình đầu lỡ dở và cái thú đi gió về mây, một thú say sưa đầy chua cay và ngao ngán. Nguồn thi hứng này còn chảy dài trong các tập thơ sau của anh, nhưng không dạt dào lai dáng bằng ở tập thơ đầu.

---

(1) Những lời đối thoại này xảy ra từ năm 1957, nghĩa là trước ngày ban hành luật cấm hút thuốc phiện. Và dĩ nhiên những bài thơ nói về cái thú say sưa này của Vũ quân đã có từ lâu hơn nữa, phần nhiều bài đã được sáng tác từ trước 1945.

Đến thi phẩm *Mây*, thì khía cạnh nổi bật nhất là ảnh hưởng rõ rệt của Liêu trai. Ngay trong bài đầu, tác giả đã than thở đời nay có dương thịnh nên âm suy và nhớ tiếc cái thời « quỷ với người chung một mái nhà » :

Khi thiêng chừng sớm lìa nhân thế,
Dương thịnh rồi chăng, âm đã suy.
Quạnh quẽ thu phần thơ bặt tiếng,
Lầu hoang chìm cỏ dấu hồ ly.
Còn đâu thuở ấy niềm khăng khít,
Quỷ với người chung một mái nhà.
Trăng bạn, hoa em, trầm mối lái,
Đèn khuya dìu dặt bóng yêu ma.
Dăm gã thư sinh vừa lạc đẻ,
Mươi nàng xuân nữ sớm chìm châu.
Cảm thông một phút bừng ân ái,
Miếu nguyệt, vườn sương gặp gỡ nhau...
Tương tư có nghĩa gì non ải,
Gác trọ phòng khuê một nỗi hàn.
Trang sách chập chừng run lửa nến,
Hài thêu nâng gọi ngàn không gian.
Hỡi ơi ! Dâu bể mòn thương nhớ,
Gỗ đá còn trơ gỗ đá thôi.
Lớp lớp biên cương tình chật hẹp,
Mùa xưa thông cảm đã qua rồi !...

(Cảm thông)

Và đó đây hầu khắp tập thơ, ta cảm thấy phảng phất cái không khí lạnh lẽo của « giàn dưa lất phất hạt mưa rơi » với văng vẳng tiếng ngâm thơ của... quỷ :

Sương vây bể xám lòng hoang đảo,
Nằm hắng thơ mưa độc vận bằng.

. . . .

Xôn xao vò nậm bừng hương cúc,
Thu nhập hồn men cựa đó chăng?

(Xem truyện quỷ)

Giàn dưa mưa lất phất.
Mênh mông sầu xứ đêm dài.
Hư vô động tiếng giầy ai?
Mình ta buồn dặc dặc,
Sau giữa hai tờ Liêu trai...

(Nửa truyện hồ ly)

Lời nói như làn hương thoảng đưa,
Sóng trăng gờn gợn chút âm thừa.
Liêu trai nghi hoặc người trong truyện,
Hay đó tình duyên một kiếp xưa?
Rượu ngấm say nằm dưới gốc mai,
Khói sương tha thướt áo bay dài.
Đê mê trở gối — ồ trăng lặn,
Rêu biếc còn ghi nhẹ dấu hài.
Nẻo mặt trời lên thoảng dáng mây,
Xiêm y mờ nhạt vóc hoa gầy.
Bể Đông Nàng đã dần lui gót,
Kỷ niệm chừng lưu một chút đây...
Lòng cháy yêu đương tự bấy giờ
Xá chi ngoài Thật với trong mơ,

Đêm đêm ảo ảnh thơm chăn gối,
Tình hướng về Đông dạ lắng chờ.
(Tình Liêu trai)

Tuy chịu ảnh hưởng nặng nề của Bồ Tùng Linh, tác giả — trong tập thơ *Mây* — vẫn còn giữ được phần nào giọng thiết tha thành thực của *Thơ Say*.

Với *Rừng Phong*, sự thành thực đã thu mình, nhường chỗ cho sự kiểu cách rắc rối. Những tiếng lóng, ở đây, đã bị át đi nhiều bởi những lời nói của trí óc. Điều này có thể nhận thấy dễ dàng qua một loạt những bài ca : Bài ca dị hỏa, Bài ca dị sử, Bài ca tận túy, Bài ca trâm gẫy, Bài ca thời loạn, Bài ca siêu thoát (trừ hai bài ca Sông Dịch và Ngư phủ). Ta hãy đọc :

Bể xanh rũ áo tang điền,
Tình cầu trở gót,
Quay về buổi mới khai thiên.
Phấp phới Hư Không, kìa muôn loài hỗn hợp,
Trái đất ban sơ, này khối lửa y nguyên...
(Bài ca dị hỏa)

Bao mùa châu rụng mỏ thư cưu,
Rượu thấm quỳnh hương vạt áo cừu
Trướng lụa thang lan ngà ngọc nõn,
Hoa nghiêng dầu chép sử phong lưu
Hỡi ơi ! Tàn mặc nét phai dần,
Một buổi giường thơm lạnh dáng xuân.
Nối mục «Hoa lầu tang tóc úa»
Này trang «Thế thiết cỏ thu phần»
Chỉ thoáng hàn quang lững thững qua,

Chập chờn phong nguyệt tiếng cười ma
Dấu sen ngọn cỏ vương trần tích».
Dạ vũ mờ bay giải nhuyễn la.

(Bài ca dị sử)

Bào ảnh vọng lên từng dị điệu,
Khuê Ngưu tỏa xuống khúc ân tình.
Hán Nguyễn hưng suy là mầu trôi hoạt họa,
Gió ngủ trăng bay là nét đứng u minh.
Thúy Kiều ơi! Đèm giác ngộ tương lai vào mộng huyễn,
Nẻo hồi dương vang ngợp tiếng thần linh...

(Bài ca tận túy)

Hài cốt vầng trăng hề rơi chìm đáy sông,
Dằng dặc bóng đêm hề máu vàng mênh mông.
Hồn ma đại hội cung Hằng vỡ.
Tiếng khóc trôi về lạnh bể Đông,
Sáu nẻo thương mang hề mưa cầu gió chợ,
Ấm áp dương gian hề nõn lụa mềm bông...

(Bài ca trâm gẫy)

Nửa giấc chiêm bao tuổi vàng Nghiêu Thuấn,
Ta nằm nghe đời xuống bước suy vi.
Hồn kiếp trước riêng đây sầu xứ mãi,
Khóc luân hồi chưa ráo lệ tang thương.
Đêm xuân sang giữa vùng hoa cỏ dại,
Gối lên thơ, còn mộng níu thiên đường...

(Bài ca thời loạn)

Đuốc kim cổ, đây lòng ta thành kính.
Hội trầm luân cùng ý thức Huyền Vi.

Mà sáu nẻo hôn mê còn chửa địch,
Ta về đâu ? Kìa ngươi đến làm chi ?...

(Bài ca siêu thoát)

Đến Hoa Đăng thì ngoài những bài thơ làm từ trước với những cảm xúc thành thực, có một số bài mà tác giả đã cố nặn ra cho thích hợp với giai đoạn, với hiện tình xã hội. Chỉ đọc lướt qua, ta cũng thấy ngay sự thiếu cảm hứng, sự gượng gạo đến giả tạo. Xin trích ít câu để chứng minh :

Hãy dừng lại. Thời gian !
Trả lời ta ! Có phải
Dưới vầng nguyệt lạnh lùng quan ải,
Dưới vầng dương thiêu đốt quan san
Lớp hưng phế xô nghiêng từng triều đại...
Mà chí lớn dọc ngang,
Mà nghiệp lớn huy hoàng
Vẫn ngàn thu còn mãi ?
Vẫn ngàn thu người áo vải đất Qui nhơn...
Nhớ trận Đống Đa hề thương mùa xuân tới ;
Sầu xuân vời vợi,
Xuân tứ nao nao :
Nghe đêm trừ tịch hề máu nở hoa đào,
Ngập giấc xuân tiêu hề lửa trùm quan tái.
Trời đất vô cùng hề một khúc hát ngao...

(Bài ca bình Bắc)

Thật là rườm lời mà không nói được gì, không gây được chút rung động gì trong lòng người đọc. Đó là vì chính tác giả khi viết những vần thơ trên — cũng không có cái cảm hứng nồng

nàn, những rung động mạnh mẽ như khi sáng tác « Bài ca sông Dịch ». Còn đâu cái hùng khí của những vần thơ ca tụng Kinh Kha :

Ai tráng sĩ bao năm mài gươm dưới nguyệt
Còn tưởng nghe hồn thép múa sông sâu.
Kinh Kha hề Kinh Kha !
Vinh cho ngươi hề ba nghìn tân khách
Tiễn ngươi đi, tiếng trúc nhịp lời ca.
Biên thùy trống giục,
Nẻo Tần sương sa,
Gió thê lương quẩn quại khói chiều hà.
Tám phương trời khói lửa,
Một mũi dao sang Tần.
Ai trách Kinh Kha rằng việc người để lỡ.
Ai khóc Kinh Kha rằng thêm cao táng thân.
Ai tiếc đường gươm tuyệt diệu
Mà thương cho cánh tay thần.
Ta chỉ thấy
Tơi bời tướng sĩ, thây ngã hai bên.
Một triều rối loạn, ngai vàng xô nghiêng.
Áo rách thân run hề ghê hồn bạo chúa,
Hùng khí nuốt sao Ngưu hề nộ khí xung thiên
Một cánh tay đưa mà danh lừng vạn cổ,
Hiệp sĩ Kinh Kha hề ngươi thác đã nên !

(Bài ca sông Dịch)

Cái gượng gạo trong « Bài ca binh Bắc » đã trở nên vô

duyên, trơ trẽn trong bài « Giờ đã điểm » cũng ở thi tập *Hoa Đăng*. Ta hãy đọc :

Đứng lên, nào bạn trẻ !
Thét lên một tiếng đồng thanh
Cho vang trời bể
Nỗi sắt niềm đanh !
Cùng đáp ý muôn vàn thế hệ...
. . . .
Mà hạnh phúc toàn dân, tự do toàn thể.
Mà giá trị con người, tương lai hậu thế
Đòi bảo vệ,
Giục đua tranh.
. . . .
Trong lòng sách vở đã vừa ghi,
Một sứ mạng vô cùng to tát.
Lòng tuổi trẻ cũng dâng lên dào dạt ;
Ôi, nguồn cảm ứng mê ly !

Đọc những vần thơ trên đây, các bạn — chắc cũng như tôi — đều thấy rõ Vũ Hoàng Chương đã cố nặn nó ra trong khi lòng anh rất ít hoặc không có một chút rung động ! Anh đã reo lên « Ôi, ... mê ly ! » giữa lúc lòng anh dửng dưng đến lạnh lùng, hệt như kẻ đi biểu tình tay giơ miệng hét « Hoan hô ! » mà lòng thản nhiên, chẳng khác thằng người gỗ làm trò múa rối (marionnette).

Chưa hết. Xin các bạn hãy cùng tôi đọc tiếp :

Các bạn ! Nào ta hãy đứng lên !
Trái tim dân tộc đã xây nền,

Tự Do đã hiền linh thần tượng,
Gánh vỗ hào quang tỏa bốn bên.

Cái lúc mà thi nhân hô « Đứng lên ! » có lẽ là lúc anh đang nằm xuống bên nàng tiên nâu, vì giọng hô nghe sao mà gượng gạo, yếu ớt quá !

Còn nữa ! Ta còn phải nghe Vũ quân diễn thuyết :

Con Người còn đấy
Nước Tổ còn đây !
Còn phải đấu tranh vì Lý Tưởng
Kết trong hai chữ Tự Do này.
Ôi giờ đã điểm , nghe thần tượng
Phơi phới hào quang đẹp cánh bay !
Chúng ta nguyền : Đã đến ngày
Dâng lên Nước Tổ vào tay con Người
Đẹp như thần tượng sáng ngời —
Phải chăng các bạn ? — Một đời tự do !

Không biết các bạn đã sốt ruột chưa, chứ tôi thì đã thấy muốn bắt chước một nhân vật trong tiểu thuyết của nhà văn quá cố Vũ trọng Phụng mà than rằng : « Biết rồi ! Khổ lắm ! Nói mãi»

Cùng một loại này, Vũ Hoàng Chương còn có bài « Trả ta sông núi » (vẫn trong tập *Hoa Đăng*). Nghe cái nhan đề thì kêu lắm, mạnh lắm, nhiệt thành hăng hái lắm : nhưng giọng thơ thì... Ta hãy đọc :

Khí thiêng lòa chói tư bề,
Phường đô hộ có gai ghê ít nhiều ?
. . . .
Phá Thanh bình, trận Thanh trì.

Sông Hồng khoảnh khắc lâm ly máu hồng.

. . . .

Tổ chức việc tuyên truyền ám sát,
Khắp nơi nơi từng hạt từng châu,
Xiết bao hi vọng buổi đầu...

« Khí thiêng lòa chói tư bề » mà còn hoài nghi không biết kẻ thống trị có « ít nhiều gai ghê » không, thì còn giành lại « sông núi » làm sao được !

Sông Hồng khoảnh khắc lâm ly máu hồng.

Máu hồng mà lâm ly ? Rõ ràng là nhà thơ túng vận.

Xiết bao hi vọng buổi đầu..:

Chữ « xiết bao » dễ dãi và sáo quá !

Với ai khác, chúng ta còn có thể châm chước ; chứ với Vũ Hoàng Chương — một thi sĩ có hạng — ta không thể nào nhắm mắt bỏ qua những khuyết điểm đáng tiếc đó.

Sở dĩ tôi phải nói ra là vì quá tiếc cho thi phẩm của Vũ quân đã có lẫn những vần thơ ấy. nó như vết rạn làm giảm giá trị viên ngọc sáng.

Phải chăng tôi đã đòi hỏi, ở anh, quá nhiều ? Dù thật thế thì cũng là bởi tôi mến anh và yêu thơ anh.

●

Thơ Vũ Hoàng Chương quả có nhiều vẻ đáng yêu. Nó giàu nhạc, giàu vần, nhiều khi kiểu cách nhưng rất đỏm dáng, dềnh dang một cách có duyên. Thơ anh nửa cũ nửa mới, lời già giặn chữ dùng khi bạo, nhưng không « tây đặc » như Xuân Diệu nên vẫn giữ được vẻ đài các trang nhã của Đông phương, vẻ đẹp vàng son lộng lẫy và cổ kính. Do đó, nó được giới văn nghệ sĩ ưa thích

như họ đã ưa thích lối văn kiểu cách khinh bạc của Nguyễn Tuân ngày nào. Nhưng nó xa lạ với quần chúng bình dân, vì thiếu sự giản dị. Cho nên ra khỏi nơi đô thị, bước vào vùng quê, nói đến thơ Vũ Hoàng Chương, ta thấy ít ai biết tới ; mặc dầu anh cũng có đôi lúc (tuy rất ít) tả tình quê cảnh quê. Chẳng hạn như mấy bài « Hương lúa », « Tình quê » trong thi phẩm *Rừng Phong*. Xin trích ít câu :

Như thời con gái xưa kia lưng mềm óng ả,
Lòng say náo nức tưng bừng,
Cây lúa giờ đây nặng trĩu bông vàng ngọn lả
Vẫn cười reo mãi không ngừng...
Một trời hương mờ,
Lúa chín rồi đây.
Vườn ai nức nở
Bông mẫu đơn gầy.

(Hương lúa)

Đồng quê tự khép riêng trời đất
Riêng với lòng quê mở sắc hương.
Tối đến, con trăng làm dáng nhất
Khi cài lược bạc, lúc soi gương.
Có cây đa ấy tự nghìn năm
In bóng lên trăng mỗi tiết rằm.
Có cả bầy sao mê ả lúa
Đêm đêm dẫn cưới vạn đôi trăm...
Đầu thôn cuối xóm ngát hương đồng.
Nghe đất trời vang nhạc cảm thông.
Trinh nữ dăm ba cô má đỏ
Trăng sao đầy gối ước mơ chồng.

(Tình quê)

Ở đây, trăng cũng làm duyên làm dáng, sao cũng kiểu cách si mê và lúa cũng thướt tha ỏng ẹo như cô gái thị thành. Đồng quê — trong thơ họ Vũ — đã thị thành hóa đi nhiều, không còn vẻ mộc mạc giản dị cố hữu nữa, nên không còn quen thuộc với tâm hồn chất phác của dân qnê.

Gần đây, Vũ quân lại chuyển hướng mới : Tình cảm phong phú trong *Thơ Say* và *Mây* đã nhường chỗ cho sự say mê tiến bộ khoa học. Xin trích ít câu trong một bài thơ có thể gọi là tiêu biểu cho loại này :

Bao nhiêu hạt cát bến sông này,
Đã bấy nhiêu ngàn thế kỷ nay,
Ta vượt ngàn năm đường ánh sáng
Từ ngoài Vô Tận đến nơi đây...
Đêm đêm ta dõi mấy tầng cao
Tìm một không gian mới lạ nào.
Lấp lánh Quê Trời thơ hẹn bến,
Giam mình Quê Đất mãi hay sao!
Nhân loại ra đi chẳng một lần,
Hợp tan nào khác mảnh phù vân.
Trên đà tốc độ siêu quang ấy
Một chuyến đăng trình, một hóa thân.
Này lúc vèo qua hệ Thái Dương,
Ném sau ngàn đốm lửa kim cương,
Mạn phi thuyền cháy lên rừng rực,
Ta gõ mà ca : Thiên nhất phương !

(Đăng trình)

Ý tưởng tuy có hợp với thời mới — thời đại nguyên tử — nhưng về phương diện kỹ thuật và truyền cảm, ta phải thành thực nhận rằng tác giả chưa thành công. Lối thơ thất ngôn phân

đoạn đều đặn và chậm chạp không theo kịp được cái tốc độ siêu thanh của phi thuyền hỏa tiễn, không diễn tả linh động được những cảm giác kỳ thú của du khách chinh phục không gian.

Gần đây hơn nữa, anh lại còn xướng xuất lối thơ 4 câu 28 chữ mà anh mệnh danh là « nhị thập bát tú » ý muốn cô đọng lời và ý trong một số chữ, số câu nhất định. Đó là một tìm tòi đáng khen, nhưng chưa phải là sáng kiến. Vì trước kia đã có người xướng xuất lối *thơ một câu* (1), nghĩa là cũng muốn hết sức cô đọng tình, ý và lời; vả lại lối thơ « nhị thập bát tú » của Vũ quân — tuy anh tuyên bố chỉ hạn chế số chữ, không hạn chế số câu — chỉ là bốn câu lục bát hoặc một bài thơ tứ tuyệt thất ngôn, có gì là lạ !

Để những bạn đọc nào chưa từng đọc thơ nhị thập bát tú của Vũ Hoàng Chương có một ý niệm về lối thơ này, tôi xin trích in sau đây hai bài thơ của anh trong thi tập *Tâm tình người đẹp* :

TÂM TÌNH NGƯỜI ĐẸP

Mây sớm mưa chiều miệng hỏa sơn
Chứa đôi hồ mộng nước xanh rờn.
Đáy sâu cặp mắt xanh Thần nữ
Lửa khói đang chờ dịp bốc cơn !

---

(1) Thơ một câu do Thao Thao xướng xuất vào khoảng 1936. Nhà thơ này cho rằng : Không có bài thơ nào toàn bích. Thơ được coi là hay nhiều khi chỉ nhờ có một số ít câu hay, và câu hay nhiều khi chỉ nhờ có một vài chữ đắc ý. Vậy sao không cô đọng lại trong một câu để chỉ giữ lại cái hay mà loại bỏ những cái không hay đi !

Ý có vẻ mới, bạo : nhưng tài ông lại tầm thường nên *thơ* một câu của ông không được hoan nghênh và lời hô hào của ông chỉ là tiếng hô trong sa mạc không một tiếng vang hưởng ứng.

XUÂN BÁO NỬA ĐÊM

Bên trời vẳng báo xuân sang
Giữa khi Hợp Phố mơ màng về châu.
Gác nằm hiu quạnh bấy lâu,
Nửa đêm chợt nỗi cái sầu Cô-Tô.

Phá bỏ khuôn sáo cũ để được tự do đi tìm những gì mới lạ, chán rồi lại tự giam mình vào những khuôn khổ bó buộc như xưa. Âu cũng là cái vòng luẩn quẩn muôn đời của con người ta vậy !

●

Hỏi Vũ Hoàng Chương về tập thơ hoặc bài thơ nào tương đối anh ưa thích hơn cả, tôi được anh thành thực cho biết như sau ;

— « Anh hỏi tôi : « Thích bài thơ nào nhất ? » Cố nhiên là thơ của mình !

Tôi có sẵn câu trả lời đây : — Mỗi lúc một khác ! Khi chưa đến ba mươi tuổi, cho in tập *Thơ Say* (*1940*) và tập *Mây* (*1943*), tôi đã thích những bài mà bây giờ tôi không còn thích nữa. Cái thích của con người đâu phải là « bất biến ». Vậy tôi đoán rằng anh muốn hỏi tôi : « Hiện giờ phút này, tuổi gần năm mươi, tôi — Vũ Hoàng Chương, đang sống ở Sàigòn — thích bài thơ nào nhất trong số những bài đã sáng tác ? »

Và xin đáp : Bài *Thôi hết băn khoăn* (thơ *Nhị thập bát tú*, in trong tập *Tâm tình người đẹp* sáng tác ngày *4-5-1961*).

Tại sao ? Nhiều lý do lắm ! *Một là* bài ấy gắn liền vào cái chết của MẸ tôi, và đã giúp tôi đặt lại vấn đề *thân phận con người*.

Hai *là* nó chỉ ngắn có *28* tiếng, đều là tiếng nôm thuần túy cả.

Ba là nó diễn tả đúng nỗi băn khoăn của tôi từ bấy lâu nay.

Dấu hỏi (?) thật giống như con sên và một giọt máu rỏ xuống ; dấu than (!) cũng thật giống như cái đinh đóng xuống một lỗ đã khoan sẵn...

Tôi tự giới hạn ở ba lý do trên, vì giấy đã hết rồi, anh ạ!»

Kèm theo những lời tâm sự trên đây là bài thơ *Thôi hết băn khoăn* mà Vũ quân đã có nhã ý chép lại cho tôi để in làm thủ bút :

Dấu hỏi vây quanh trọn kiếp người,
Sên bò nát óc máu thắm rơi.
Chiều nay một dấu than buông dứt,
Đinh đóng vào săng tiếng trả lời. (1)

(Tháng tám, 1962)

BÀNG BÁ LÂN

(Trích Kỷ Niệm Văn Thi Sĩ Hiện Đại — Cuốn I — Xây Dựng xuất bản 1962)

---

(1) Chú thích của Vũ Hoàng Chương : Bài thơ này rút ở tập Tâm tình người đẹp, trang 52, kèm theo bản dịch Pháp văn của Simone Kuhnen de la Cœuillerie và bức minh họa của Ysabel Baes, theo lối trừu tượng (peinture abstraite).

Trương Quí Lâm

VŨ HOÀNG CHƯƠNG NHƯ MỘT LỬA DẦU

Trước đây, tôi vẫn cố tránh viết bài phê bình về VŨ HOÀNG CHƯƠNG bởi nghĩ rằng nhà thơ này đã có một địa vị vững chãi trên thi đàn ; việc nhắc lại sợ không khỏi nhàm tai nếu không nói là xấc xược. Vì vậy mà trong các tác phẩm của tôi, tôi chỉ đành đả động đến các thi sĩ trẻ, — những nhà thơ hậu chiến. Nhưng hôm nay, trong lúc tạp chí VĂN HỌC sắp lên khuôn, được mời viết về VŨ HOÀNG CHƯƠNG, tôi không thể tránh khỏi sự bỡ ngỡ. Và, trước tin nhà thơ bậc đàn anh đang cảm ốm, việc quá bộ đến thăm đối với tôi là việc xét thực đáng làm.

● •

Tôi biết tiếng VŨ HOÀNG CHƯƠNG từ ngày còn học Việt văn tại tư thục THUẬN HÓA tại HUẾ tức từ khi tập THI NHÂN VIỆT NAM của HOÀI THANH ra đời.— Tôi đã ưa thích VŨ HOÀNG CHƯƠNG, qua tập MÂY và kịch thơ VÂN MUỘI.

Thật sự biết VŨ HOÀNG CHƯƠNG từ ngày vào Saigon nhận giải thưởng TRUNG TÂM VĂN BÚT về truyện ngắn năm 1965, tôi đã hân hạnh được nhà thơ đề tặng các tập CẢM THÔNG,

POÈMES CHOISIS, BÚT NỞ HOA ĐÀM... Tôi cũng có dịp đọc cho VŨ HOÀNG CHƯƠNG nghe tận tai các bài tôi viết về TRƯỜNG ANH tác giả thi phẩm MƯA ĐÊM NAY (do chính thi sĩ đề tựa) và về ĐINH HÙNG sau khi nhà thơ nầy quá cố...

Thi sĩ VŨ HOÀNG CHƯƠNG thật dè dặt, kín đáo và, nếu sự nhận xét của tôi không nhầm thì tiên sinh thường vui chẳng lộ ra vui. Do đó, không khỏi có kẻ thầm trách nhà thơ khó tính hay tự cao. Mà phải chăng thái độ trên của tiên sinh là một tật thường thấy nơi những kẻ hiền tài ?

Một số bạn văn quả quyết thi sĩ VŨ HOÀNG CHƯƠNG vốn mắc bệnh nghiện. Nếu vậy thì sự thờ ơ hay lạnh nhạt tưởng khó hiểu kia có lẽ chỉ là hậu quả của những sự tiếp khách bất đắc dĩ khi nhà thơ đang ở nhỡ bên cạnh thú giải sầu. Chính sự lãnh đạm kỳ quặc (?) kia đã làm nhà thơ mất đi một số bạn hữu vốn hâm mộ mình từ buổi ban sơ.

Trên phương diện văn nghệ VŨ HOÀNG CHƯƠNG là một thi sĩ rất « giàu » — Di cư vào Nam, tiên sinh đã liên tiếp xuất bản thêm nhiều tập thơ khác. Nhưng dù vậy, người ta vẫn chỉ thường nhớ tiên sinh qua các tập thơ đầu, vì có lẽ tất cả những gì thuộc tâm hồn tươi mát của tiên sinh đã được thiết tha gởi gắm vào trong đó.

Trước đà tiến triển của trời thơ quốc tế, VŨ HOÀNG CHƯƠNG đã tỏ không chịu bó mình. Ông tiến dần đến những khuôn khổ diễn đạt rộng lớn. Và, về phương diện nội dung, chúng ta thấy nhà thơ đã gạt bỏ dần những gì cạn hẹp của thể xác để vươn lên lãnh vực thâm sâu, thanh khiết của tinh thần. Cho nên, có lẽ chúng ta sẽ không sợ sai lạc mấy khi bảo rằng VŨ HOÀNG CHƯƠNG là một nhà thơ con cưng của giới trẻ trong thời tiền

chiến, nhưng hiện giờ thi sĩ là nhà thơ bạn của những kẻ trưởng thành, những người hiểu nhiều về thế hệ của tiên sinh.

Sự hiện diện ngày nay của VŨ HOÀNG CHƯƠNG trong lãnh vực thi ca mặc nhiên đưa lại sự nể vì, và nhiều độc giả đã xem tiên sinh như một trong những nguyên soái trên thi đoàn. Cũng bởi lẽ đó, tiên sinh đã xứng đáng được đại diện cho thi giới Việt Nam trong cuộc Hội Nghị Thi Ca Quốc Tế năm 1959 tại trời Tây. Và dù muốn dù không, chúng ta phải công nhận rằng những sự khen ngợi của các thi gia quốc tế đối với tiên sinh đã một phần nào làm vinh dự cho thi giới nước nhà.

●

VŨ HOÀNG CHƯƠNG đã được thiên hạ nhắc nhở khá nhiều.

Hôm nay đến thăm thi sĩ trên, tôi dụng tâm ghi nhận rõ thêm vóc dáng của một nhà thơ từ lâu vắng gặp và hâm nóng lại những cảm nghĩ sẵn có nơi tôi đối với người.

Giờ đây, chúng ta không còn tìm thấy hình bóng một VŨ HOÀNG CHƯƠNG tráng kiện, uyển chuyển và tài hoa trong bài « *Say đi em* » để :

Ám ba gờn gợn nhỏ
Ánh sáng phai phai dần...
Bốn tường gương điên đảo bóng giai nhân
Lui đôi vai, tiến đôi thân
Riết đôi tay, ngã đôi thân
Sàn gỗ trơn chập chờn như biển gió.

Trái lại, giờ đây nhà thơ chỉ còn có một thân hình mảnh khảnh, da hơi xanh, tay chân chùn yếu. Có lẽ hậu quả của sự

thức đêm và những sự mê nghiền mà nay cơ hồ không sao dứt được. — Hình ảnh của VŨ HOÀNG CHƯƠNG vẫn nhắc tôi liên tưởng đến LƯU KỲ LINH một thi sĩ đồng thời mặc dầu nhà thơ này còn có vẻ mệt mỏi hơn.

Chẳng hay tầm mắt tôi có bị méo lệch nghề nghiệp không chứ theo tôi thì VŨ HOÀNG CHƯƠNG là một con bệnh. Nhà thơ đã mắc bệnh chung về thể xác của những thi sĩ thời xưa. — Thể xác ấy hẳn đã ảnh hưởng lớn đến thi phẩm cũng như tâm tính của nhà thơ. Mà thật vậy, VŨ HOÀNG CHƯƠNG hay nói đến những gì rờn rợn, ma quái, những kiều nữ liêu trai, điều mà chúng ta cũng đã bắt gặp nơi tác giả « *Những Truyện Kinh Dị* » EDGAR POE.

Vốn mang sẵn nghiệp chướng của kiếp người, hẳn VŨ HOÀNG CHƯƠNG cũng cảm thấy mình là môi trường của những sự mâu thuẫn phi lý, éo le, — cái phi lý dễ mang lại sự yếm thế, chán chường. — Sự yếm thế ấy đã bộc lộ khi nhà thơ đùa bảo « *mình như một ngọn đèn đã quá yếu mờ, lúc nào nó muốn tắt thì cho nó tắt ?* — Nhưng, với số tuổi chưa lấy làm già, « Ngọn đèn » kia còn đáng được bảo vệ và còn đáng được thân hữu chúng ta khuyến khích bảo trì.

Ngẫm VŨ HOÀNG CHƯƠNG là một nhà thơ hữu danh như thế kia mà gia cảnh còn không lấy gì làm khá lắm so với các danh nhân thế giới huống hồ những anh em văn nghệ sĩ mới ra đời, hằng ngày mải lo vật lộn với cuộc sống chua cay ? Họ thường tự an ủi mình bằng cách cho đó là một nghiệp dĩ — Nhưng, ngày nào mà văn chương không còn rẻ như bèo, mà nền văn học được thực sự quan tâm nâng đỡ thì các anh em văn nghệ sĩ nói chung, những kẻ hướng đạo tinh thần — sẽ không đến nỗi đói rách như tình trạng hiện giờ.

Nói chung lại, VŨ HOÀNG CHƯƠNG có thể được tạm gọi là một thi hào. Trên vòm trời thi ca VŨ HOÀNG CHƯƠNG là một ngôi sao rạng rỡ, nhưng trên thực tại thì nhà thơ là một ngọn lửa đèn yếu ớt trước những phong ba, một lửa đèn đón chờ bình an.

VŨ HOÀNG CHƯƠNG đang còn.

Thực là một sự hân hạnh cho tôi được mời viết ít giòng về nhà thơ họ VŨ, và thật cảm kích khi hay chính nhà thơ cũng muốn dò biết cảm nghĩ của tôi đối với người. — Tôi có thể khách sáo viết toàn những lời tán tụng huênh hoang, nhưng thiển nghĩ nhà thơ sẵn sàng miễn chấp khi tôi viết ra đây những cảm nghĩ thành thật của một độc giả vừa là một bạn văn nghệ vốn sẵn chân thành.

(Lan-Giao TRƯƠNG QUÍ LÂM)

ĐÓN ĐỌC VĂN HỌC

Nguyễn - Tuân

Đã đi vào lòng đất

Với những bài của VŨ-HOÀNG-CHƯƠNG, MỘNG TUYẾT, VŨ BẰNG, NGUYỄN VĂN TRUNG, SÔNG THAI, TẠ TRỌNG HIỆP...

Bàng Bá Lân

Vài cảm nghĩ về thơ tôn giáo của VŨ HOÀNG CHƯƠNG

Giữa lúc bên trời Tây, nạn kỳ thị chủng tộc đang ở vào giai đoạn gay go thì tại một nước nhỏ yếu ở Á Đông — đã nhỏ yếu còn bị qua phân — nạn kỳ thị tôn giáo bùng lên như một cơn địa chấn. Bàn tay cường quyền ngày càng xiết chặt, nhân dân nghẹt thở phải cựa quậy vùng lên Bạo lực được dịp tung hoành, đàn áp mạnh : Máu chảy và máu chảy...

Từ tháng 5 đến tháng 10 năm 1963 — suốt trong khoảng thời gian năm tháng dài đằng đẵng — người dân Việt Nam sống khắc khoải trong căm hờn và lo sợ.

Những người còn đôi chút tâm huyết, ai mà mà không xót xa ! Huống hồ là nhà thơ, những con người vốn giàu tình cảm.

Cho nên ta không là khi thấy một số trong những người này đã bị xúc động mạnh trước cuộc tranh đấu kiên quyết của Phật giáo đồ cuộc tranh đấu đầy hy sinh và dũng cảm.

Một dòng thơ mới được khơi nguồn. Dòng thơ tôn giáo.

Nhưng nguồn tuy dạt dào, tỏa ra bao nhánh song phần nhiều gặp phải cát khô đá dắn, tắc nghẽn nửa chừng.

Chỉ có một nhánh thoát đi được đề trở nên suối lớn, rồi sông dài, hứa hẹn một viễn ảnh mênh mông bát ngát.

Đó là dòng thơ tôn giáo của VŨ HOÀNG CHƯƠNG.

Vũ chính là dòng suối đã một mình thoát đi ấy, bỏ lại đàng sau những con suối khác bị bít lối nghẽn đường, trong số đó có cả kẻ viết bài này.

Phải, trước cảnh đàn áp tàn nhẫn, dã man của cường quyền bạo lực, trước cảnh tự thiêu tự hủy mình của tín đồ Phật giáo người làm thơ còn đôi chút lương tri cảm thấy như ngồi giữa dầu sôi lửa cháy, không thể làm ngơ, không thể nào không chuyển hướng... Chính kẻ viết những dòng này đã làm được một số bài thơ biểu lộ sự căm phẫn đau thương, nhưng hễ viết ra là lại... mất biến! Tại sao vậy? Chỉ vì tứ thơ thiếu kín đáo, lời thơ thiếu bóng bẩy, giọng thơ thiếu bình tĩnh, nên vừa ngâm lên là người nhà đã sợ toát mồ hôi và họ tìm cách thủ tiêu cho bằng được!

Tôi có phàn nàn về vụ này với mấy bạn thân, trong số có nhà văn Nguyễn Hiến Lê, thì bạn Lê tỏ vẻ tiếc và khuyên tôi nên nghĩ cách viết tắt hoặc viết tháu chỉ có một mình đọc được thôi để tránh nguy hiểm và có thể giữ lại làm một tài liệu lịch sử sau này. Tôi muốn theo lời anh, nhưng hồi ấy đầu óc lộn xộn, nhớ được đoạn nọ lại quên đoạn kia, lõm bõm chỉ còn được vài đoạn.

Làm lại thì kém hứng, mất hay! Giữa lúc đang phân vân thì được đọc thơ của Vũ Hoàng Chương cũng cùng một nguồn cảm xúc, tôi thấy mình không cần sáng tác nữa mà chỉ nên phổ biến thơ người.

Chính đang lúc bạo lực thẳng tay đàn áp các tăng ni, phật tử, sinh viên, Vũ Hoàng Chương đã cho « đi thoát » được hai bài thơ : Một là bài LỬA TỪ BI do văn phòng chùa Xá Lợi quay « ronéo » để phổ biến. Hai là bài NGƯỜI VỚI NGƯỜI đăng trên nhật báo Tự Do ngày 18-8-1963 (chỉ bị kiểm duyệt bỏ 10 chữ).

Hai bài thơ này được phổ biến đúng lúc và gây được nhiều ảnh hưởng và tiếng vang trong phong trào đấu tranh chống kỳ thị tôn giáo.

Ảnh hưởng và tiếng vang ấy là động cơ thúc đẩy Vũ Hoàng Chương tiếp tục sáng tác và khi không còn phương tiện để phổ biến (1) anh trao cho mấy bạn thân tín để truyền tay.

Hồi đó, ngoài hai lần gặp Vũ mỗi tuần tại trường học, tôi thỉnh thoảng lại ghé nhà anh. Một hôm, tôi được anh báo tin « Phật hiện tại đường Lê văn Duyệt », rồi mấy ngày sau gặp nhau ở trường anh khẽ bấm tôi ra hành lang và dúi vào tay tôi một mảnh giấy có ghi bài thơ TRỜI CAO PHẬT HIỆN.

Trời lưu ly hiện Phật kim cương
Mây bạc thân vàng nét tô gương
Quạ lửa càng sôi cơn thịnh nộ
Càng in bóng ngọc xuống mười phương

Kế đến tin đồn « Phật khóc tại Linh Sơn Tự ở đường Cô Giang » lập tức Vũ có ngay bài thơ LINH SƠN PHẬT KHÓC :

Phật ngự Tòa Sen...khối xót thương
Vỡ ra thành lệ, ngấn còn hương.
Lung linh giọt ngọc từng giây phút
Tẩy sạch ngai vàng bóng Quỷ vương...

Rồi đến cuộc tự thiêu của hai tăng sĩ — lần thứ bảy ngay cạnh nhà thờ Đức Bà ở Sàigòn đã làm cho đồng bào Công giáo cũng phải cảm động đến rơi châu và tiếng chuông nhà thờ như cũng cảm thông với tiếng lửa hồng reo mà khóc than rền rĩ :

---

(1) Lúc ấy Chùa Xá Lợi đã bị xâm phạm và báo Tự Do cũng bị đình bản.

Ngọn lửa từ bi gọi cảm thông,
Bẩy lần sôi máu khắp non sông.
Đàn con Đức Mẹ quỳ, rơi lệ,
Chuông Thánh Đường vang dội tiếng đồng.
(Lời gọi đồng thưa)

Và cứ thế Vũ theo sát thời cuộc để làm thơ. Dòng thơ tôn giáo của anh đã được khơi nguồn và dào dạt chẩy.

Thấy người ta dùng khoa học để giúp ích nhân sinh của mình thì đem dùng để...tra tấn đồng bào Vũ Hoàng Chương đã chua chát mỉa mai trong Bài thơ khoa học loài người :

Dưới trận đòn tra, sức điệu quay,
Tiếng kêu vỗ ngực xé trời bay.
Nửa phần nhân loại, ngây thơ hỏi :
Một vệ tinh nào phóng nữa đây ?

Cảm xúc trước việc nữ sinh Phật Tử Mai Tuyết An « tự hủy một bàn tay để tranh đấu nêu cao chánh pháp » Vũ có những vần thơ khi thì đau xót chân thành.

Lòng son búa sắt
Tay chặt bàn tay
Dâng lên cúng Phật.

. . . .

Búa năm nhát nát bàn tay.
Xé tung xương thịt cho bay lời nguyền.
Lúc lại căm hờn mạnh mẽ :
Bàn tay Nguyện Vọng.
Chặt đi còn nguyên.
Chẳng Bạo mà Động.

Một ngăn mười truyền.
Tay Phật năm ngón.
Giận cả Tề Thiên.
Núi lật năm ngọn.
Không tha cường quyền.
Đó đây mài sẵn Long tuyền.
Búa năm nhát, phát lời nguyền cho Mai!

. . . .

Oán cừu chứa chất
Mờ mịt Âm Dương.
Nghẹn máu quằn xương,
Tím gan ứ mật...

(Gẫy một cành mai)

Trong tập thơ Lửa Từ Bi, tác giả còn một bài Tập Kiều nhau đề là Một Cuộc Bể Dâu nói lên được gần hết tình tiết trong vụ đàn áp Phật giáo đồ của chính quyền họ Ngô :

Cơ trời dâu bể đa đoan,
Nỡ đầy đọa trẻ, càng oan khốc già.
Phật tiền ngày bạc lâu la,
Đầy sân gươm tuốt sáng lòa... thất kinh!...
Xem gương trong bấy nhiêu ngày,
Điếc tai lân tuốt, phũ tay tồi tàn.
Một nhà vinh hiển, riêng oan...
Dẫu rằng đá cũng nát gan lọ người!
Phật tiền thảm lấp sầu vùi,
Nghe tin ngơ ngác rụng rời xúm quanh,
Qui Sư qui Phật tu hành,
Ai ngờ một phút tan tành thịt xương.

Trước cảnh đàn áp tăng ni Phật Tử một cách dã man của những kẻ độc tài tàn bạo cũng bè lũ tay sai khát máu, anh chị em Sinh Viên không nhịn được nữa phải vùng lên, hăng hái xông vào vòng chiến. Và tuy bị bắt bớ hành hạ rất dã man, anh chị em vẫn vững một lòng đấu tranh cương quyết ;

Người yểu điệu, khách văn chương,
Gan càng tức tối, dạ càng xót xa.
Giáp-binh kéo đến quanh nhà,
Đang tay dập liễu vùi hoa tơi bời.
Đau đòi đoạn, ngất đòi hồi,
Tử sinh vẫn giữ lấy lời tử sinh.

Nhưng hai bài có giá trị hơn hết trong tập thơ vẫn là bài Người với Người và Lửa Từ Bi, hai bài thơ đã được phổ biến sâu rộng vì đã « đi thoát » kịp thời đúng lúc. Và cũng vì thế mà tôi thấy không cần trích nhiều trong bài giới thiệu này. Tuy nhiên cũng xin mời bạn đọc thưởng thức ít vần đáng ghi nhớ nhất :

Nhìn nhau, đây đấy một loài;
Xót xa nhau chút hình hài với nao !
Các chị các anh còn biết khóc
Mỗi xa người thân, chia uyên ương,
Còn biết những canh dài trằn trọc
Nhớ quê nhà chìm trong khói sương.
Còn trang sử ông cha mở đọc
Biết rưng rưng sôi chí quật cường,
Hẳn còn tim còn óc,
Còn nhân luân, còn linh tính, còn thiên lương;
Sao có thể đeo vết nhơ lên ngọc,

Sức mùi tanh làm hương?
Kìa máu, máu!
Vết nhơ ấy lột da đi không tróc
Như mọc lên như sờ thấy trong gương..,
Vững lòng tin ở xa vời,
Bàn tay chẳng nhuộm máu người giơ lên!
(Người với Người)

Đến bài « Lửa Từ Bi », thì lời thơ lúc bùng cao như lửa bốc, lúc tỏa rộng như khói tuôn :

Lửa! Lửa cháy ngất Tòa Sen!
Tám chín phương nhục thể trần tây hiện thành
Thơ, quỳ cả xuống.
Hai vầng sáng rưng rưng
Đông Tây nhoè lệ ngọc
Chắp tay đón một Mặt Trời Mới Mọc.
Ánh Đạo vàng phơi phới đang bừng lên, dâng lên...

Và trong đám khói tuôn lửa bốc ấy, một hình người « ngồi nhập định » như đức Phật trên tòa sen nguyện lấy xác mình làm đuốc tuệ mong soi sáng những tâm hồn lang sói độc ác tối tăm, u mê vì lợi danh vì kiêu hãnh :

Thương chúng sinh trầm luân bể khổ,
Người rẽ phăng đêm tối đất dày,
Bước ra, ngồi nhập định, hướng về tây,
Gọi hết Lửa vào xương da bỏ ngỏ
PHẬT PHÁP chẳng rời tay...
Sáu ngã luân hồi đâu đó

Mang mang cùng nín thở
Tiếng nấc lên ngừng nhịp Bánh Xe Quay.
Không khí vặn mình theo khóc òa lên nổi gió,
NGƯỜI siêu thăng... Giông bão lắng từ đây,
Bóng NGƯỜI vượt chín tầng mây
Nhân gian mát rợi bóng cây Bồ Đề.

«*NGƯỜI siêu thăng... Giông bảo lắng từ đây*». Lời tiên đoán này đã thành sự thực. Tất cả đều đã tan biến vào hư vô : danh lợi, quyền uy, độc tài, bạo lực ! Còn chăng là lòng hi sinh cao cả của đấng « tử đạo », là trái tim bất diệt của bậc đại đức chân tu từ bi hỉ xả :

Rồi đây, rồi mai sau, còn chi ?
Ngọc đá cũng thành tro, lụa tre dần mục nát,
Với thời gian lê vết máu qua đi,
Còn mãi chứ ! Còn TRÁI TIM BỒ TÁT
Gội hào quang xuống tận ngục A Tỳ,

Trong sách VĂN THI SĨ HIỆN ĐẠI (quyển I) nhận định về thơ Vũ Hoàng Chương, tôi đã tưởng dòng thơ của anh đến đó là cùng tận. Không ngờ nay anh lại được nguồn hứng mới và kịp thời chuyển hướng cho ta nhiều hứa hẹn.

Trước sự kiện đó, tôi thấy có bổn phận phải viết mấy dòng « cảm nghĩ » này, không phải để đề cao một người bạn mà chỉ có mục đích bổ khuyết cho nhận định của mình được đúng và đầy đủ hơn.

Để kết luận, tôi có ý nghĩ muốn so sánh Vũ Hoàng Chương với Hàn Mặc Tử. Hàn Mặc Tử vì bệnh hoạn, đau khổ ê chề phải đi tìm an ủi trong tín ngưỡng và đã gặp được Chúa trong... thơ.

Vũ Hoàng Chương thì vì mục kích cảnh đàn áp tôn giáo của cường quyền mà cảm xúc, chuyển hướng thơ « từ cõi Vô Minh hướng về Cực Lạc, » đi cho « thơ cháy lên theo với lời kinh » và đã gặp được đấng Từ Bi trong « cõi vô hình ».

Saigon, tháng 12 năm 1963

BÀNG BÁ LÂN

(Trích nhật báo Dân Chúng 29 12-1963

Armand Bernier

VĂN CHƯƠNG VIỆT-NAM
Thi Sĩ Vũ-Hoàng-Chương

Mấy tháng gần đây, hơn lúc nào hết người ta đã nói nhiều về Việt Nam và dân tộc Việt. Vì, cái xứ nhỏ bé kia vừa trải qua một cuộc Cách-mạng và trước đó những biến cố tang thương to tát đã không dung tha xứ này.

Ý kiến của tôi không phải là mang các biến cố ấy ra đề luận bàn nhưng cốt gây tiếng vang cho tuyển tập thơ của Thi Sĩ Vũ Hoàng Chương mà nữ đồng nghiệp của chúng ta Simone Kuhnen de la Coeuillerie đã dịch. Người viết tựa André Guimbretière, giáo sư trường quốc gia Sinh ngữ Đông Phương tại Paris và là nhà thi sĩ xuất sắc, có ý cho rằng nữ dịch giả đã làm xong nhiệm vụ một cách hoàn tất, đó là một công việc không dễ chút nào.

Hơn các thơ khác, thơ Đông phương bao giờ cũng được nuôi dưỡng bằng mộng và nguồn cảm hứng vũ trụ. Vũ Hoàng Chương đã cảm thấy nơi ông sự hiện diện của các vì tinh tú. Văn pháp Đông phương rất khó thấu triệt đối với người ngoại quốc chưa am tường nên người đề tựa, về vấn đề này ca ngợi nữ dịch giả đã tuyển dịch thơ của thi sĩ Việt Nam một cách tường tận và theo đúng nhịp điệu uyển chuyển. Hôm nay thi sĩ Vũ Hoàng Chương đã quen thuộc từ lâu với Pháp ngữ. Có lẽ ông đã hướng dẫn nữ dịch giả trong công việc chuyển dịch này. Người đề tựa đã hài lòng nhấn mạnh rằng ông ta rất thích thú khi đọc đoạn trích trong một bài thơ dài :

Dấu mũ trên chữ A
Là chim bay lộn ngược

Trên nền trời giấy trắng bao la
Trùng dương vội vàng in lấy bóng
Chim bay dìu mây bay!

Đó là cụ thể hóa những cảm giác của một sự tế nhị hoàn toàn Á Đông.

Chúng ta cũng nên nhớ rằng Vũ Hoàng Chương đã tham dự những cuộc hội họp quốc tế ở Knokke - le - Zoute. Cũng như đa số thơ Đông phương, thơ của thi sĩ dành một phần lớn cho tình yêu (tình yêu trần tục và tình yêu thiên tiên), nhưng tác phẩm vẫn không tách rời khỏi thực tế và những biến cố hằng ngày. Người ta nhận thấy những bài thơ ám chỉ đến chiến tranh, du lịch, ngày tận thế. Như vậy chứng tỏ rằng những ưu tư của thế hệ chúng ta đã lan tràn khắp năm châu.

Sau khi đọc và đọc lại tất cả những bài thơ trong tuyển tập này, riêng phần tôi thấy rằng chính những bài thơ ngắn nhất lại hầu như là những bài thơ quyến rũ nhất.

Nghe được từ lâu cá thở than
Đến nay mới sõi tiếng cây ngàn
Bao giờ tôi hiểu sâu lòng đất
Là thấy đường lên cõi Nát Bàn.

Những bài thơ ngắn ấy không những duyên dáng mà lại sâu sắc nhất. Hẳn rằng hiểu và thưởng thức thơ ấy viết theo Hán tự như trong sách có in một mẫu thì càng thích thú hơn vì, ngoài những ý nghĩa của lời nói, mỗi chữ kia cũng đã ngợi ra trước mắt một hình ảnh gợi cảm rồi.

PHÙNG KIM CHÚ dịch

(Trong Journal quotidien Le Soir số 273-77e Année)
ngày 14 Novembre 1963

SÁNG TÁC • THƠ • TRUYỆN

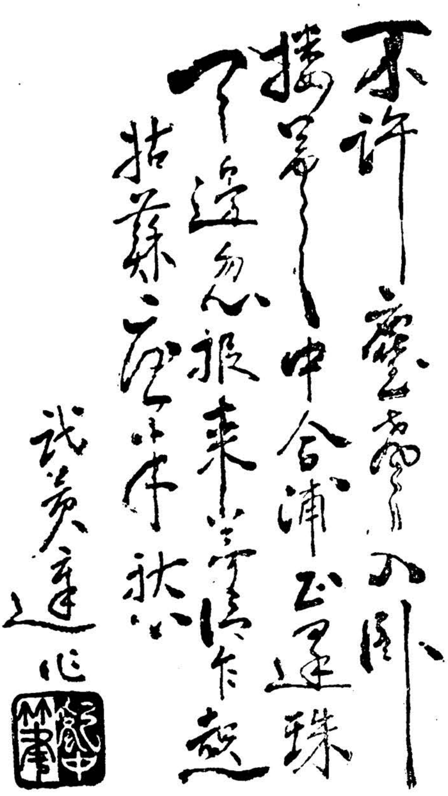

ĐÂY LÀ BÚT TỰ BÀI THƠ :
XUÂN BÁO NỬA ĐÊM
do Thi sĩ Vũ Hoàng Chương
viết bằng chữ Hán

Bất hứa trần thanh nhập ngọa lâu
Mộng trung Hợp-Phố chính hoàn châu
Thiên biên hốt báo lai phương tín
Sạ khởi Cô-Tô dạ bán sầu

VŨ HOÀNG CHƯƠNG tác
(Loạn Trung Bút)

Một hài thơ Bài Hài (Hai—Kai) của Nhật Bản
do VŨ HOÀNG CHƯƠNG dịch

NGUYÊN-TÁC THƠ BA-TIÊU
(Matsu-O Basho)

猿を聞く人 Saru wo, kiku hito,
捨子に秋の Sute-go ni, aki no,
風いかに Kaze ika ni.

BẢN DỊCH SANG THƠ VIỆT
của
VŨ-HOÀNG-CHƯƠNG

Lắng nghe gió lộng mạch rừng
Trời thu vượn hót
mấy từng hoang-sơ.
Người ơi! Tiếng khóc u-ơ,
Mẹ cha nào
vứt con-thơ chốn này?

Kỷ-niệm buổi đàm-thoại
về Thơ Nhật-Bản,
do Nhóm BÚT-VIỆT tổ-
chức tại trường Đại học
VẠN-HẠNH ngày 16/7/67
trong đó bạn CHÂM-VŨ
là diễn-giả.

Thủ bút
Thi họa của thi sĩ VŨ HOÀNG CHƯƠNG

VŨ HOÀNG CHƯƠNG
Bên tháp Eiffel tại Paris năm 1967

Tháp lại truyền tin gặp mặt
PARIS cùng VŨ.HOÀNG.CHƯƠNG
Cửu đỉnh ba trăm thước sắt
Tình THƠ dệt mối tơ vương

Kỷ.niệm tái.ngộ
Kinh.đô.ánh.sáng
sau 8 năm xa cách
nhớ thương.

PARIS ngày 8 tháng 8
Tây-Lịch 1967,
hồi 10 giờ

THƠ 55 TUỔI TỰ THỌ
của
Vũ Hoàng Chương

BÀI 1

Tin Xuân gà gáy rách trời đêm,
Tuổi nửa trăm vừa nửa chục thêm.
Đủ thấy điềm lành hai nửa nước,
Một nhà trong ấm với ngoài êm.

Viết đúng giờ Giao thừa
sang năm Kỷ Dậu
(T.L. 1969)

BÀI 2

Chữ Thọ vừa ăn đứt Ngọa Long, (1)
Bến nằm dư biết đục hay trong.
Số Trời số Đất gom thành tuổi, (2)
Duyên Phật duyên Tiên hẹn với lòng.
Thơ ấy thiều quang chi nỡ đếm?
Rượu này xuân-sắc chả cần đong (3)
Chỉ thương kiếp đá ai bày trận (4)
Để ngấn vàng gieo chợt rối vòng!

Viết vào dịp Nguyên Tiêu
(Rằm tháng Giêng) Kỷ Dậu

GHI CHÚ: (1) Gia Cát Khổng Minh, biệt hiệu Ngọa Long đã chết năm 54 tuổi. (Tam Quốc Chí).

(2) Theo Kinh Dịch, số của Trời là 25, của Đất là 30.

(3) Truyện Kiều có câu «Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi». Đường thi có câu: «Thập phần xuân sắc mãn Hoàng Châu» Mười phần xuân sắc đong đầy Hoàng Châu).

(4) Thạch trận của Gia cát Lượng.

Thiên đường hồng

Bỏ hoàng hôn lại đằng sau
Mây già nua ngậm chuỗi sầu lê đi. (1)
Ôi Thiên Mã ! nóng lòng chi ?
Lồng ra khỏi số Tử-Vi được nào !
Ngoài kia tinh tú lên cao
Xót xa chẳng một vì sao trong này ?
Sắt rung điệu nhạc khô gầy
Con sên lửa nuốt từng cây số ngàn.
Gẫm mà thương cái đêm tàn
Bánh xe nghiến chậm thời gian đau nhừ !
Dặm trường say nhịp lắc lư
Đất hay sóng, hỡi Nam Tư bạn già ?
Tối mai còn bạn còn ta
Thủ đô Belgrade ai là Trích tiên ?
Bao giờ chân bước đảo điên
Ngựa Thơ vút cánh lìa Thiên đường Hồng.

VŨ HOÀNG CHƯƠNG

Saigon Trung Thu T.L 1968

---

(1) Bài này ghi lại một kỷ niệm từ 1965 : Tác giả đã dùng xe lửa vượt quãng đường dài 500 cây số từ miền cực Tây đến miền cực Đông nước Nam tư Lạp phu (Yougoslavie).

Mùi hương quái ảo

Trích trong : LOẠN-TRUNG-BÚT
Truyện ngắn của : VŨ-HOÀNG-CHƯƠNG

Có người nói : Thời đại nguyên tử của chúng ta không chấp nhận những truyện hư huyền...

Nhưng trong địa hạt văn nghệ, không có truyện gì là hư huyền. chỉ có những cái hư huyền đáng kể hay không đáng kể. Con người văn nghệ, bằng một năng khiếu riêng, có thể tìm thấy những sự thực hiển hiện thành hình ở ngay trong những bóng hình hư ảo. Chỉ cần một khóe nhìn thấu xuốt và một niềm thông cảm bao la. Cho nên, có những cái Thực bất thường hơn cả chính sự Thực, cũng như có những cuộc sống mênh mông huyền bí trở nên cuộc sống thường ngày — thực, hư, hư, thực, giấc mộng bên cuộc đời, bụi hồng mờ cõi chiêm bao, đó chỉ là trạng thái tất nhiên biến đổi của một kiếp người ! Cuộc sống hôm nay ngậm ngùi bên linh hồn của Dĩ vãng, hưng khởi trước bóng dáng của Tương lai, và khắc khoải hoài nghi giữa bao nhiêu hiện tượng vô hình, vô ảnh, — phải chăng cuộc sống của chúng ta đã tìm thấy ở cái Không rất nhiều sắc màu cái Có ? Và phải chăng khoa học muôn đời cũng chỉ cốt đi tìm hiện thể của những cái Không kỳ diệu ?

Từ Bồ Tùng Linh đến Edgar Poe, từ Trang Tử đến Lautréamont, Đông và Tây đã có lần cùng nhìn thấy, và cùng cảm thấy gương mặt, và cả linh hồn của cái thế giới U Huyền thấp thoáng như bóng một người bạn chưa quen nhưng vẫn từ lâu hò hẹn...

Ở đây, qua một làn hương, chúng ta sẽ thấy Vũ Hoàng Chương cũng đi vào giấc mộng vô biên như người trước để tìm một Sự Thực mong manh, nhưng biết đâu không là Sự Thực đời đời của tấm lòng thi nhân cuồng vọng đó ?

Nguyễn, tuổi đã gần bốn chục ; vẫn chưa lập gia đình. Có ai đến ngỏ tình yêu với, chỉ cười mà từ chối bằng những câu sáo ngữ cộc lốc :

— Thưa cô, tôi già quá rồi còn gì !

Hoặc :

— Thưa bà, tôi nghèo quá, không dám nghĩ đến chuyện lấy vợ...

Hoặc :

— Em ạ ! Cuộc đời bất trắc lắm. Thà cứ coi nhau như bạn có lẽ thích hơn...

Vân vân...

Thực ra, Nguyễn đã lấy gì làm già. Cặp mắt sáng như gương. Nụ cười đằm thắm và yêu đời lắm chứ. Cũng không thể bảo rằng anh ta nghèo được. Tám mươi mẫu tư điền ở Thái Bình, hai nếp nhà ở Hà-nội. Ruộng vẫn cho cấy rẽ và nhà vẫn cho thuê được. Chẳng cần bon chen gì, Nguyễn cũng đủ phong lưu như ai.

Còn cuộc đời ? dĩ nhiên là bất trắc ! Nhưng đấy không phải là một cớ để người ta không có tình với nhau, dù chỉ là tình trai gái.

•

Ấy thế là Nguyễn đã khép kín lòng mình lại, mặc cho qua đi cả một mùa hoa bướm xôn xao. Nhưng chính cũng vì thế mà anh được thấy lòng nhẹ nhàng thanh thoát. Và thản nhiên trước mọi cuộc đổi dời rồi. Coi thường hết.

Chỉ thích rượu. Không coi thường chút nào cái giá trị của chất men tỏa ra phơi phới khi bật mở nút vò.

Lại thích đi chơi đêm một mình. Hà-nội có bao nhiêu ngõ ngách khúc khuỷu hiểm hóc, anh đều thuộc làu làu. Ước lượng được rất đúng chiều dài của từng ngõ ngang, hoặc chiều sâu của từng ngõ cụt. Cường độ ánh sáng điện ở từng ngõ, anh cũng đoán mà biết được, cảm mà ghi lại được trong trí nhớ , chỗ này ánh sáng vàng úa, nơi kia đỏ lờ mờ... Và nếu có ánh trăng tỏa xuống thì mầu vàng ấy, mầu đỏ ấy lại sẽ biến chuyển theo một quy tắc nào, anh cũng hiểu biết tỉ mỉ tường tận... Hiểu bằng trực giác ? Hay biết bằng kinh nghiệm ? Có lẽ cả hai.

Sự hiểu biết của anh về Hà-nội ban đêm quả là vững vàng. Rất nên thơ và rất khoa học.

Mười hai giờ đêm đã phải chúi đầu đi ngủ, chịu thế nào được.

Nhưng dù sao anh cũng tự biết mình là người của Hà-nội bây giờ. Thành ra anh cũng nể «thiên hạ» đôi chút, không trắng đêm ngao du quanh thành phố như xưa nữa ! Ấy thế mà nhiều khi cao hứng lên, anh vẫn chứng nào tật ấy, quên phắt cả những điều cần phải nhớ trong thời buổi này. Lắm khi giờ giới nghiêm đã đánh rồi, anh hãy còn lang thang ở một địa điểm cách xa nhà hàng cây số.

Anh lý luận như thế này :

— Hà-nội có một tâm sự đấy ! Một tâm sự không nên bỏ qua. Nhưng Hà-nội cũng lại rất khó tính. Chỉ chịu cởi mở nỗi niềm về ban đêm thôi...

Nghĩ coi ! Xuốt ngày cát bụi mù mịt, xe đạp, ô tô, như mắc cửi ; người đi người lại như nước chảy ; phố nào cũng hệt phố nào. Ầm ĩ quá ! Hỗn tạp quá ! Còn gì là cá tính của từng

chỗ ngoặt, từng ngã ba ngã tư ! Còn đâu là địa điểm của từng dẫy nhà, từng con đường, từng ngách hẻm ngõ tắt !

Phải đợi cho cái thiên hạ hiếu động kia rút lui vào giấc ngủ đi đã. Phải đợi cho ánh đèn điện đắc thời kia bớt vênh váo mặt với chị Hằng đi đã.

Lúc ấy mới là lúc Hà-nội tri kỷ với ta, nếu quả thực ta thông cảm được những vui buồn đau giận của nó ; nếu quả thực ta biết nhịp lòng ta với bản đàn u ẩn mà nó rung thành...

Hơn thế, mỗi phố tự có một dáng điệu riêng, một tâm tình riêng. Ta sẽ thấy phố hàng Đào cổ kính thùy mị biết bao, với những mái ngói lợp từ thuở tiền triều và những cửa sổ gác bé tí tẹo. Phố Bờ Sông thì trầm mặc kiêu hãnh với những ngôi nhà đều đặn, sừng sững đứng nhìn ra dòng Nhị Thủy mờ trôi dưới ánh trăng...

Nếu là bạn thiết, Nguyễn lại còn rỉ tai :

— Hà-nội bây giờ trải qua mấy cuộc biến thiên lịch sử, càng phải có những câu chuyện thú vị hoặc bi thương, cần nói với những ai biết nghe nó ! Ba mươi sáu phố phường mà thế nhân tưởng rằng hào nhoáng vô tư, thực ra đương mong mỏi tri âm tha thiết lắm đấy !

Ồ ! Cái anh chàng Nguyễn, thế mà đa tình đáo để ! có ai ngờ !

•

Một đêm cuối năm. Nguyễn được có người mời đi uống rượu. Thức nhắm tốt ; rượu hoàng hoa vừa cất xong ; men sánh, đượm. Nhấp vào cháy cổ họng mà vẫn êm ái. Riêng mình Nguyễn đã rốc cạn tới hai vò. Da thịt tưởng chừng tan thành khói ; bốc thành hơi. Lửa dâng ngùn ngụt, đỏ khé cả tâm tư. Nghe như có

cả một trường đua ngựa trong bộ máy tuần hoàn. Máu cuồng loạn đập vang rền ở mọi huyết quản.

Say đến cùng độ, Nguyễn lảo đảo ra về. Chủ nhân giữ lại thế nào cũng không được.

Lúc ấy các rạp cải lương đã tan từ lâu. Tuy say, nhưng chưa đến nỗi bất tỉnh nhân sự, Nguyễn vẫn còn đủ sức sáng suốt để nhận thấy mình là một bộ hành duy nhất, đương lạc loài trong tâm sự cố đô. Nhưng chỉ nhận thấy thế để mỉm cười. Và để rồi quên tức khắc.

Qua chợ Hôm. Qua hồ Hoàn-kiếm. Hai chân Nguyễn bắt đầu mềm nhũn như bông. Từ gối trở xuống hoàn toàn không phải của anh hay sao ấy? À, ra anh say! Say quá lắm rồi:

Chẳng biết rét là gì: Đêm cứ việc khuya. Gió cứ việc thổi. Sương có xuống nặng giọt cũng chả cần gì. Thực thế, dù ngấm qua được chiếc áo ngự hàn của Nguyễn thì cũng bị hơi men làm khô ngay. Đụng vào da thịt anh thế nào nổi. Huống hồ là nhiễm vào.

— Vậy thì, đêm khuya? Mặc! Gió thổi? Mặc! sương xuống? Cũng mặc!

Đầu lắc lư, miệng nghêu ngao mấy câu Đường thi còn nhớ bập bõm, anh cứ bước, bước tràn, đi sâu tít mãi vào cái khuya của đêm tháng chạp và cái say của người ngang tàng.

Ngất ngưởng đi tới đền bà Kiệu; chợt Nguyễn ngửi thấy một mùi hương lạ. Rất khó tả. Không nồng đắng như hương huệ. Cũng không mát ngọt như hương lan. Không dai dẳng xâm chiếm như hoa dạ hợp. Mà cũng không thoáng lén mờ phới như hoa quỳnh.

Chỉ chắc chắn là mùi hương của một loài hoa. Lại đoán già đoán non rằng hoa ấy màu san hô, cánh nhỏ xinh, nuốt na và nhọn hoắt, nhọn đến nỗi như đâm sâu và khứu giác anh. Có lẽ cả xúc

giác cũng bị khiêu khích, vì trời hỡi ! anh thấy những khía ngang khía dọc chạy tê giợn khắp làn da...

Ô này ! Cả giác quan thứ sáu nữa cũng bị tấn công chăng ? Hình như đúng rồi ! Tiềm thức của Nguyễn vừa bị chọc thủng, hé ra cho anh cảm thấy một góc trời mê ly.

Thú quá ! Nguyễn liên tưởng ngay đến rượu. Và nghĩ ngay rằng : nếu bứt được mươi cánh san hô ấy đem về ngâm vào bình « Sử Quốc Công » ở nhà thì sướng tuyệt.

Rồi mà nước miệng trào ra. Cũng chẳng buồn kéo vạt áo lau nữa.

Đêm vẫn cứ khuya. Sương vẫn cứ xuống nặng giọt. Và Nguyễn vẫn cứ bước. Nhưng bây giờ thì anh dấn bước với một ý định mang hồn say hòa lẫn cho tận nhập hẳn vào mùi hương vô danh kia.

Anh đi tìm...

•

Khắc vợi, canh tàn...Chỉ thấy gió hồ thổi lên, não nuột. Trăng hạ tuần đi trong mây rất nhanh, như muốn dấu bộ mặt không còn đều đặn nữa. Ánh điện thì co ro khúm núm, lơ láo như một kẻ hàng thần. Hai bên hè, từ mấy ngôi nhà đổ, chiếc xà ngang khe khẽ cựa mình. Bức tường nhà đổ nằm rên rỉ thoi thóp. Gạch và ngói thuỷnh thoảng lại cùng chung với gỗ một tiếng thở dài...

Giữa cái tội ác của chiến tranh hiện thành hình, Nguyễn đi tìm một thứ vô ảnh...

Nhưng đêm càng khuya và cảnh càng tịch liêu, mùi hương lại càng quyến rũ và lòng Nguyễn càng mê man.

Phải nói ngay rằng phút này, Nguyễn đã tỉnh hẳn rượu ;

nhưng chỉ tỉnh chất men để mà say chất hương. Cái say vì thế càng có hứng thú. Và cái tỉnh không hề vương chút ngậm ngùi nào.

•

Bỗng anh reo khẽ trong cuống họng. A! Có thể chứ! Nguyễn tìm thấy mùi hương quái dị kia rồi. Nó đây rồi! Vừa trông thấy nó xong. Phải nắm lấy mới được. Nắm ngay đi và nắm cho chắc. Đừng để cho nó kịp trốn vào bóng trăng mờ...

Ôi mùi hương! Nguyễn vừa trông thấy rõ ràng nó đang chuyển từ mờ loãng sang đậm đặc. Lấy tâm hồn của Nguyễn làm cầu, nó vượt từ bờ Vô Thể sang bến Hữu Hình. Thảo nào Nguyễn cảm thấy toàn thân rung lên từng dịp, y như có ai vừa nhẹ bước dẫm lên.

Trước mặt Nguyễn, phải, ngay trước mặt anh, đang có một cái gì đọng dần lại. Thoạt tiên nó thẫm dần ở màu sắc để rồi sau tự hiển hiện ở dáng vẻ... Bây giờ thì nó chiếm cứ hẳn được một vị trí trong không gian rồi...

Nhưng, « Nó » là cái gì vậy? Nguyễn dơ tay dụi mắt, đồng thời vũ trụ ngừng hết mọi thanh âm. Bản nhạc « tiếng » bắt đầu chìm vào bản nhạc «màu» rồi đó hẳn.

Cái gì đang phơi phới trước mắt anh kia? Một vạt áo chăng? Hay một vầng trán? Một suối tóc thề tha thướt? Hay một chiếc khăn lụa phất phơ?

Có lẽ là tất cả! Nhưng tất cả những thứ ấy đã được xếp đặt khác hẳn với lề lối thông thường. Chúng hiện lên đột ngột trái hẳn với nếp nghĩ quen thuộc của mọi người, sai hẳn khớp với cái khuôn tưởng tượng nghìn xưa đã sẵn đúc.

Thực vậy, ngay giữa vạt áo tung bay, Nguyễn nhìn thấy

một nụ cười trinh bạch vô hạn. Trong suối tóc yêu kiều. Nguyễn trông thấy ẩn hiện mờ tỏ một đôi mắt sóng trôi. Bên trên vầng trán tuyết sương, Nguyễn linh cảm thấy một bàn tay đang xòe ra những ngón búp măng trắng hồng mát rợi.

Mùi hương chợt rậy lên, tỏa ra. Để rồi bàn tay ngà nghiêng vào đuôi mắt. Để rồi vạt áo lênh đênh trên vầng trán. Và để rồi suối tóc lăn nép sau nụ cười.

Ô ! Chiếc khăn lụa xinh xắn nào đã che khuất nửa hàm răng ngọc và để bộc lộ ra nửa tấm vai ngà ?

Đột nhiên Nguyễn mừng quýnh. Ríu cả chân lại. Trái tim đập rộn ràng. Anh vừa nhận thấy một cái gì đẹp lắm và đáng yêu quá !

Bàn tay đã vời gọi anh chăng ?
Hay nụ cười đã tự trao phó ?
Hay vầng trán đã hứa hẹn ?
Hay đuôi mắt đã ân cần ?

Dễ thường tất cả mới đúng ! Tất cả đã ân cần, đã trao phó, đã hứa hẹn, đã vời gọi.

Nguyễn tiến lên một bước, dơ hai tay ra ghì chặt lấy mùi hương vừa hiện thành hình sắc để lần thứ nhất chiếm đoạt trái tim anh.

Nguyễn đã yêu ! Trời hỡi !

●

Câu chuyện tình duy nhất trong đời Nguyễn này, Nguyễn chỉ thuật lại cho các bạn chí thân nghe thôi. Và cũng chỉ kể đến lưng chừng... Nhất định Nguyễn không chịu nói thêm gì nữa. Mặc cho người bàn tán xôn xao về đoạn kết.

Trong bạn có anh Hoàng, tính rất tò mò và ưa chuyện hồ quỷ. Anh bảo chúng tôi rằng :

— Nguyễn nó dấu. Nhưng tao đoán cũng biết thừa đi. Hôm ấy tất nó phải vào cái nhà đồ sau đền bà Kiệu. Này, cái nhà ấy, thiên hạ đồn có ma đấy nhé !

Tôi chợt nghĩ đến những nàng trinh nữ tóc còn xõa vai tuổi chưa mười sáu trước ngày Hà-nội gặp cái loạn năm Tuất mới đây. Có thể rằng châu chìm ngọc nát trong khói lửa gươm đạn vô tình. Lại rất có thể rằng giữa một ngôi nhà hoang nọ xác ai trinh bạch còn đang ngậm ngùi bi phẫn dưới nấm đất vùi nông.

Nhưng tôi chưa kịp nói cái ý nghĩ tầm thường ấy ra thì anh Hoàng đã giơ tay, giọng quan trọng bí mật.

Chính tao đã vào cái nhà ấy rồi đấy nhé ! Tít đằng sau có một khoản đất cỏ mọc khá cao. Trong đám cỏ thấy thò lên một thứ hoa lạ lắm chúng mày ạ. Màu nó như san hô ! Cánh nó nhỏ xinh và nhọn hoắt. Không có nhụy, cũng chẳng có đài. Ngửi thì mùi nó tanh khét sặc lên đến óc...

Tôi rùng mình, nghĩ đến mùi hương đêm ấy đã quyến rũ bước chân và chiếm đoạt trái tim Nguyễn.

VŨ-HOÀNG-CHƯƠNG

VŨ HOÀNG CHƯƠNG
tiếng thở dài của phương đông...

(Tiếp theo trang 32)

sung sướng hay khổ đau, đã già hay còn trẻ, hãy ngẩng mặt lên đón nhận nơi đây lời chúc tụng.

Tình yêu mà Vũ đã gởi tặng nhầm nơi không phải thứ tình yêu quá nhanh như gió thổi, như làn chớp ngang trời. Nó ray rứt sượng sùng. Nó tái tê da thịt, cuồng dại tâm linh đến nỗi Vũ phải kêu la ;

« Yêu sai lỡ để mang sầu trọn kiếp.
Tình mười năm còn lại mấy tờ thư ! »

Biết rằng thất bại và biết được giá trị khổ đau, Vũ muốn tìm quên bằng cách đắm chìm thân phận vào trời say, nhưng không được.

«... Say đã gắng để khuây sầu lẻ gối
Mưa, mưa hoài rượu chẳng ấm lòng đau
Gấm the nào từ buổi lạnh lùng nhau
Vàng son có thay màu đôi mắt biếc?
Tình đã rời đi riêng mình tưởng tiếc
Thôi rồi đây chiều xuống giấc mơ xưa
Lá, lá rơi nằm bệnh mấy tuần mưa
Say chẳng ngắn những đêm dằng dặc nhớ... »

(Lá Thư Ngày Trước, MÂY)

Như thế đó ! Tình yêu đối với Vũ là hình phạt nặng nề hơn ân thưởng. Những khuôn mặt đàn bà đi qua đời Vũ, được Vũ nhắc đến trong tác phẩm, đều chập chờn như những bóng ma. Từ cô gái tóc vàng đến từ miền tuyết trắng hay ả ca kỳ nổi danh phường Dạ lạc cũng chỉ là hư ảnh. Vết thương tình ái làm Vũ nhức nhối đến bây giờ, trong buổi xế chiều của cuộc đời, vẫn là Kiều Thu. Nó là ung thư đục khoét ở chiều sâu cơ thể. Nó làm

cho con người chết mỏi mòn vì ám ảnh, sầu đau, Vũ mang vết thương đó đi lang thang trên mọi nẻo đường đời như mang một số kiếp phụ thuộc.

« Trăng của nhà ai Trăng một phương
Nơi đây rượu đắng mưa đêm trường
Ở đêm tháng sáu mười hai nhỉ
Tố của Hoàng ơi hỡi nhớ thương...»

Ngày 12 tháng 6 là ngày người yêu sang ngang. Sự dứt bỏ này làm tổn thương đến danh dự người trai ngoài hai mươi tuổi. Nhưng, nàng bỏ ta không phải là hết. Ta vẫn mê nàng. Ta là gã si tình ngàn kiếp,

«... Tháng sáu mười hai từ đấy nhé
Chung đôi từ đấy nhé lìa đôi
Em xa lạ quá đâu còn phải
Tố của Hoàng xưa Tố của tôi...

Rồi Vũ thét ngất,

«... Kiều Thu hề Tố em ơi
Ta đương lửa đốt tơi bời mái tây
Hàm ca nhịp gõ khói bay
Hồ từ xang xế bàn tay điên cuồng

Kiều Thu hề trọn kiếp thương
Sầu cao ngùn ngật mấy đường tơ khô
Xề xang xế xự xang hồ
Bàn tay nhịp gõ điên rồ khói lên...»

(Mười hai tháng sáu, MÂY)

Niềm bi thảm của tình yêu cứ kéo lê tâm linh Vũ như vết hằn khô nhục. Khuôn mặt và vóc dáng người đàn bà đó đã gây nên ấn tượng khốc liệt làm Vũ choáng váng đến run sợ

định mệnh. Chính vì không đủ can đảm, Vũ chạy chốn thất vọng đi tìm đam mê để giết nỗi buồn dằng dặc. Vũ dìm đời mình vào dòng sông Mê khoái cảm. Vần điệu trong thơ Vũ ngây ngất như ủ say men khói, lảng đãng lạc vào cõi u huyền mộng mị.

Thi phẩm MÂY chào đời năm 1943 là thi phẩm sáng chói nhất của Vũ, vì ở giai đoạn này, Vũ đã sống trọn vẹn với hơi thở thi ca, với quê Nâu lửa đóm bằng máu và hồn. Vũ thiêu dần thân xác chẳng những với ngọn dạ đăng chập chờn hoa bấc mà còn đắm say tiếng cầm ca, sênh phách rộn ràng trong từng đêm dài cửa Ô đau khổ. Vũ muốn xé tan thân phận mình và tiêu hủy cái số kiếp bi đát để tìm về giải thoát, sự giải thoát nào đó có mầu nhiệm hay không, Vũ chẳng cần biết. Vũ nhìn tròng trọc vào cõi Hư vô mong soi tỏ bản chất mình qua đốm lửa lung linh mờ ảo.

Ngày rồi đêm, khúc vui, cung buồn cứ đuổi theo nhau chạy luồn trong huyết quản Vũ để biến Vũ thành một tù nhân của đam mê, vọng tưởng. Niềm thương nhớ chắc chẳng bao giờ nguôi, từng nuối khắc khoải, phân vân hiện hình trong thơ Vũ như chứng minh sự buông thả lênh đênh của một tâm hồn đã quá no đầy oan nghiệt.

... « Phơi phới linh hồn lỏng khóa then
Say nghe giọt nhựa khóc bên đèn
Mê ly cả một trời Đông Á
Sực tỉnh trong lòng nấm mộ đen...»
(Hơi Tàn Đông Á, MÂY)

ẢNH HƯỞNG VÀ ĐỐI THOẠI.

Tâm hồn Vũ là những sợi giây tơ được căng thẳng trên vòm trời mộng ảo. Một hơi gió, một chớp mắt, một

va chạm cỏn con cũng đủ làm cho đường giây rung lên nức nở. Vũ treo cuộc sống của mình trên những sợi tơ mỏng manh đó và để mặc cho âm hưởng reo vang tự đáy lòng cô đơn. Vũ không nhìn vào cuộc đời có đấy để tìm vị trí thực thể của mình. Vũ xoay mặt đối diện với quá khứ, đối diện với những ước mơ tự ngàn xưa xa vút. Sự đối diện này tạo cho Vũ niềm tin tưởng vì Vũ cho rằng đã tìm thấy ở vóc dáng dĩ vãng, cái qua rồi, hình ảnh bản thân hiện rõ trong lăng kính tâm tư, Vũ không chấp nhận cuộc đời có mặt. Vũ nhìn lại phía sau, vẽ lại tiền thân bằng vần điệu. Cả một vòm trời nặng trĩu mây mù, Vũ dùng tâm linh chiếu sáng để nối lại đường giây giao cảm, để khỏa lấp sai biệt của khoảng cách vô cùng rộng lớn. Vũ mơ giấc mơ thành bướm của Trang Chu và hoang tàng với từng bước chân khoảng khoát của Lý Bạch, Đỗ Phủ, Thôi Hiệu, Bạch cư Dị. Vũ say mê trong tưởng tượng bờ liễu Hàng Châu lả lướt hoặc sóng nước xanh rờn vỗ bến Tầm Dương với nét nguy nga, cao trọng của lầu Hoàng Hạc ngàn năm sững bóng. Vũ chịu ảnh hưởng sâu đậm của nền thi ca Trung Quốc thuở Thịnh Đường và mê triết thuyết Vô Vi của Lão Tử. Cái « Có » cái « Không » phải chăng là mầu nhiệm ? Đêm đêm Vũ thường đốt đèn lên trang sách hỏi người xưa về Ý Thức Huyền Vi để mong tìm ra lối thoát cho bản ngã, tài năng,

«... Phải chăng muôn kiếp nặng nề
Từ Hư không lại trở về không Hư
Lẽ nào mộng cả thôi ư?
Người ơi! giọt bể chứa dư tang điền...»

(Bài ca Siêu Thoát, RỪNG PHONG)

Không tin vào giá trị tuyệt đối của cuộc đời có mặt, Vũ nghiêng về hoài cảm. Từ hoài cảm tiến tới hờn giận sự hiện diện

của thực tại, một thực tại nhức nhối, nhơ bẩn. Vũ vượt lên, thoát mình vào ảo giác, trộn lẫn cái « Còn », cái « Mất », cái « Có », cái « Không » để đi vào quan niệm bi thương, giận dỗi, Vũ vùng vẫy trong mớ hư ảnh do cố nhân để lại. Vũ kêu gọi từng hình thể xa vời trở về với đối thoại.

Vũ cho rằng, cuộc đời hiện hữu không phải là chỗ đứng của mình nên thay vì đối thoại với người sống, Vũ trò chuyện với những vóc dáng mơ hồ chạy lởn vởn trong tiềm thức, hay ẩn hiện sau mỗi cơn say dài men khói. Từng chấm sáng lân tinh xoay quanh đốm lửa hắt hiu tỏa hương mê hoặc. Vũ gọi về tâm sự! Vũ dìu nhẹ thời gian trở ngược vòng vận chuyển. Vũ mơ về thời đại hoàng kim xênh xang nhạc ngựa, gỗ đá giao duyên. Vũ đối thoại với các linh hồn, ma quỷ bằng lời thơ tiếc nuối,

« ... Khí thiêng chừng sớm lìa nhân thế
Dương thịnh rồi chăng Âm đã suy
Quạnh quẽ thu phần thơ bặt tiếng
Lầu hoang chìm dấu cỏ hồ ly
Còn đâu thuở ấy niềm khăng khít
Quỷ với người chung một mái nhà
Trăng bạn, hoa em trăm mối lái
Đèn trăng dìu dặt bóng yêu ma... »

(Cảm Thông, MÂY)

Ma quỷ, Hồ ly đối với Vũ như những người bạn chí thiết. Vũ trao đổi tâm sự với chúng như trò chuyện với các danh nhân, cao sĩ. Vũ mặc áo linh hồn cho gỗ, đá, cỏ, cây,

« ... Ai đó — Phải chăng hồn cỏ cây
Bấc thơm dầu quánh nhựa hây hây
Dầu vơi bấc mỏng manh gầy

Bước chân nào bợ ngợ
Hoa đèn lung lay... »

(Nửa Truyện Hồ Ly, MÂY)

Nhưng niềm cảm khái của Vũ không nhất thiết phải đứng nguyên ở vị trí tiếc thương quá khứ với giấc mộng đẹp qua đi không bao giờ trở lại, đôi khi, nó vùng lên hào khí. Sự vùng lên đề chứng tỏ một thái độ và cũng đề tìm không khí mới cho cuộc đối thoại, vì đối thoại không hẳn là phải chung thủy với một lập luận, chính thực đề hiểu biết thêm những điểm khác biệt với chính mình. Từ chuyện người tráng sĩ Kinh Kha với đường gươm lỡ dở không thành việc lớn tới tiếng sáo u buồn của Cao Tiệm Ly tiếc thương người bạn đời, đến vị anh hùng áo vải đất Qui Nhơn đã làm đẹp lòng Vũ bằng vần điệu gieo vàng, chuốt ngọc,

«... Hãy dừng lại Thời gian
Trả lời ta ! Có phải,
Dưới vừng nguyệt lạnh lùng quan ải
Dưới vầng dương thiêu đốt quan san
Lớp hưng phế xô nghiêng triều đại...
Mà chí lớn dọc ngang
Mà nghiệp lớn huy hoàng
Vẫn ngàn thu còn mãi
Vẫn ngàn thu người áo vải đất Qui Nhơn.»

(Bài Ca Bình Bắc, HOA ĐĂNG)

Đó tâm hồn Vũ rung lên từng cung bực uyển chuyển, nhịp nhàng theo tiết độ. Tình yêu hồi tưởng, đam mê, khổ đau, hờn giận đã bủa vây dòng sông nội tâm Vũ, biến Vũ thành một biểu tượng đặc biệt trong thế giới thi ca hiện đại.

NIỀM CÔ ĐƠN VÀ DUNG NHAN CÕI CHẾT.

Mỗi con người là một hoang đảo, nếu không có sự liên hệ do cuộc sống tạo lên để ràng buộc nhau trở thành xã hội, quốc gia hay nhân loại. Từ thuở sơ sinh, âm thanh thứ nhất chào đời là tiếng khóc chứ không phải nụ cười. Tiếng khóc niềm ám ảnh khôn nguôi đối với con người hiện diện. Cái vòng sinh, bệnh lão, tử như mối giây oan nghiệt thắt chặt mỗi cá nhân vào nhiệp chướng không để ai thoát khỏi, dù người đó là gì chăng nữa. Vũ vào đời với từng bước nhỏ nhẹ, với thân phận tiền oan. Màu áo xanh Tư Mã, Vũ khoác lên đôi vai mỏng manh như một biểu hiệu cố định, đồng thời Vũ cũng mang luôn niềm cô đơn giữa đời sống— một đời sống nô vong — đang đuổi theo sự an hưởng vật chất trước mặt hay gục đầu trong vũng lầy hoàn cảnh. Vũ ngẩn ngơ giữa cõi đời với hành trang chất đầy hoài vọng lẫn bi thương. Vũ hoài vọng đến một khung trời bỏ ngỏ có bướm vàng, lá thắm tình tự suốt bốn mùa giao hưởng, ở đấy con người được tự do trút bỏ mọi câu thúc hình hài, nhởn nhơ giữa muôn tiếng đàn ca, với thiên tiên vui múa khúc Nghê Thường. Vũ có thể tâm sự trực tiếp với « gỗ danh sĩ », « đá thuyền quyên » như thủa nào trái đất mới hình thành mầm sống. Nhưng Vũ đã sinh ra giữa thời đại cơ khí, giữa hoàn cảnh phức tạp của xã hội Việt Nam nô lệ, nên hoài vọng và niềm bi thương ấy bị dồn nén vào trong để kết tụ thành khối đau buồn dằng dặc. Vũ nhìn lên vòm cao rồi cúi mặt xuống đất. Vũ không tìm thấy lối thoát nào ngoài thi ca. Vũ cô đơn. Mọi cánh cửa đều khép chặt trước mặt. Ba chiều không gian đã đóng kín, Vũ đành đốt tâm tư để mở một chiều riêng cho mình. Ấy đó, niềm cô đơn mà Vũ đã mang trọn kiếp người bật khóc trong thơ.

...« Ai biết gì đâu một cuộc đời

Nhớ thương hờn giận chẳng hề nguôi
Chẳng thương xuân sớm phai màu tóc
Chẳng nhớ mình đang sống kiếp người
Chẳng đáp cũng non hờn chót vót
Chẳng dâng mà biển hận đầy vơi
Hỏi chi sự nghiệp cùng thân thế
Sông núi —kìa xem— đã lở bồi...»
(Giấc mơ Tái Tạo, TRỜI MỘT PHƯƠNG)

Từ hờn, hận Vũ đi vào bi phẫn.

...« Ai đó mách giùm ta với
Quẩn gót thế nhân như đàn quạ kia chăng
Hay như mây cao đơn chiếc cánh chim bằng
Ấp úng cân đai hề trói giam tài năng
Vỡ mộng buông câu hề kho trời gió trăng»..
(Túy Hận Cuồng Ngâm, MÂY)

Chính vì cô đơn quá đỗi nên Vũ bi quan, muốn rẫy bỏ nguồn sống đi tìm dung nhan cõi chết. Vũ phác họa cõi chết như một đổ vỡ toàn diện. Con người, sự vật đều mất hẳn. Ý thức về cõi chết là ý thức thực tế. Nhưng thường ra, mỗi người đều ước muốn có được cái chết yên lành cho riêng mình. Vũ không nghĩ thế, Vũ hình dung cõi chết như sự hủy diệt, một tai nạn hãi hùng khủng khiếp với phi thuyền gẫy lái, với trận lụt Hồng Thủy do cơn mưa đổ từ trời cao không giờ tạnh, hoặc cái chết do chính tim óc mình đòi ly khai với thể xác. Cõi chết mà Vũ tin rằng không ai được cứu rỗi dù Ma Vương hay Phật Như Lai, dù Quỷ Sa Tăng hay Chúa Trời ! Các vị thần linh đều bất lực vì cái chết này do chính con người tạo ra, con người phải chấp nhận hậu quả. Nói đến cái chết là nói đến niềm hoài nghi cuộc sống. Vũ nói về nó cũng tha thiết, cũng chìm

đắm như nói chuyện yêu thương. Một đôi khi sự giả tưởng đưa suy nghĩ đi quá trớn, phóng đại ý nghĩa sự thực, tuy rằng trong thực tế đôi lúc ngẫu hợp, nhưng nó không mang giá trị tuyệt đối. Nó cần thời gian và chứng nghiệm.

Vậy cõi chết Vũ hình dung thấy, phác họa ra, chỉ là ảo tưởng, nếu vạn nhất có thật, chắc chắn không phải là cõi chết con người thèm khát hay tình nguyện. Có chăng, nó chỉ liên hệ đến một mình Vũ với ưu tư thầm kín,

« Cả trái tim tôi.
Cũng đòi biệt thử
Nó quyết đi tìm Thượng Đế
Trên con đường không giới hạn bằng tiếng khóc trong nôi
Và điếu văn trước mồ
Nó hy vọng sẽ đích thân làm nhạc trưởng
Đánh nhịp tưng bừng cho nước lửa hòa âm trắng đen hợp xướng.
Cho bản đồng ca ảo tưởng
Hiện hữu vang lừng sân khấu Hư Vô... »

(Thản Nhiên, TRỜI MỘT PHƯƠNG)

Và cơn mưa không bao giờ tạnh,

«...Còn mưa rồi sẽ đến vô cùng
Khối nước đè lên bẹp Thủy Cung
Ngũ đại dương thành tên gọi hão
Năm châu vùi xuống đáy mồ chung ».

(Kiềm Tỏa, TRỜI MỘT PHƯƠNG)

SỰ BỪNG TỈNH VÀ Ý THỨC KHỔ ĐAU

Sau mấy chục năm dài đằng đẵng, Vũ ngập lụt trong hoài vọng và ước mơ thảnh thốt mong tìm siêu thoát. Hình ảnh quá

khừ trôi lều bều với dư âm buồn thương lãng đãng ở cuối trời mộng tưởng. Vủ khóc đã khô cong nguồn lệ. Vũ ôm bên mình mối hận lòng cùng tháng năm cách trở. Màu áo xanh năm trước đã tàn phai ý mùa Tư Mã. Bến Tầm Dương nào đó, lênh đênh dăm bảy con thuyền nát, vài nàng ca kỹ già nua ngồi gục đầu lên bờ liễu úa vàng sắc cũ. Vóc dáng « nàng hồ Ly » của Bồ Tùng Linh thôi về dưới mái Liêu Trai. Cảm thông ngàn xưa vướng mắc, Vũ bừng tỉnh và nhận thức cuộc sống với giá trị thực thể của nó đi theo nhịp tiến hóa. Vũ không thể đứng nguyên chỗ, gõ chậu mà ca như thời Trang Tử. Vũ phải sống, phải ăn, phải thở, phải chịu mọi phiền muộn về vật chất như mọi người. Vũ đau đớn tháo gỡ từng mảnh xiêm tàn vấn vương tâm tưởng. Vũ nhìn thẳng vào cuộc sống ở mỗi góc cạnh suy tư. Vũ chấp nhận thực tại tức là Vũ đã nhìn rõ vị trí kiếp người. Do đấy, lời và ý trong thơ đã chuyển hướng. Nó trình bày những hình ảnh mới với thể thơ Nhị Thập Bát Tú,

Cánh tay Đô Thị vươn dài
Báo hoa cọp gấm tàn phai mộng rừng
Một thời hương sắc trên lưng
Đổ theo giòng suối rưng rưng bóng tà.

(Rừng Hết Mùa Thiêng, NTBT tập 2)

hoặc,

« Dấu mũ trên chữ A
Là chim bay lộn ngược
Trên nền giấy trắng bao la
Trùng dương vội vàng in lấy bóng
Chim bay dìu mây bay...

. . . .

Hỏa Sơn cười sặc sụa

Rung chuyển vòng đai biển Thái Bình
Một lần nữa uốn cong lưỡi lửa
Ngùn ngụt thi nhau tập đánh vần
Một phụ âm và hai nguyên âm...»

(Khai Sinh, TRỜI MỘT PHƯƠNG)

Vần và ý thơ này rất mới chẳng những đối với Vũ mà còn làm bỡ ngỡ người quen đọc Vũ với hàng thơ đẹp, reo vang như tiếng vó ngựa đập lưng đèo. Nhưng không phải cứ đổi mới, cứ thoát xác là xong nhiệm vụ, là tước bỏ được mặc cảm. Vũ càng đi sâu vào cái mới bao nhiêu thì niềm khổ đau lại dâng lên bấy nhiêu. Ý thức khổ đau không buông tha con người đã quá nhiều vọng ước. Trong cõi mông lung của vô cùng, Vũ lại mập mờ nhìn thấy hình ảnh mình thất thểu in trên tấm màn vân cẩu. Thời gian cứ trôi bình thản theo nhịp chuyển dịch của Vũ Trụ. Con người cứ mòn mỏi theo tháng năm vô nghĩa. Sự góp mặt tạm bợ này Vũ đã biết, đã suy luận về nó rất nhiều. Bởi vậy, Vũ vẫn coi nguồn khổ não như ân sủng thiêng liêng và giá trị cõi sống không sao thoát được vòng kiềm tỏa của bẫy giây tình oan nghiệt. Vũ đối diện với lửa bấc hằng đêm để soi tỏa bản thân trước số phận con người lê thê bào ảnh. Vũ uống từng giọt mật đắng chảy qua tâm trí, ngấm vào huyết quản làm khổ dần ý sống. Vũ giận rồi, vùng lên nắm chặt lấy khổ đau mà nguyền rủa. Những tiếng thơ oán hờn vân vang lên nhịp điệu thê thiết ngàn kiếp không phai,

Đo màn mây sớm nét mưa chiều
Đo cả hơi đàn cả tiếng tiêu
Con số ra tay đè nén mãi
Con người phận mỏng đến bao nhiêu.

(Phương trình số phận, NTBT tập 2)

Con người phận mỏng lắm nếu đem so với phương trình vũ trụ. Con người chỉ là « hạt cát bến sông Hằng », là cái chớp mắt, là vi ti sinh vật đối với thế giới bên ngoài. Khoa học đã chứng nghiệm sự thực bằng phát minh, bằng con số bắt mọi người chấp nhận. Vũ tức giận sự lũng đoạn của khoa học trong địa hạt tâm linh, chính vì vậy Vũ phải mang ý thức khổ đau, có lẽ, tới khi vắng mặt !

TIẾNG THỞ DÀI VÀ Ý NIỆM GIẢI THOÁT

...« Từ khi trái đất ra đi
Lệ chia phôi đã xanh rì trùng dương...»

Thơ Vũ là tiếng thở dài của Phương Đông trầm mặc. Tiếng thở dài đó cất lên giữa vòm trời rất đỗi buồn thương, ray rứt trong mỗi vần điệu, trong ngôn ngữ của Thơ. Sau những cố gắng đi tìm cho chính mình luồng sinh khí mới, nếp suy cảm mới, nhưng rốt cuộc, tiếng nói của Vũ vẫn nguyên vẹn là niềm u uất, mệt mỏi, chán chường ! Vũ muốn dìm chết dĩ vãng trong Trời-Quên-Lửa-Khói, nhưng sau mỗi cơn say tự dưới đáy vực, Vũ cảm thấy tâm hồn mình càng lún sâu xuống Địa-Ngục-Quá-Khứ. Nó quật ngã Vũ lúc nào nó muốn. Nó là định mệnh. Nó bám riết lấy Vũ với dằn vặt trường miên, với hờn thương vô độ. Nó nhập vào thơ Vũ. Nó chứng minh sự phai tàn của một thế hệ. Nó có mặt để ghi dấu thời gian như vết xe lướt qua mặt đường lầy lội. Thật vô ích và xiết bao đau đớn, đêm đêm nhìn nhớ thương tỏa dài theo lửa khói rồi chìm lắng vào Hư Vô câm tiếng.

Thơ Vũ là cơn đau đứt nuối với số phận riêng lẻ. Thơ Vũ không chuyên chở những món hàng hợp thời trang cùng

chân dung thê thảm của chiến tranh có đấy, hoặc tỏ bày thái độ trước cuộc đời hôm nay. Thơ Vũ đơn côi giữa nguồn sống đang dâng trùng trùng, lớp lớp. Nhưng, chính vì thế thơ Vũ tồn tại.

Niềm chia ly cách trở do núi sông, nhân thế cộng với tháng năm tủi nhục, Vũ đi tìm vùng an nghỉ cho tâm linh. Vũ muốn được giải thoát bằng ý niệm siêu hình, bằng cách phóng hồn vào hư không tuyệt đối. Vũ đi tìm Đạo. Vũ muốn vứt bỏ cái xác phàm hệ lụy bởi cơm áo, yêu thương hờn giận này đi. Cõi sống làm Vũ chán ngán. Vũ đã uống no đau khổ, hút say phiền muộn! Cuộc đời nào có gì cho ta mong đợi?

...«Bụi đỏ phai màu nhân sự
Trang đạo lý thơm tho từng nét chữ
Mười ngón tay dan díu cõi Vô Hình
Xác tục lâng lâng chờ cơn gió hiển linh
Ai xưa quên ngày tháng hát Vong Tình
Kìa phương Nam, hoa nở ngát lời kinh
Dằng dặc trầm luân mấy độ
Thuyền ta trôi hề ý ta bay
Sương in bóng Nguyệt không mà có
Hay có mà không nhỉ gã say?»...

(Bài Ca Siêu Thoát, RỪNG PHONG)

Ngọn lửa Từ Bi cháy ngùn ngụt giữa đường nhân thế làm sáng ngời cửa Phật, soi đường cho Vũ tìm thấy chân lý cuộc đời. Vũ dâng hiến linh hồn mình cho đấng Thích Ca, cho Cõi Vô Cùng Siêu Thoát. Từ lâu Vũ nghe được tiếng cá thở than, hôm nay, Vũ đã sõi tiếng rừng cây, Vũ chỉ chờ ngày hiểu được bề sâu của lòng đất là thỏa nguyện ước mơ cuối đường.

Nghe được từ lâu cá thở than.
Hôm nay mới sõi tiếng cây ngàn
Bao giờ tôi hiểu sâu lòng đất
Là thấy đường lên cõi Niết Bàn
(NTBT tập 2)

Là đấy, niềm hoài vọng của con người thơ qua bao nhiêu hệ lụy giờ đây còn lại những gì? Cuộc đời có không, không có, nào ai biết được, hay cũng chỉ như,

...ca trùng lửa đón
Cũng hoàn phản hư không dù lăng ngà cỏ khâu...
(Tụng Kinh Kha)

Cách đây 23 năm, vào buổi tối đầu Thu, thành phố Hà Nội vừa lên đèn. Gió từ bờ Hồng Hà thổi nghe thấm lạnh. Những chiếc lá đầu mùa đã thả xuống lề đường làm duyên cho thành phố. Nguyễn Đức Nùng, người bạn cùng trường đưa tôi đến gặp Vũ Hoàng Chương tại căn nhà cổ, sau đền Bà Kiệu. Đến nơi tôi gặp thêm Đinh Hùng, Lê Trọng Quỹ cùng vài ba bạn khác. Căn nhà thấp rất thấp, tối om om. Đó đây từng ngọn dạ đăng cháy lập lờ không soi tỏ mỗi khuôn mặt. Tôi được giới thiệu với Vũ và các bạn. Hình ảnh đầu tiên ghi nhận ở Vũ, đến hôm nay còn in rõ trong tôi như vết tích không hề phai lạt với thời gian, đó là một thanh niên mảnh mai chìm khuất dưới bộ bà ba trắng đã ngả màu, nằm nghiêng bên ngọn dạ đăng ma quái. Vũ đưa đưa mắt nhìn tôi mà tôi tưởng như Vũ nhìn vào khoảng trống. Đôi mắt ấy toát ra làn ánh sáng kỳ lạ. Nó lóe lên giống tia chớp rồi vụt tắt giữa màu mây nặng chĩu hơi mưa. Vũ nằm bất động như thiếp vào cơn mơ bỏ dở. Hương nha phiến chợp chờn quyến rũ lát sau nghe chừng đã hả cơn say. Vũ mời tôi vào thăm quê Nâu. Tôi từ chối

Vũ nhếch môi cười. Toa không chịu vui với em thì đến đây làm gì ? Tôi định trả lời, tôi đến vì mê thơ Vũ chứ không vì khói. Nhưng Nùng đã vội nói — Moa biết, nó chỉ thích thể thao và con gái thôi. Mặc nó ! Tôi bẽn lẽn ngồi như cậu bé bị kể tội. Lê Trọng Quỹ nằm gần đấy, cất tiếng ngâm thơ. Giọng ngâm của Quỹ sang sảng, ấm lạ thường. Tiếng thơ dìu theo khói thuốc gây cho tôi ấn tượng là lạ vì chưa một lần được biết. Quỹ ngâm bài « Mười Hai Tháng Sáu » trong tập Mây của Vũ, do nhà Đời Nay vừa xuất bản. Chính thi phẩm này đã đưa Vũ lên tột đỉnh của trời thơ thủa ấy. Vũ gõ que sắt vào thành chén giữ nhịp, đôi mắt nhắm lại như không muốn thấy sự vật chung quanh. Tôi biết Vũ đang trở vào giấc ngủ mười năm lở dở. Tiếng ngâm của Quỹ vút lên nhưng bị ngăn trở bởi kích thước không gian chật hẹp nơi đây nó dội lại, trở thành chua chát, não nề. Tôi choáng váng rồi thoát mình a nhập vào không khí cuồng say lúc nào chẳng biết.

Từ buổi ấy chúng tôi là bạn. Chúng tôi thường gặp nhau, nhưng không một lần, Vũ mời tôi chung say nữa. Tôi mê thơ Vũ đến nỗi thuộc hết tập Mây lúc nào không hay. Tôi còn thích Vũ ở lối ăn mặc đặc biệt. Vũ thường bận áo gấm màu lam, đi giày ta, mang khăn xếp, tay cầm quạt và luôn luôn có đem theo cuốn Liêu Trai Chí Dị của Bồ Tùng Linh bằng chữ Hán. Vũ đi thất thểu, chậm rãi với phong độ nho gia. Sau đó ít lâu, Vũ về quê nhà ở Nam Định.

Bẵng đi một dạo, cho tới năm kháng chiến thứ ba, tôi mới gặp Vũ tại Đống Nam thuộc tỉnh Thái Bình, nhân buổi họp mặt Văn Nghệ. Vũ vẫn thế, chiến tranh không làm Vũ đổi thay từ bản thân tới suy nghĩ. Chiếc áo gấm năm xưa đã phai màu gió bụi trường chinh, nhưng phong cách Vũ vẫn y nguyên. Trong thời

gian ấy, Vũ làm thơ một phần để tỏ bày thái độ, một phần để nguôi ngoai tâm sự.

... Mới hôm nào gác Dì Năm
Lời thơ ai đẹp tiếng cầm ai say
Tang thương một cuộc ai bày
Giấc Thiên Thai để trắng tay Lưu Thần
Xa cố đô vắng cố nhân
Trái tim mềm chịu hai lần nhớ thương...»

Lần này chính Vũ ngâm cho tôi nghe trong một quán nước bên bờ đê. Giọng ngâm của Vũ âm đục, thê thiết như vướng nghẹn bởi sương khói quê Nâu. Vũ ngâm thơ như khóc, như hờn tủi, như cơn đau xé ruột.

Qua những giờ phút giao cảm ngắn ngủi đó, chúng tôi lại chia tay với bùi ngùi cách trở Kháng chiến vẫn kéo dài bước chân tuổi trẻ.

Đến năm 1951, chúng tôi lại thấy nhau ở Hà Nội. Vũ cho biết đang viết vở kịch thơ Tâm Sự Kẻ Sang Tần. Trong vở kịch thơ này Vũ đã gửi gấm tâm sự mình không ít xuyên qua nhân vật Cao Tiệm Ly. Vũ đã viết 6 vở kịch thơ, mới in 4 và 10 thi tập. Trong số có tập Cảm Thông do Nguyễn Khang dịch sang Anh Ngữ và Tập Nhị Thập Bát Tú được dịch sang Pháp Ngữ do Nữ sĩ Simon Kuhnene de la Coeuillerie với lời tựa của thi hào Ý Lionello Fiumi, cùng một tuyển tập cũng do S.K de la Coeuillerie dịch với minh họa của Suzanne Bomhals và phụ bản của Ysabel Baesi. Cuốn Tuyển Tập được giáo sư André Guimbretière đề tựa. Thơ Vũ đã vượt biên giới để hòa mình với thi ca Thế Giới.

Nhưng viết về Vũ mà bỏ quên hình ảnh người đàn bà tên Oanh — Người bạn đời của Vũ — Kể như thiếu xót. Người đàn

bà ấy nổi danh tài sắc một thời — đã cùng lênh đênh, chìm nổi theo số phận Vũ. Người đàn bà ấy có tình thương yêu vô lượng, có sức chịu đựng phi thường. Sự nghiệp của Vũ hôm nay được thành quả, một phần cũng bởi lòng hy sinh cao cả và ý chí sắt son của tâm hồn khả kính ấy. Trong suốt mười mấy thi phẩm, Vũ chỉ nhắc đến tên Oanh có một lần, trong tập HOA ĐĂNG. Nhưng thật ra, bóng dáng ấy phảng phất có mặt trên mọi trang thơ vì nó đã dính liền vào thịt da, vào huyết mạch Vũ từ lâu rồi. Vũ rất nhậy cảm nên dễ giận hờn. Thực phẩm trần gian quá đắng cay, Vũ phải ẩn nấp vào trời MÂY để tìm hương vị ngọt ngào cho cuộc sống riêng tư.

Việc nhận diện Vũ Hoàng Chương không mấy khó. Cái khó là viết về người cùng thời, hơn nữa, là bạn. Tôi băn khuăn, phân vân trước khi viết vì tự nghĩ, mình không đủ sáng suốt để tìm hiểu Vũ với cái nhìn vô tư.

Nhưng đến lúc này, tôi cảm thấy vơi nhẹ đôi vai.

tháng 5-1966

TẠ TỴ

(Trích Tuần báo NGHỆ THUẬT số 32 ngày 21 tháng 5 năm 1966)

BẢN ĐÍNH CHÁNH VĂN HỌC SỐ 95

Chủ đề : NAM-CAO

Trong Văn Học số 95, phát hành 15-10-69 chủ đề : Nam Cao : Nhà văn hiện thực của Cách Mạng và Kháng Chiến, vì lý do kỹ thuật nên đã có nhiều lỗi in. Tòa soạn xin cáo lỗi các tác giả, mong bạn đọc sửa lại như dưới đây. Đa tạ.

Trang	Tên bài	Dòng	In sai từ chữ...	Xin sửa lại như sau
1	Thư tòa soạn	16	...Tiểu Thuyết Thứ Năm, về phần...	...Tiểu Thuyết Thứ Năm. Về phần...
2	—	11	...văn học...	...Văn Học...
4	Ít hàng về Nam Cao	11	...nhất chúng tôi...	...nhất. Vì thế chúng tôi...
5	—	2	..ở miền Bắc này.	...ở Miền Nam này,..
5	—	7	...tự do nói thật...	...tự do để nói thật...
5	—	11	...sinh năm 1920 (?)	..sinh năm 1920 (?) (Có tài liệu ghi 1916—1914
5	—	22	...hoặc ông hoài bảo.	...hoặc hoài bão...
5	—	25	...trong gia đình..	...trong một gia đình...
6	—	16,17	...Nguyễn Sơn. Khi Nguyễn Sơn chết Nam Cao trở về...	...Nguyễn Sơn. Rời bỏ Nguyễn Sơn Nam Cao trở về...

6	—	27	...Cái lò gạch) (1) và tập Nửa đêm..	...Cái lò gạch, (1) Bông lúa lép và tập Nửa đêm...
9	Nam Cao : Nhà văn không biết khóc của Vũ Bằng	4	...(Cửa cao), cao..	...(cửu cao), cao..
9		5	...con dế nhỏ...	...con dê nhỏ...
9		5	...dốc lên...	...bộc lên...
11	Nam Cao : Nhà văn không biết khóc của Vũ Bằng	3	...một sái «sa-pô» giới	...một cái «sa-pô» giới...
11		22	...anh ta mươi lăm...	.. anh ba mươi lăm...
109		25	...Nghiên Khê...	...nhiêu khê...
109		27	...rồi, họ là...	...rồi, họ là...
112		19	..,.văn chương Âu Mỹ, đó là...	.. văn chương ta lại có thể «bén gót» văn chương Âu Mỹ đó là...
112		20	..được,nhưng có	..được-nhưng có
109			...giản dị lắm ..	...giản dị lắm...
114		17	...mới ñhà gì...	...mới nhớ gì...
115		21	...cầm kiếm bị kêu gọi...	...cầm kiếm bự kêu gọi...
117		17	...cho đến đã lúc ấy...	...cho đến tận lúc ấy...
117		27	...trong một tập chí bài trang nhất» văn nghệ...	...trong một bài trang nhất tạp chí «văn nghệ».
118		16	...ở Đầm...	...ở Đần...
119		11	...đến nước mắt...	..đến ứa nước mắt...

20	Nam Cao : Nhà văn hiện thực... của Sông Thai	7	...trầm trọng...	...trân trọng...
27		8	...cna đồng bào...	...của đồng bào...
27		24	..ưng ý. chính vi..	..ưng ý.Chính vì..
28		2	...«Trừ bài..	...«Từ bài...
29		1	...mào hiệp...	...màn đầu hiệp...
29		2	...mỗi nhân...	...mỗi cá nhân...
29		19	...thiệt thọi gì...	...thiệt thòi gì...
31		22	...quen rồ...	...quen rồi...
45	Chí Phèo: Con người bị từ chối.. của Ng.v.Trung	4	...hắn thế làm...	..hắn lấy thế làm..
51		16	...với Thì Nở...	...với Thị Nở...
51		20	...đã bi từ chối...	...đã bị từ chối...

CÙNG BẠN ĐỌC

Vì tình trạng kinh tế leo thang, vật giá tăng gấp đôi phí tổn ấn loát một tờ báo đã ở trong tình trạng bi đát trên.

Mong bạn đọc thông cảm cho Văn Học tăng giá báo thêm 10 đồng mỗi số báo thành 60 đồng kể từ số báo này. Cảm tạ và mong bạn đọc tiếp tục ủng hộ Văn Học.

Tòa soạn và Trị sự

VĂN HỌC

ĐÍNH CHÁNH VỀ SỐ 97 (15-11-1969) :

VŨ HOÀNG CHƯƠNG

1) Riêng về những câu thơ và bài

MÙI HƯƠNG QUÁI ẢO

Trang	Dòng	In sai	Xin đọc
15	22	Một năm	Mười năm
16	5	rung	rụng
29	8	người xưa	ngươi xưa
44	11	Mến kính	Mến kín
46	24	Yêu say	Yêu sai
48	2	nhớ thơm	nhớ thương
—	12	Gọi hồ	Gọi hồn
—	14	càng	cùng
49	21	màn trôi	màu trôi
54	20	ngàn	ngắn
56	20	quỳnh lương	quỳnh tương
—	26	thế thiết	thê thiết
58	1	địch	định
59	15	thêm	thềm
61	2	Gánh	Cánh
63	12	mờ	mở
67	11	thẳm	thầm
70	22	tiến đôi thân	tiến đôi chân
—	23	ngã	ngả
75	13	tô	tỏ
76	12	vỗ	võ
77	3	giận	giam
—	21	lần tuốt	lân tuất

79	11	trần tây	trần tâm
100	20	Hồ từ	Hồ xứ
—	21	ngùn ngật	ngùn ngụt
101	22	bên đèn	trên đèn
103	17	chìm dấu cỏ	chìm cỏ dấu
—	20	trăm mối lái	trầm mối lái
—	21	Đèn trăng	Đèn khuya
104	18	triều	từng triều
106	1	giận	hận
—	4	đáp	đắp
—	5	biên hận	biển hận
—	7	lỡ	lở
—	11	như	hề như
—	14	vỡ mộng	vỡ ruộng
107	9	biệt thử	biệt thể
109	25	Đo màn	Đo màu
110	9	Từ khi	Từ phen
112	9	lửa đón	lửa đóm
114	8	chìu	chĩu
91	24	đồi dời rồi	đồi dời.
93	1	dịa điểm	đặc điểm
97	5	ngà	ngã
—	7	lăn	lần

PHONG NGỨA

Ghẻ chốc, lở lói gãi tới đâu ăn lan tới đó
Không phải thoa phết sơ sài ngoài da mà hết, uống :
GIẢI PHONG — SÁT ĐỘC HOÀN

ÔNG TIÊN

30 năm danh tiếng

Có bán lẻ ở các tiệm thuốc Bắc
NHÀ THUỐC ÔNG TIÊN PL CHOLON
K.N.B.Y.T — Số — 12850-1-1-63

Cơ thể bải hoải thận yếu

Hay đái đêm, nhức đầu mệt mỏi, đau lưng, Di mộng hượt tinh, sinh lực suy kém, dùng thuốc BỔ THẬN

THẬN TRUNG BỬU LA-VẠN-LINH

CÁC CHỨNG BỆNH : Tê thấp đau xương, nhức gân tê bại, hoải gân đi đứng khó khăn, ngoài da tê lạnh, tê đầu ngón chân, đau chân, đau nửa thân mình, đau lưng nhức mỏi. Già cả ban đêm đau mình khó ngủ các chứng phong thấp nên dùng :

HOÀN KIỆN ĐƠN LA VẠN LINH

Loại Hoàn mật và ngâm rượu. Có để bán ở các tiệm thuốc Bắc
Tổng phát hành 532 Đồng Khánh Cholon K.N. 606-608-1278

Thuốc bổ máu bồi bổ cơ thể

Dùng thuốc NGŨ TẠNG TINH La-Vạn-Linh

Trị : Các bệnh thiếu máu, suy nhược, mệt mỏi, biếng ăn, ít ngủ, lao tâm lao lực, gầy yếu, đau lưng, đau mới khỏi. Phụ nữ kinh kỳ không đúng, khí huyết suy kém

CÁC CHỨNG HO Ho khan, ho có đàm, ho phong, rang tức ngực, ho lâu ngày, ăn ngủ không được, gầy yếu mệt mỏi, ho về đêm, ho suyễn. Sản phụ ho dây dưa không dứt, cần trị với : PHẾ TẠNG BỬU La-Vạn-Linh (Có bán ở các tiệm thuốc Bắc). Tổng phát hành : số 532, Đồng-Khánh Chợ-Lớn

K.N. số 609-607 ngày 1812-63

ĐÓN ĐỌC VĂN HỌC

Số đặc biệt

PHÁ THAI

Được không ? Không được ?

— *Biên khảo bởi* : VŨ BẰNG, TRỌNG THÌN, KIM THỊNH, CAO THẾ DUNG...

— *Với sự trả lời của các vị có thẩm quyền như* : B.s. Nguyễn hoài Đức, Hoàng văn Đức, Nguyễn duy Tài, Trương qui Lâm, Trần văn Bảng, L.M Nguyễn huy Lịch, Nguyễn ngọc Lan, Cao văn Luận, Thanh Lãng, Bà Hiệu Trưởng Trường Nữ Trung Học Trưng Vương, Gia Long, Sư huynh Mai Tâm Hiệu Trưởng Trường Taberd, Nữ sĩ Túy Hồng...

— *Một số báo độc đáo nhất dành cho Thanh Niên Nam Nữ*

Phát hành 1-12-1969